

SUTTANTA PITAKA

KINH TẠNG PÀLI

Bộ Sách Chú Giải

ÂN ĐỨC TAM BẢO

TIRATANA GUNA

(PHẬT BẢO – BUDDHA GUNA)

(PHÁP BẢO – DHAMMA GUNA)

(TĂNG BẢO – SANGHA GUNA)

(Tái Bản – Hiệu Đính)

Soạn Giả: Cư Sĩ HUỲNH THANH LONG

NÀGA MAHÀ THERA

(Đại Trưởng Lão Bửu Chơn)

PHI LỘ

Bất cứ một Tôn Giáo nào, hàng tín đồ thường tôn sùng vị Giáo Chủ của mình để tỏ lòng hâm mộ và biết ơn.

Có người biết ơn vị Giáo Chủ của mình do nơi sự huyền bí, linh thiêng, màu nhiệm.

Có người lại biết ơn trên căn bản hợp lý, thật sự và trí tuệ.

Có người thì tin tưởng bằng cách xu hướng mơ hồ, mù quáng vì thấy nhiều người tin tưởng.

Những sự biết ơn và tin tưởng ấy cũng không ngoài phạm vi hiểu biết “ơn đức” của vị Giáo Chủ mình.

Người Phật Tử cũng vậy, tin tưởng, sùng mộ tôn kính Đức Thế Tôn cũng không ngoài sự hiểu biết ít nhiều Ân Đức cao siêu của Đấng Phật Đà. Nhưng ít ai chịu nhọc công học hỏi, tìm hiểu sao cho chu đáo.

Đã nhiều lần Cư Sĩ HUỲNH THANH LONG có bàn tính với Bần Tăng về sự phiên dịch quyển “ÂN ĐỨC PHẬT”.

Bần Tăng vì bận nhiều việc nên có khuyến khích ông phiên dịch rồi Bần Tăng sẽ xem và sửa chữa cho.

Sự ước mong ấy hôm nay đã thành tựu cũng do nhờ sự hy sinh, tận tụy, sưu tầm và phiên dịch của Ông HUỲNH THANH LONG rất công phu.

Quyển “ÂN ĐỨC PHẬT” ra đời sẽ giúp cho người Phật Tử biết được một các chu đáo, rõ rệt những Ân Đức gì mà Đấng Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni đã có và làm cho hàng Phật Tử càng tăng thêm một đức tin vững chắc, như thuyền bè để đưa con người lướt qua sông mê bể khổ.

Sàigòn, Ngày 25 Tháng 12 Năm 1962/2506

GA MAHÀ THERA

ĐẠI TRƯỞNG LÃO BỬU CHƠN

TĂNG THỐNG

Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam

LỜI TỰA

Phần đông đồng bào và ngay cả một số Phật Tử có nhiều đức tin nhưng không chịu khó hoặc không đủ thời giờ xem Kinh thánh Pháp, lầm lạc tin tưởng rằng muốn chứng Quả Phật, không cần phải công phu khổ nhọc gì cho lắm, thậm chí hề nghe thấy hạng phàm nhân nào có phù phép đặc biệt hoặc giả bậc tu hành nào có cử chỉ lạ lùng xuất chúng, thì vội suy tôn là “Phật Bồ Tát”, “Phật Thầy”, “Phật Bà”, “Phật Cô”, .v.v.

Theo kinh điển Pàli, muốn thành vị Phật, không phải dễ dàng như thế được. Trước tiên, phải là Bạc Bồ Tát (Pàli gọi là **Bodhisatta**, Sanscrit gọi là **Bodhisatva**, dịch là Giác Hữu Tình), nghĩa là hạng chúng sanh giác ngộ hơn chúng sanh khác, có tâm cao thượng phát nguyện tế độ tha nhân và đang trong thời kỳ thực hành Pháp Ba La Mật quý trọng hầu đạt đến mức toàn thiện toàn giác trong buổi vị lai.

Muốn được sở nguyện, Bạc Bồ Tát cần phải có tròn đủ tám điều (**Samodhānadhamma**) sau đây:

1. **Manussattam**: là loài người chứ không phải là Trời hay Thú,
2. **Linga sampatti**: là nam nhân,
3. **Hetu**: có đủ duyên lành có thể đắc A La Hán được,
4. **Sattāra dassanam**: được gặp Đức Phật Chánh Đẳng Giác thọ ký cho,
5. **Pabbajjā**: là bậc xuất gia,
6. **Guna sampatti**: có đức lành là đắc Ngũ Thông và Bát Thiền,
7. **Adhikāro**: có được làm phước thiện cao thượng nhưt là Năm Pháp Đại Thí (Thí sanh mạng, vợ, con, v.v.),
8. **Channdatā**: có nguyện vọng đầy đủ quyết thành một Bạc Chánh Giác.

Chư Bồ Tát đã được Phật Chánh Giác thọ ký cho rồi, hằng có bốn Pháp căn cứ (**Buddha bhūmi**), sáu nét hạnh (**Ajjhasaya**) và bảy Pháp xuất chúng cần thiết cho chư Bồ Tát, từ khi gặp Phật thọ ký cho đến lúc hành viên mãn ba mươi Pháp Ba La Mật và thành Đạo, lại chia ra làm ba hạng:

1. **Pannādhika Bodhisatta – Trí Tuệ Bồ Tát**: Chư Bồ Tát thuộc về Huệ Lực, là có nhiều Trí Tuệ, phải tu trong Bốn A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp của quả địa cầu (như Đức Phật Thích Ca Bốn Sư của chúng ta).
(Một A Tăng Kỳ (**Asankheyya**) có số một (1) thêm vô một trăm bốn mươi số không (0); đây nói A Tăng Kỳ kiếp trái đất chứ không phải là kiếp người hoặc năm).
2. **Saddhādhika Bodhisatta – Tín Đức Bồ Tát**: Chư Bồ Tát thuộc về Tín Lực, là có nhiều đức tin, phải tu trong tám A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu.
3. **Viriyādhika Bodhisatta – Tinh Tấn Bồ Tát**: Chư Bồ Tát thuộc về Tấn Lực, là có nhiều tinh tấn, phải tu trong mười sáu A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu (như Đức Phật Vị Lai là Phật Di Lặc (**Sumettreya – Metteyya**)).

Như thế, ta nên suy nghiệm rằng muốn thành Phật không phải là sự dễ dàng, cần phải đào tạo và tập hợp Thiện Duyên trong bao nhiêu A Tăng Kỳ kiếp quả địa cầu, hằng bố thí sanh mạng, vợ con, tiền của, v.v. hằng khổ tâm lao lực không thối chuyển trong nét hạnh diệt trừ Tham, Sân, Si, Ái Dục và các Phiền Não Thụy Miên.

Do những duyên có ấy, Ân Đức của Phật thật vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn cho cùng tận. Trong Kinh có nói: “Ân Đức của Phật rộng lớn bao la, dầu có một vị Phật ra đời, từ ngày đắc Đạo khởi đầu diễn

giải luôn không ngừng nghỉ đến ngày nhập diệt, cũng không cùng tận Ân Đức của một vị Phật khác được”.

Chúng tôi chẳng nệ tài sơ đức bạc, cố công phiên dịch từ Kinh sách Cao Miên và Anh Văn và suy tầm thêm trong các soạn phẩm bằng Việt Ngữ của Đại Trưởng Lão HỘ TỔNG và Đại Trưởng Lão BỬU CHƠN, soạn ra quyển “ÂN ĐỨC PHẬT” với mục đích diễn giải trong muôn một những Ân Đức quý báu cao thượng của Đức Thế Tôn là Đấng Đại Từ, Đại Bi, Toàn Mỹ, Toàn Thiện và với hoài bão thiết tha Chư Đạo Hữu bốn phương cùng thấu đáo thêm ân sâu đức dày của Đức Từ Phụ chúng ta, hầu tăng trưởng đức tin nơi Tam Bảo, xu hướng noi theo tu hành tinh tấn sớm đến bờ giác ngộ.

Một lẽ nữa, với các hàng Phật Tử phát tâm trong sạch muốn thực hành Pháp “Niệm Phật” là một Pháp Thiền Định quý trọng mà chúng tôi đã đề cập đến trong quyển “Tam Niệm”, quyển sách nhỏ này sẽ giúp thêm tài liệu cần ích hầu các vị ấy tri tỏ thêm các Ân Đức của Phật tùy theo danh hiệu mà mình đã chọn làm đề mục niệm.

Hoài bão to lớn như thế ấy, nhưng chúng tôi tự xét sức hiểu biết về Phật Pháp quá thiếu cận ít ỏi, nhứt là Phạn Ngữ Pāli, nên không tránh khỏi có nhiều chỗ phiên dịch không được đầy đủ ý nghĩa, mặc dầu chúng tôi đã hết sức cố gắng, hời hợt thêm các bậc Cao Tăng Đại Đức và giáo sư trường Đại Học Phạn Ngữ tại Phnom Penh.

Mặc khác, lời văn còn vụng về kém cỏi, không được hoa mỹ lưu loát vừa theo ý độc giả, nên chúng tôi thành thật cầu xin Chư Đại Đức Cao Tăng và Quý Đạo Hữu thương trí rộng lượng xá cho và chỉ giáo những chỗ sai lầm, ân ấy thật là thậm trọng.

Chúng tôi kính dâng công đức biên soạn và ấn tống quyển “ÂN ĐỨC PHẬT” đến Đại Trưởng Lão Bửu Chơn, Đại Trưởng Lão Hộ Tông, Đại Trưởng Lão Thiện Luật, Đại Trưởng Lão Hộ Giác, Đại Trưởng Lão Giới Nghiêm, v.v. và toàn thể Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam, bậc thì phiên dịch Tam Tạng, bậc thì thuyết Kinh giảng Pháp, đã và đang khổ công nhọc sức xướng minh Chánh Giáo, hoằng hóa Phật Pháp phổ độ quần sanh. Phần công đức này, cũng xin dâng đến Đại Trưởng Lão Siêu Việt hiện đang tu hành tại Chùa BODHIYARAM (Chruichangwar, Phnom Penh) đã có công chỉ bảo về Phạn Ngữ Pāli và hằng khuyến khích chúng tôi trong công việc phiên dịch và soạn sách.

Kế tiếp, cầu xin quả phước thanh cao này được thành tựu đến Ông Bà Cha Mẹ của chúng tôi đã quá vãng, được thoát khổ và siêu thăng nơi nhàn cảnh; riêng phần Thân Phụ và Nhạc Mẫu chúng tôi còn hiện tiền tại Phan Thiết, hằng được tăng long tuổi thọ, an vui lâu dài.

Cầu xin cho tất cả chúng sanh đều được hạnh phúc và mau đến bờ giải thoát!

Với tất cả tấm lòng Bác Ái và mong mỏi,

HUỲNH THANH LONG

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDO CUNG KÍNH ĐỨC THỂ TÔN - ỨNG CÚNG – CHÁNH ĐẲNG GIÁC

TẬP MỘT BUDDHA GUNA – ÂN ĐỨC PHẬT BẢO

NAMATTHU RATANATTAYASSA

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Tam Bảo một cách tóm tắt.

TAM BẢO: PHẬT BẢO (*BUDDHARATANA*)

PHÁP BẢO (*DHAMMARATANA*)

TĂNG BẢO (*SANGHARATANA*)

Là ba món báu quý trọng hơn tất cả bảo vật hữu tri (*Savinnānakaratana*) và vô tri (*Avinnānakaratana*) trong Tam Giới và hằng có năng lực đem sự an vui đến cho chúng sanh trong ba cõi.

Ân Đức của Phật vô lượng vô biên, không thể kể cho xiết hoặc suy xét cho cùng tận, nhưng nói tóm lại, có ba Ân Đức trọng đại là:

1. **Visuddhi Guna – Tịnh Đức:** Ngài đã xa lìa tất cả phiền não thô sơ và vi tế, nên Thân Lời và Ý của Ngài đều được trọn lành. Trước mặt người hoặc nơi khuất lấp, Ngài cũng không hề làm, nói và nghĩ tưởng điều tội lỗi.
2. **Karunā Guna – Bi Đức:** Ngài thấy chúng sanh đang bị nóng nẩy lẫn lộn trong lửa Ngũ Dục, đang bị nóng nẩy lẫn lộn trong lửa Ngũ Dục, đang chìm đắm chơi vơi trong biển trần ai, chịu thống khổ vô cùng vô tận từ đời này qua kiếp khác, nên Ngài phát tâm bi mẫn bao la đối với tất cả chúng sanh, chẳng khác nào người mẹ hiền thương xót đàn con dại, mong mỏi cho con khỏi khổ, được an vui lâu dài. Từ khi còn tu hạnh Bồ Tát, Ngài đã từng hy sinh thân mạng, vợ con, của cải để tìm phương cứu vớt chúng sanh; đến lúc thành Đạo rồi, Ngài lại châu du phổ độ quần sanh không ngừng nghỉ trọn bốn trăm năm trường đằng đẳng.
3. **Pannā Guna – Tuệ Đức:** Ngài có Trí Tuệ hoàn toàn sáng suốt, không có chi che ám được, thông suốt cả ba Giới bốn Loài, thấu triệt Lý Tứ Đế là thấy rõ, biết rõ Ái Dục Phiền Não, nguyên nhân sanh ra Ái Dục Phiền Não, nơi diệt tận Ái Dục Phiền Não và phương pháp diệt trừ Ái Dục Phiền Não. Do nhờ Trí Tuệ hoàn toàn sáng suốt ấy nên Ngài tỏ tri Nghiệp nào có sự lợi ích, Nghiệp nào có sự nguy hại hầu tìm phương tiện giáo huấn chúng sanh xa lánh các điều ác, làm những việc lành để sớm đến bờ giác ngộ.

Do nhờ ba Ân Đức này, Đức Phật mới có thể tế độ chúng sanh, luôn cả Chư Thiên và Nhân Loại một cách dễ dàng được.

Vô lượng vô biên Ân Đức khác của Phật đều bắt nguồn từ ba Ân Đức trọng đại ấy, cũng như muôn loài thảo mộc chỉ do mặt địa cầu mà phát sanh ra vậy.

Nếu kể rộng hơn, những Ân Đức cao cả của Ngài có thể tóm tắt trong chín Hồng Danh sau đây:

1. **ARAHAM**: Ứng Cúng,
2. **SAMMĀSAMBUDDHO**: Chánh Biến Tri (Chánh Đẳng Giác),
3. **VIJĀCARANASAMPANNO**: Minh Hạnh Túc,
4. **SUGATO**: Thiện Thệ,
5. **LOKAVIDŪ**: Thế Gian Giải,
6. **ANUTTARO**: Vô Thượng Sĩ và
PURISADAMMASĀRATHI: Điều Ngự Trượng Phu,
7. **SATTHĀDEVAMANUSSĀNAM**: Thiên Nhân Sư,
8. **BUDDHO**: Phật
9. **BHAGAVĀ**: Thế Tôn

Xin lần lượt giải thích về chín Hồng Danh của Phật, kể từ danh hiệu **ARAHAM** (Ứng Cúng) đến danh hiệu **BHAGAVĀ** (Thế Tôn).

I. ARAHAM - Ứng Cúng

Tại sao Đức Phật có danh hiệu ARAHAM (Ứng Cúng)

Bởi Ngài là:

1. Bậc đã xa lìa (**Araka**),
2. Bậc đã phá tan (**Hata**),
3. Bậc xứng đáng (**Araha**),
4. Bậc không nơi khuất lấp (**Rahābhava**).

Giải thích rằng:

1. Bậc đã xa lìa: Đức Phật đã xa lìa tất cả Phiền Não, là những điều làm cho Tâm bị bợn nhơ và dắt dẫn chúng sanh luân hồi mãi trong vòng Lục Đạo.

Ba Phiền Não trọng đại đó là:

- Tham Lam (**Lobha**) là Pháp làm cho Tâm dính mắc,
- Sân Hận (**Dosa**) là Pháp làm cho Tâm nóng nảy ưu phiền,
- Si Mê (**Moha**) là Pháp làm cho Tâm lầm lạc.

Ba Phiền Não này là nguồn cội của tất cả Phiền Não khác, ví như một cây to có ba nhánh lớn đâm chồi nảy lá ra khắp tứ phía vậy.

(Xin xem các “Phiền Não” có kể đại khái riêng biệt sau phần giải danh hiệu **Araham**).

Tất cả điều chướng ngại là Phiền Não, không còn mây may nào trong Thân Tâm được hoàn toàn trong sạch thanh tịnh bằng Giới – Định – Tuệ, và bằng Thánh Đạo, Thánh Quả và Níp Bàn. Ví như người thợ làm tên, lấy một khúc cây trong rừng đem về lột vỏ, gọt dẽo cho xong rồi thoa dầu, hơ lửa, uốn nắn bằng nỗ cho trở nên ngay thẳng, nhiên hậu mới được những cây tên rất tốt và ngay thẳng. Cũng như thế ấy, Ngài đã lột vỏ cái Tâm hằng bị xao động, cho tiêu hoại cả Phiền Não, nhờ sự ẩn tu nơi rừng vắng là tu hạnh Đầu Đà, rồi thoa dầu là Đức Tin (**Saddhā**), đốt hơ bằng sự Tinh Tấn (**Viriya**), uốn bằng nỗ là Phép Thiền Chỉ (**Samatha**) và Thiền Minh Sát (**Vipassanā**) làm cho Tâm trở nên ngay thẳng, diệt trừ các Nghiệp dữ. Kế tiếp, Ngài suy nguyên thấy rõ căn bản của Nghiệp Thiện và Nghiệp Ác là những Pháp Hành (**Sankhāra**) đoạn tuyệt Vô Minh (**Avijjā**) đắc được Ba Cái Giác (**Vijjā** – xin xem giải rộng trong danh hiệu **Vijjācaranasampanno** (Minh Hạnh Túc)), sáu Cái Thông (**Abhinnā** – xin xem giải rộng trong danh hiệu **Vijjācaranasampanno** (Minh Hạnh Túc)), Tứ Tuệ Phân Tích (**Patisambhidā** – Vô Ngại Giải), gồm có:

1. **Nghĩa Lý Vô Ngại Giải:** trí tuệ rõ biết cái Quả hay cái Lý (là thông suốt cả nghĩa lý của chú giải tóm tắt.)
2. **Pháp Lý Vô Ngại Giải:** trí tuệ rõ biết cái Nhân hay thông suốt cả các Pháp.
3. **Từ Ngữ Vô Ngại Giải:** trí tuệ rõ biết Ngữ căn hay thông suốt các thứ tiếng, các loại ngôn ngữ.
4. **Ứng Biện Vô Ngại Giải:** trí tuệ phân tích rõ ràng và mau lẹ tất cả sự vật, sự việc.

Chín Pháp Thánh (**Lokuttaradhamma** – **Pháp Siêu Thế**: gồm có chín Pháp, đó là bốn Đạo, bốn Quả và Níp Bàn), và liễu chứng Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, chẳng những đã chiến thắng tất cả quân thù, là các Phiền Não trọng đại và vi tế mà thôi, Ngài lại chặt đứt được các tiền khiên tật là những thói quen của Thân, Lời và Ý.

2. Bậc đã phá tan: Đức Phật đã phá tan, bẻ gãy bánh xe luân hồi và không còn tái sanh lại nữa.

Ta có thể ví dụ “bánh xe luân hồi” (*Sankhāra cakka*) gồm có Vô Minh (*Avijjā*) làm đùm, Ba Pháp Hành (*Sankhāra*) gồm có Phúc Hành (*Punnābhi Sankhāra*), Phi Phúc Hành (*Apunnābhi Sankhāra*), và Bất Động Hành (*Ānenjābhi Sankhāra*) làm cầm, hai mươi chín Tư Tác Ý (*Cetanā* gồm có 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 8 Tư Tác Ý Thiện, 5 Tư Tác Ý Thiện Sắc Giới và 4 Tư Tác Ý Thiện Vô Sắc Giới) làm đầu cắm tra vào đùm. Bánh xe ấy ráp vào thùng xe là Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới) làm thành cái xe luân hồi.

Tam Giới ví như cái thùng xe, vì Tam Giới là nơi sanh và trú của chúng sanh. Bốn Pháp Trầm Luân (*Āsava* gồm có Tứ Lậu, đó là: Dục Lậu là trầm luân trong Ngũ Dục Lạc, Hữu Lậu là trầm luân trong các Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới, Kiến Lậu là trầm luân trong những kiến chấp sai lầm, Vô Minh Lậu là trầm luân trong sự si mê lầm lạc) ví như cái gọng xe, vì các Pháp vậy là chủ động, hằng lôi kéo chúng sanh đến chỗ sanh và chỗ diệt. Vô Minh ví như cái đùm xe, vì Vô Minh là nơi quy hội của các nhân duyên. Sự già và sự chết ví như cái vành xe, vì hằng lăn tròn đi tới và đưa chúng sanh từ Cảnh này đến Cảnh khác. Ba Pháp Hành ví như cầm bánh xe, là vì bị sự sanh và sự chết bao chung quanh.

Đức Phật đứng vững vàng với hai chân là sự Tinh Tấn (*Viriya*), trên mặt đất bằng phẳng là Giới (*Sīla*), dùng hai tay là Đức Tin (*Saddhā*), cầm cây gươm bén là Trí Tuệ (*Pannā*), chặt rã, phá tan từng mảnh cái xe luân hồi ấy dưới cội bồ đề, từ đây không còn chờ Ngài quanh quẩn trong Ba Cõi, Sáu Đường sanh tử luân hồi.

Hoặc giả, nếu lấy Thập Nhị Nhân Duyên làm tượng trưng cho “bánh xe luân hồi” thì Vô Minh làm đùm, Lão Tử làm vành, còn mười nhân duyên còn lại (Hành, Thức, Danh, Sắc, Lục Căn, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh) làm cầm.

Đức Phật thấy rõ, hiểu biết tường tận Lý “Nhân Quả Liên Quan” (xin xem giải rộng trong quyển Kinh “Nhân Quả Liên Quan” của Đại Trưởng Lão Bửu Chơn), gồm có Mười Hai Chi (*Anga*), Ba Thời Kỳ (*Addhā*), Hai Mươi Thế (*Ākāra*), Ba Chỗ Nối Liền (*Sandhi*), Bốn Chỗ Tóm Tắt (*Sankhepa*), Ba Sự Luân Chuyển (*Vatta*) và Hai Gốc (*Mūla*). Trong khi nhập Đại Định trọn bảy ngày đêm dưới cội Bồ Đề, Ngài đã xem xét thật vi tế sự khởi sanh và sự diệt tắt của mỗi nhân duyên, xem thuận rồi xem nghịch, cho đến khi phát sanh Trí Tuệ thấy rõ các Pháp Hữu Vi đều do nguyên nhân mà sanh ra. Khi nguyên nhân bị diệt thì các Pháp ấy cũng diệt tắt theo. Khi thấy rõ như thế rồi, Ngài chứng đắc Đạo Quả Níp Bàn, được giải thoát các sự thống khổ, phá tan bánh xe sanh tử luân hồi.

3. Bậc xứng đáng:

a. Đức Phật là đáng Toàn Tri Toàn Thiện, rất xứng đáng cho Chư Thiên và Nhân Loại lễ bái cúng dường. Ngài là phước điền quý báu cao thượng nhất của chúng sanh. Sự cúng dường ấy, chẳng luận vật cúng ít hay nhiều, hèn hạ hay cao quý, chẳng luận thí chủ là bậc Vua Chúa oai quyền hoặc là hạng cùng đinh nghèo khổ, hằng được phước báu vô lượng nếu tín thí có đức tin vững chắc là Tin Lý Nhân Quả và có Tâm Thiện đầy đủ tác ý trong sự cúng dường (Có ba sự Tác Ý, đó là: Tư Tiền (*Pubbacetanā*) là tác ý thanh tịnh khởi lên đầu tiên để dâng cúng, Tư Hiện (*Muncanācetanā*) là tác ý thanh tịnh trong khi dâng cúng, Tư Hậu (*Aparāparacetanā*) là tác ý thỏa thích sau khi dâng cúng).

Trong Kinh DīPANĪ có câu: “*Tiddhante nibbute cāpisanam cettam samebhale*” có ý nghĩa là “khi Phật còn tại thế hay sau khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, nếu có Thiện Nhân nào có Tâm trong sạch đồng nhau cúng dường đến Phật cũng được sự phước báu như lúc Ngài còn tại thế vậy”. Như thế, ta nên tin tưởng rằng dầu khi Đức Thế Tôn còn tại thế, hay sau khi Ngài viên tịch rồi cũng vậy, quả phước phát sanh do sự

cúng dường đến Ngài hoặc đến tháp thờ xá lỵ của Ngài, cũng đồng nhau không kém, miễn là thì chủ có đức tin trong sạch và chú tâm làm trong sự Phước Thiện đồng nhau.

Trong Kinh có chép lại rất nhiều sự tích về sự lễ bái cúng dường Đức Thế Tôn. Từ các hàng Chư Thiên, như Phạm Thiên SAHAMPATI cúng dường Ngài một tràng hoa bằng ngọc to lớn như núi Tu Di (*Sineru*), Thiên Chủ Đế Thích (*Sakka*), Tứ Đại Thiên Vương (*Catumahārājā*), v.v. các bậc Hoàng Đế đồng thời với Ngài như là Vua Tần Bà Sa (*Bimbisāra* – Bình Sa Vương), Vua Ba Tư Nặc (*Pasenadi*), v.v. các bậc đại phú hộ như Trưởng Giả Cấp Cô Độc (*Anāthapindika*), bà *Visākhā*, v.v. đến các hạng cùng đinh nghèo khổ như nàng Sumanā Mālā dân bông lài, thầy Bà La Môn *Cūlekasātaka* dâng khăn choàng v.v. Một thế kỷ sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt, Hoàng Đế A Dục (*Asoka*) xuất của kho ra chín mươi sáu triệu đồng vàng cúng dường Tam Bảo, và cho xây cất tám mươi bốn ngàn Thánh Tháp trong toàn nước Ấn Độ.

Nên nói thêm rằng, chẳng những Đức Phật là bậc Siêu Nhân cao thượng, xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường mà thôi, các bậc Thánh Tinh Văn như A La Hán, A Na Hàm, v.v. khác đã diệt tận Phiền Não hay còn chút ít Phiền Não nơi Tâm, hoặc các hạng Phàm Nhân có giới đức, tu hành chân chánh theo Giáo Pháp của Đức Thế Tôn, cũng là bậc đáng thọ lãnh vật cúng dường của Tín Thí vậy.

b. Một điều nữa, Đức Phật là bậc xứng đáng giảng dạy Kinh Luật, giáo hóa chúng sanh vì Ngài đã diệt tận tất cả Phiền Não chướng ngại, nên Kinh Luật mà Ngài đã chỉ giải, chế định quả thật là chân chánh, chân thật chỉ nhằm vào sự lợi ích của quần sanh, Ngài không bốn điều Thiên Vị (*Agati* – đó là Thiên Vị vì thương (*Chandāgati*), Thiên Vị vì giận ghét (*Dosāgati*), Thiên Vị vì si mê (*Mohāgati*), và Thiên Vị vì sợ (*Bhayāgati*)) mà giảng kinh Luật, nói Pháp độ đời.

4. Bậc không nơi khuất lấp: Đức Phật là đấng Trọn Lành, đã diệt tận Phiền Não, nên Thân Lối và Ý của Ngài hoàn toàn trong sạch thanh tịnh, trước mặt người hay nơi khuất lấp, xa tai cách mặt người, Ngài cũng không hề làm, nói và tưởng điều tội lỗi, dầu chỉ nhỏ nhen chút ít. Không như những hạng thường nhân tự cho mình là Giáo Chủ, là Bồ Tát, là Thánh Nhân, v.v. trước mặt người tỏ ra đạo mạo nghiêm trang như thế là bậc có giới hạnh chân chánh, hiền từ đạo đức, nhưng sau lưng người, xa tai cách mắt thiên hạ, thì hằng làm nhiều điều tội lỗi xấu xa, không chút lòng hổ thẹn.

Phần kể riêng các Phiền Não mà Đức Phật đã xa lìa:

1. **MŪLA KILESA** (Căn Gốc Phiền Não): có ba, gọi là Tam Độc: Tham, Sân, Si.
2. **ĀSAVA** (Lậu Hoặc – Pháp Trầm Luân): có bốn, đó là Dục Lậu, Hữu Lậu, Kiến Lậu và Vô Minh Lậu.
3. **VIPALLĀSA** (Điên Đảo – Điều Lầm Lạc): có ba, đó là Tướng Diên Đảo (*Sannāvipallāsa*), Tâm Diên Đảo (*Cittavipallāsa*), và Kiến Diên Đảo (*Ditthivipallāsa*).
4. **ANUSAYA** (Tùy Miên – Pháp Ngủ Ngâm): có bảy, đó là Dục Ái Tùy Miên, Hữu Ái Tùy Miên, Sân Hận Tùy Miên, Ngã Mạn Tùy Miên, Tà Kiến Tùy Miên, Hoài Nghi Tùy Miên, Vô Minh Tùy Miên.
5. **AGATI** (Thiên Vị): có bốn, đó là Thiên Vị vì thương, vì ghét, vì si và vì sợ hãi.
6. **GANTHA** (Thúc Phước): có bốn, đó là Tham Ác Thân Phước (buộc ràng vì Tâm xan tham), Sân Ác Thân Phước (buộc ràng vì Tâm thù oán, mong hại người), Giới Thủ Thân Phước (buộc ràng vì tập quán, chấp lệ cúng tế), Ngã Kiến Thân Phước (buộc ràng vì thấy sai chấp lầm).
7. **OGHA** (Bạo Lưu): có bốn, đó là Dục Bạo, Hữu Bạo, Kiến Bạo và Vô Minh Bạo.
8. **UPĀDĀNA** (Chấp Thủ): có bốn, đó là Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cầm Thủ và Ngã Chấp Thủ.
9. **MACCHARIYA** (Bỏn Xén): có năm, đó là bỏn xén chỗ ở, bỏn xén dòng giống, bỏn xén tài sản, bỏn xén kiến thức và bỏn xén Phật Pháp.

10. **LOKIYADHAMMA** (Pháp Thế Gian): có tám, đó là Được Khen – Bị Chê, Được Lợi – Mất Lợi, Được Danh – Mất Danh, Hạnh Phúc – Khổ Đau.
11. **MANDILA** (Uế Trược): có chín, đó là Sân Hận, Vô Ôn, Tật Đố, Bồn Xén, Giả Dối, Khoe Khoang, Vọng Ngữ, Tham Ác, Tà Kiến.
12. **AKUSALAKAMMAPATHA** (Thập Bất Thiện Nghiệp): có mười, đó là Sát Sanh, Trộm Cắp, Tà Dâm, Vọng Ngữ, Lừa Thiệt, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Ý Tham, Ý Sân và Ý Tà Kiến.
13. **SAMYOJANA** (Kiết Sử): có mười, đó là Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ, Tham Dục, Sân Hận, Ái Sắc, Ái Vô Sắc, Ngã Mạn, Phóng Dật, và Vô Minh.
14. **KILESÀ** (Phiền Nã): có mười, đó là Tham, Sân, Si, Ngã Mạn, Tà Kiến, Hoài Nghi, Hôn Trầm, Thùy Miên, Vô Tàm và Vô Quý.

II. SAMMĀSAMBUDDHO – Chánh Biến Tri (Chánh Đẳng Giác)

Tại sao Đức Phật có danh hiệu SAMMĀSAMBUDDHO (Chánh Biến Tri – Toàn Tri Diệu Giác)?

Bởi Ngài là đã thành bậc Chánh Đẳng Giác, là bậc hoàn toàn giác ngộ (**Buddho**), thông suốt các Pháp một cách chân chánh (**Sammā**), do Ngài tự tỏ ngộ và không Thầy giáo hóa (**Sānam**).

Đức Phật đã tự mình phát giác, hiểu biết tường tận bốn Chân Lý vi diệu quý báu là Tứ Thánh Đế (**CATURĀRIYASACCA**). Bốn Chân Lý đó là:

1. **Dukkḥāriyasacca**: Khổ Thánh Đế.
2. **Dukkha Samudaya Ariyasacca**: Khổ Tập Thánh Đế.
3. **Dukkha Nirodha Ariyasacca**: Khổ Diệt Thánh Đế.
4. **Dukkha Nirodha Gāminīpatipadā**: Khổ Diệt Đạo Thánh Đế.

Thánh Đế (**Ariyasacca**) có ý nghĩa là:

1. Pháp chắc thật của bậc Thánh Nhân.
2. Pháp chắc thật dắt dẫn cho xa lìa Pháp Ngịch, không còn tồn tại ở trong Thân Tâm nữa.
3. Pháp chắc thật làm cho Quả Thánh phát sanh tròn đủ, vì khi đã chứng đắc Pháp Tứ Thánh Đế thì Trí Tuệ khởi sanh lên thấy rõ “đây là Khổ, đây là Nguyên Nhân phát sanh sự Khổ, đây là sự Diệt Tắt của sự Khổ, đây là con đường đi đến nơi diệt tắt sự Khổ”. Có thể chứng đắc Đạo Quả Thánh Nhân một cách dễ dàng.
4. Pháp chắc thật đáng tôn quý. Tôn quý vì tánh cách hiển nhiên, chân thật của Tứ Đế: Khổ là quả thật có khổ ở trên thế gian này, Nguyên Nhân phát sanh sự Khổ là quả thật có nguyên nhân ấy thật, Diệt Tắt Khổ là quả thật có sự Diệt Tắt sự Khổ trên thế gian này, Con Đường đi đến nơi Diệt Tắt của sự Khổ là quả thật có thật.

I. Khổ Thánh Đế (**Dukkḥāriyasacca**): là những điều thống khổ hiển nhiên mà chúng sanh ở trên thế gian không một ai tránh thoát khỏi được. Sự Khổ có mười hai, đó là:

1. **Jātidukkha**: khổ vì sanh.
2. **Jarādukkha**: khổ vì già.
3. **Byādhidukkha**: khổ vì bệnh.
4. **Maranadukkha**: khổ vì chết.
5. **Sokadukkha**: khổ vì ưu não, buồn rầu, thương tiếc.
6. **Paridevadukkha**: khổ vì khóc than, kể lể.
7. **Dukkhadukkha**: khổ vì quá nhiều khổ đau.
8. **Domanassadukkha**: khổ vì phiền muộn.
9. **Upāyāsadukkha**: khổ vì khó chịu, bức tức.
10. **Appīyehi sampayoga dukkha**: oán tắng hội khổ, là không ưa thích mà phải gần.
11. **Pīyehi vippayoga dukkha**: ái biệt ly khổ, là thương mến mà phải xa lìa.
12. **Yampiccham na labhati tampi dukkha**: cầu bất đắc khổ, là mong cầu mà không được như ý (thất vọng).

Từ ngữ “Khổ” (**Dukkha**) nếu giải thích một cách tóm tắt, là chỉ cho các khổ về Ngũ Uẩn. Vì cố chấp rằng, trong xác thân Ngũ Uẩn này có Ta, cho Sắc Uẩn này là Ta, là của Ta, v.v. và chấp Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, Thức Uẩn cũng như thế ấy, cho nên các sự khổ não mới phát sanh lên được.

Một lẽ nữa, Ngũ Uẩn là nguồn cội, là nơi chứa các sự thống khổ, vì có Thân Ngũ Uẩn này mới có khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, v.v.

II. Khổ Tập Thánh Đế (*Dukkha Samudaya Ariyasacca*): là nguyên nhân sanh ra sự khổ não, là Ái Dục (*Tanhā*). Ái Dục có mãnh lực ngầm ngấm trong Tâm của tất cả Phàm Nhân, khiến cho chúng sanh ước ao, tìm kiếm và cố giữ lấy những vật vừa lòng duyệt ý, say mê quyến luyến theo Ngũ Trần không ngừng nghỉ. Chính Ái Dục dắt dẫn chúng sanh trầm luân từ kiếp này sanh kiếp khác, trong vòng sanh tử luân hồi vô cùng tận. Ái Dục có ba:

1. ***Kāma Tanhā – Dục Ái*:** sự ham muốn, say mê theo Ngũ Trần, hoặc ước muốn được sanh làm Người hoặc làm Thiên Tử trong Lục Dục Giới Thiên.
2. ***Bhava Tanhā – Hữu Ái*:** sự ham muốn được sanh về Cõi Sắc Giới Thiên.
3. ***Vibhava Tanhā – Phi Hữu Ái*:** sự ham muốn được sanh về Cõi Vô Sắc Giới Thiên.

Nếu kể rộng ra thì Ái Dục có tới một trăm lẻ tám (108).

Ái Dục là nguyên nhân phát sanh ra các sự thống khổ, nếu Ái Dục diệt tắt thì tất cả các sự khổ não cũng diệt theo.

III. Khổ Diệt Thánh Đế (*Dukkha Nirodha Ariyasacca*): là sự diệt trừ hoàn toàn các sự khổ não, là Níp Bàn.

Níp Bàn, theo từ ngữ Pāli gọi là ***Nibbāna***, theo từ ngữ Sanscrit là ***Nirvāna***. ***Ni*** có nghĩa là ra khỏi, hoặc không còn. ***Vāna*** có nghĩa là phiền não, hoặc Tam Giới.

Níp Bàn có tất cả ba mươi hai nghĩa, tuy nhiên nếu giải thích một cách tóm tắt thì có hai ý nghĩa sau đây:

1. Nếu nói là trạng thái của Tâm, thì Níp Bàn là trạng thái Tâm đã đoạn tuyệt, diệt trừ hẳn Ái Dục. Ái Dục phát sanh lên là do có sự tiếp xúc của Lục Căn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý) với Lục Trần (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Pháp). Nếu thu thúc lục căn cho thanh tịnh, không cho duyên theo, quyến luyến theo Lục Trần, thì lòng Ái Dục không còn phát sanh lên được. Ái Dục đã diệt trừ thì các sự khổ não cũng diệt theo không dư sót.
2. Nếu nói theo nơi hoặc Cõi thì Níp Bàn là sự tịch tịnh, không còn có sanh, già, bệnh, chết, là vượt ra khỏi Tam Giới (siêu xuất thế gian).

Đức Phật và các bậc A La Hán đã chứng đắc hai loại Níp Bàn:

1. Phiền Não Níp Bàn (***Kilesa Nibbānam***) hoặc Hữu Dư Y Níp Bàn (***Sampādiseva Nibbānam***) là trạng thái Tâm của các bậc Thánh Nhân, ngay trong kiếp chót đã diệt tận Ái Dục Phiền Não, đã được giác ngộ và giải thoát, song vẫn còn Thân Ngũ Uẩn. Đức Phật đã chứng đắc Phiền Não Níp Bàn khi còn ngự dưới cội cây Bồ Đề, toàn thắng bọn Ma Vương, dứt tuyệt Tham Sân Si Mạn Kiến cùng bao Phiền Não khác và Ái Dục xa lìa rời khỏi Tâm của Ngài như các giọt nước lìa khỏi lá sen. Khi đã chứng đắc Hữu Dư Y Níp Bàn thì Ngài có lời tuyên bố như sau: ***“Anekajāti samsāram sandhāvissam anibbisam gahakāram gavesanto dukkhā jāti punappunam gahakāraka dīthosī puna geham na kāhasi sabbe te phāsukā bhaggā gahakūtam visankhatam visankhāragatam cittam tanhānam khayamajjhagātī”***.

Có ý nghĩa là: “*Khi Như Lai đi tìm người thợ (tức là Ái Dục) là người xây cất căn nhà (tức là thân tứ đại) của Như Lai mà chưa gặp được, Như Lai hằng bị luân hồi trải qua vô lượng kiếp, sự sanh ấy hằng đem những điều thống khổ đến Như Lai không ngừng nghỉ.*

Này người thợ làm nhà kia! Như Lai đã tìm thấy ngươi rồi! Từ đây, ngươi không còn cất nhà là Thân Tứ Đại của Như Lai được nữa. Sườn nhà là các phiền não của ngươi, Như Lai đã bẻ gãy rồi, nóc nhà là Vô Minh mà người đã tạo ra đó, Như Lai cũng đã phá tan rồi. Hiện nay, Tâm Như Lai đã chứng đắc Níp Bàn, xa lìa khỏi các sắc tướng. Như Lai đã liễu tri và chứng quả A La Hán, là Pháp tiêu diệt tất cả Ái Dục rồi!”

2. Ngũ Uẩn Níp Bàn (***Khandha Nibbānam***) hoặc Vô Dư Y Níp Bàn (***Anupādisena Nibbānam***), là khi tuổi thọ đã đến lúc mạng chung, các bậc Thánh Nhân ấy lìa bỏ Thân Ngũ Uẩn, viên tịch Níp Bàn, không còn sanh tử luân hồi.

Đức Phật đã đem Giáo Lý cao thượng ra giảng giải tế độ chúng sanh trọn cả bốn mươi lăm năm, đến khi phận sự đã viên mãn, Ngài đã đi đến vườn Kusinara, an ngọa dưới hai tàng cây Long Thọ, nhập định rồi viên tịch. Lúc ấy, Ngài hoàn toàn tịch diệt cả Thân Ngũ Uẩn, tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, và Thức, như thế gọi là Ngũ Uẩn Níp Bàn.

Có chỗ lại thêm một nữa là Xá Lợi Níp Bàn (Dhātu Nibbānam). Hiện nay, Xá Lợi Phật ở rải rác khắp mọi nơi để cho Chư Thiên và Nhân Loại chiêm bái. Khi Phật Giáo tròn đủ năm ngàn năm, Xá Lợi của Ngài tự nhiên sẽ bay về quy tụ lại thành một khối tại nơi Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhigaya – Trung Ấn Độ) thị hiện một vị Phật như thời Đức Thế Tôn còn tại thế, ngự trên bồ đoàn Thuyết Pháp trọn bảy ngày đêm. Khi ấy, các vị Phạm Thiên và Chư Thiên từ trên các Cõi Thiên Giới, tay cầm tràng hoa, bay xuống lễ bái cúng dường và Thỉnh Pháp, chứng đắc Đạo Quả từ Tu Đà Hườn (Thất Lai) trở lại với số lượng vô số.

Tròn đủ bảy ngày đêm, tự nhiên trong Kim Thân lửa phát cháy lên và thiêu hoại Xá Lợi, kể từ ngày ấy thì Giáo Pháp của Ngài hoàn toàn tiêu diệt. Như thế gọi là Xá Lợi Níp Bàn.

IV. Khổ Diệt Đạo Thánh Đế (*Dukkha Nirodha Gāminīpatipadā Ariyasacca*): là con đường đi đến diệt tất sự khổ não. Con đường ấy là Bát Chánh Đạo (***Ariyatthangika Magga – Bát Chi Thánh Đạo***), gồm có tám chi:

1. ***Sammāditthi – Chánh Kiến***: là sự thấy biết một cách chân chánh.
2. ***Sammāsankappa – Chánh Tư Duy***: là sự suy nghĩ chân chánh.
3. ***Sammāvācā – Chánh Ngữ***: là lời nói chân chánh.
4. ***Sammā Kammanta – Chánh Nghiệp***: là hành động chân chánh.
5. ***Sammā Ājiva – Chánh Mạng***: là việc nuôi mạng chân chánh.
6. ***Sammā Vāyāma – Chánh Tinh Tấn***: là sự cố gắng chân chánh.
7. ***Sammā Sati – Chánh Niệm***: là sự ghi nhớ chân chánh.
8. ***SammāSamādhi – Chánh Định***: là sự định tâm chân chánh.

Bát Chánh Đạo được phân chia ra làm ba phần:

1. Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng thuộc về phần Giới.
2. Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định thuộc về phần Định.
3. Chánh Kiến và Chánh Tư Duy thuộc về phần Tuệ.

Cho nên người thực hành theo Bát Chánh Đạo cũng được gọi là người tu theo Giới – Định – Tuệ, là nền tảng của Phật Giáo vậy.

Bát Chánh Đạo là Trung Đạo (*Majjhimāpatipadā*) có nghĩa là con đường ở giữa, không thiên về hai cực đoan, khổ hạnh (*Attakilamathānuyoga* – ép xác thân) và lợi dưỡng (*Kāmasukhallikānuyoga* – say mê theo Ngũ Trần). Con đường ấy có năng lực hằng làm cho phát sanh Pháp Nhân (*Dhammacakkhu*) và Trí Tuệ (*Nāna*) khiến cho Tâm trở nên thanh tịnh sáng suốt mà cứu cánh là sự giác ngộ và Níp Bàn.

Tứ Thánh Đế là những Pháp chân thật, hiển nhiên mà mỗi người đều có thể tự mình xem xét và thực nghiệm lấy. Tứ Thánh Đế là Chân Lý, mà Chân Lý thì không bao giờ hư hoại hay chịu ảnh hưởng của thời gian. Bốn Chân Lý ấy đã có trong thời quá khứ, đang có trong thời hiện tại và sẽ tồn tại mãi trong thời vị lai. Tuy nhiên chỉ có Trí Tuệ siêu phàm của Đức Phật mới khám phá ra được và từ khi Ngài chuyển Pháp Luân nơi vườn Lộc Giả tại Isipatana, thì Bốn Chân Lý vi diệu ấy mới được phổ biến đến tất cả Chư Thiên và Nhân Loại. Dựa theo Bốn Chân Lý ấy, dưới cội cây Bồ Đề, Đức Phật đã tự mình tỏ ngộ tường tận những Pháp xác thực sau đây:

- Lục Căn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý) là Khổ Đế.
- Tư Tác Ý Ái Dục phát khởi lên do Lục Căn là Tập Đế.
- Trạng thái Ái Dục bị diệt trừ không còn phát sanh lên được khi Lục Căn tiếp xúc với Lục Trần (Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc và Pháp) là Diệt Đế.
- Phương pháp chân chánh làm cho phát sanh Trí Tuệ để diệt trừ Ái Dục là Đạo Đế.

Những Pháp được tiếp tục kể thêm đây, có thể giải thích bằng cách tương tự như Pháp Môn trên:

- Lục Trần được bắt đầu từ Sắc Trần, v.v.
- Lục Thức được bắt đầu từ Nhãn Thức, v.v.
- Lục Xúc được bắt đầu từ Nhãn Xúc, v.v.
- Lục Thọ được bắt đầu từ Nhãn Thọ, v.v.
- Lục Tưởng được bắt đầu từ Nhãn Tưởng, v.v.
- Sáu Tác Ý được bắt đầu từ Tác Ý về Sắc Trần, v.v.
- Sáu Ái Dục được bắt đầu từ Sắc Ái, v.v.
- Sáu Tầm được bắt đầu từ Tầm về Sắc Trần, v.v.
- Sáu Tứ được bắt đầu từ Tứ về Sắc Trần, v.v.
- Ngũ Uẩn được bắt đầu từ Sắc Uẩn, v.v.
- Mười đề mục Kasina (Hoàn Tịnh).
- Mười đề mục Tùy Niệm.
- Mười đề mục về Tử Thi.
- Ba Mươi Hai thể trước, được bắt đầu từ tóc, lông, v.v.
- Thập Nhị Xứ (Sáu Căn và Sáu Trần).
- Thập Bát Giới (Sáu Căn, Sáu Trần và Sáu Thức).
- Chín Cảnh Giới Tái Tục
- Tứ Tầng Thiền được bắt đầu từ Sơ Thiền, v.v.
- Tứ Phạm Trú (Vô Lượng Tâm – Từ, Bi, Hỷ và Xả).

- Tứ đề mục Vô Sắc Giới, là Không Vô Biên Xứ Thiên, Thức Vô Biên Xứ Thiên, Vô Sở Hữu Xứ Thiên, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên.
- Liên Quan Tương Sinh (Thập Nhị Nhân Duyên), nếu kể xuôi thì bắt đầu từ Vô Minh và kể ngược lại thì bắt đầu từ Lão Tử.

Theo phương pháp trên, nếu chỉ giải thích riêng về một nhân duyên là Lão Tử thì Lão Tử là Khổ Đế, Sanh là Tập Đế, sự diệt tắt của Sanh và Lão Tử là Diệt Đế, phương pháp chân chánh làm cho phát sanh Trí Tuệ để diệt trừ Sanh và Lão Tử là Đạo Đế.

Tất cả những Pháp ấy, luôn cả những Pháp siêu xuất thế gian, Đức Phật đã tự mình tìm thấy, hiểu biết tường tận tinh vi, không phải do nơi Trí tưởng tượng, mà do nơi Ngài phân tích rõ ràng, do nhờ Trí Tuệ hoàn toàn sáng suốt, không hạn định, không chướng ngại, do tự Ngài tỏ ngộ lấy và không có Thầy chỉ dạy.

Nói riêng về Tứ Thánh Đế, Đức Phật đã liễu tri chân chánh, trung thực những Pháp đáng liễu tri là Khổ Đế có mười hai điều (như đã được giải thích ở phần trên), nên Ngài có danh hiệu là **Toàn Tri Khổ Đế** (*Parinneyye dhamme sammābuddho*).

Đức Phật đã liễu tri những Pháp đáng diệt trừ là Tập Đế, tức là Ái Dục có ba hoặc một trăm lẻ tám điều, nên Ngài có danh hiệu là **Toàn Tri Ái Dục** (*Pahātabbe dhamme sammāsambuddho*).

Đức Phật đã liễu tri những Pháp đáng làm cho tường tận rõ rệt, là Diệt Đế mà những bậc Trí Tuệ đang cố gắng hành theo để thành đạt Bốn Đạo, Bốn Quả và Níp Bàn nên Ngài có danh hiệu là **Toàn Tri Diệt Đế** (*Sacchikātabbe dhamme sammāsambuddho*).

Đức Phật đã liễu tri những Pháp đáng phải nương theo, là Đạo Đế, tức là Bát Chánh Đạo có năng lực đem đến sự giác ngộ và giải thoát là Níp Bàn, nên Ngài có danh hiệu là **Toàn Tri Đạo Đế** (*Bhavetabbe dhamme sammāsambuddho*).

Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Đức Chánh Biến Tri (**Sammāsambuddho – Chánh Đẳng Giác – Toàn Tri Diệu Giác**).

III. VIJJĀCARANASAMPANNO – Minh Hạnh Túc

Tại sao Đức Phật có danh hiệu VIJJĀCARANASAMPANNO (Minh Hạnh Túc)?

Bởi Ngài là bậc đã toàn đắc Ba Giác (**Vijjā**), Tám Giác và Mười Lăm Hạnh (**Carana**).

A. “Giác” hoặc “Minh” (**Vijjā**) có nghĩa là sự hiểu biết cùng tột, tinh tường. Ba Giác của Đức Phật có được nói đến ở trong bài Kinh “**Bhayabherava Sutta – Kinh Sợ hãi và Khiếp đảm**” thuộc trong Trung Bộ Kinh (**Majjhima Nikāya**) như sau:

1. **Pubbe nivāsānussati – Túc Mạng Tùy Niệm**: là trí tuệ biết rõ những tiền kiếp của Đức Phật và của tất cả chúng sanh. Đức Phật liễu tri căn nguyên về Thân Ngũ Uẩn của Ngài từ một kiếp đến vô số kiếp quá khứ, trong từ mỗi kiếp Ngài liễu tri sanh ở trong Cảnh nào, khi ấy có tên họ là chi, thuộc dòng giống nào, sắc diện ra sao, tuổi thọ được bao nhiêu, khi thác rồi thì tái sanh vào trong Cõi Giới nào, v.v. Đức Phật đều rõ biết từng chi tiết như thế trong mỗi tiền kiếp của Ngài và luôn của mỗi chúng sanh.
Về Túc Mạng Minh này, Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào lúc Canh thứ nhất trong đêm trước khi thành Đạo ở dưới cội cây Bồ Đề.
2. **Cutūpapāta vijjā – Thiên Nhân Minh**: có hai ý nghĩa sau đây:
 - a. **Sanh Tử Minh** là có Nhãn Thắng Trí để thấy rõ sự sanh tử luân hồi của chúng sanh đều do Nghiệp (Ác hoặc Thiện) tạo tác hình thành.
Chúng sanh nào làm những Nghiệp Ác do từ nơi Thân, Lời và Ý, chấp theo Tà Kiến, sẽ phải tái sanh vào trong các Cảnh Khổ (**Duggati – Khổ Thú**) là các Cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, A Tu La và Súc Sanh.
Chúng sanh nào làm những Nghiệp Thiện do từ nơi Thân, Lời và Ý, thực hành theo Chánh Kiến, sẽ được tái sanh vào những Cảnh An Vui (**Sugati – Thiện Thú**) là Cõi Người và những Cõi Thiên Giới.
Đức Phật thấy rõ và biết trước những Cảnh Giới tái sanh của mỗi chúng sanh tùy theo Nghiệp Ác hoặc Thiện mà chúng sanh ấy đã tạo.
 - b. **Thiên Nhân Thắng Trí** là có Nhãn Thắng Trí thấy rõ tất cả Chư Thiên, Nhân Loại và các vật.
Cho dù sâu dưới lòng đất, trong lòng núi hay bị che khuất, cho dù hữu hình hoặc vô hình, cho dù gần hoặc xa, Ngài cũng đều thấy rõ như ở ngay trước mắt. Tuy nhiên, tại đây chỉ nói đến Sanh Tử Minh là việc thấu tri mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào Canh giữa trong đêm trước khi Ngài thành Đạo.
3. **Asāvakkhaya Vijjā – Lộ Tận Minh**: là trí tuệ liễu tri các Pháp trầm luân đã được diệt tận. Pháp trầm luân gọi là Tứ Lộ, gồm có Dục Lộ, Hữu Lộ, Kiến Lộ và Vô Minh Lộ.
Riêng về Ái Dục, Đức Bồ Tát đã thấy rõ, liễu tri tường tận, rằng đây là Khổ, đây là nguyên nhân phát sanh sự Khổ, đây là sự diệt tận của sự Khổ, và đây là con đường đi đến nơi diệt tận sự Khổ.
Về các Pháp trầm luân khác, đó là Tam Giới, Tà Kiến và Vô Minh, Đức Bồ Tát cũng liễu tri một cách tường tận: Pháp này là Pháp trầm luân, Pháp này là nguyên nhân sanh ra Pháp trầm luân, Pháp này là sự diệt tận Pháp trầm luân và Pháp này là phương pháp diệt trừ Pháp trầm luân.
Đức Bồ Tát chứng đắc **Lộ Tận Minh** vào Canh thứ ba, lúc rạng đông sáng của ngày thành Đạo.
Đạo Quả viên thành, Đức Bồ Tát thành tựu bậc Chánh Đẳng Giác, là bậc tối thượng, là bậc Thầy của Chư Thiên và Nhân Loại, là bậc xứng đáng để cho chúng sanh tôn kính và lễ bái cúng dường.

B. Ngoài Ba Giác vừa kể trên, Đức Phật còn chứng đắc năm Giác khác nữa, có được nói đến ở trong bài Kinh “*Ambattha Sutta*” thuộc trong Trường Bộ Kinh (*Dīgha Nikāya*). Năm Giác ấy:

1. **Vipassanā Vijjā – Tuệ Quán Minh:** là trí tuệ thẩm sát các Pháp Hành (*Sankhāra – Hữu Vi*) là Danh và Sắc (*Nāma Rūpa*), tuần tự theo Thập Tuệ Quán (*Vipassanā nana*):
 - **Sammasananāna – Phổ Thông Trí:** là trí tuệ thẩm sát các Danh và Sắc theo Tam Tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã đúng theo thực tướng.
 - **Udayabhayannāna – Sanh Diệt Trí:** là trí tuệ thẩm sát về sự Sanh và Diệt của Danh và Sắc.
 - **Bhagannāna – Hoại Diệt Trí:** là trí tuệ thẩm sát sự tan rã, hoại diệt của Danh và Sắc.
 - **Bhayannāna – Bối Úy Trí:** là trí tuệ thẩm sát và liễu tri về Danh và Sắc quả thật đáng ghê sợ, kinh hãi.
 - **Adīnavannāna – Quả Hoạn Trí:** là trí tuệ thẩm sát cho được liễu tri về sự tội lỗi của Danh và Sắc, ví như người thấy nhà đang bị đốt cháy, mau tìm đường thoát ly ra khỏi nơi hỏa tai.
 - **Nibbidannāna – Yếm Ly Trí:** là trí tuệ thẩm sát cho phát sanh lên tâm nhàm chán về Danh và Sắc.
 - **Mincitukamyata nana – Dục Thoát Trí:** là trí tuệ thẩm sát cho phát sanh lên tâm dục cầu thoát ly ra khỏi Danh và Sắc, cũng như cá bị mắc lưới muốn được thoát thân, như kẻ tù tội muốn lìa khỏi cùm xích lao tù.
 - **Patisankhāraṇnāna – Quyết Ly Trí:** là trí tuệ thẩm sát để tìm phương thế giải thoát ra khỏi Danh và Sắc.
 - **Sankhārupekkhānāna – Hành Xả Trí:** là trí tuệ liễu tri về sự buông bỏ Danh và Sắc, không còn dính mắc vào Danh và Sắc, giữ Tâm quân bình thản nhiên.
 - **Anulomannāna – Thuận Tùng Trí:** là trí tuệ liễu tri và quyết lòng thực hành xuôi theo dòng Thánh Vực, Thánh Đạo

Tuệ Quán Minh đã ẩn tàng trong Tâm trí của Đức Phật từ khi Ngài chưa xuất gia tầm Đạo, tuy nhiên lúc bấy giờ mức độ chưa được thuần thực tinh vi. Chính nhờ vào Tuệ Quán Minh còn thô thiển này, mà khi còn là Thái Tử Siddhattha, Ngài đã nhận thức được những điều thống khổ của sự Già, sự Bệnh, sự Chết do bởi được nhìn thấy một người già, một bệnh nhân và một tử thi trong khi Ngài đang du ngoạn ngoài Hoàng Thành. Lúc quay trở lại Nội Cung, Ngài đã suy tư mãi về cái Thân Ngũ Uẩn vô thường này, phát tâm chán ngán Thế Sự phù du, lập nguyện kiên định để cắt ái ly gia, mong cầu con đường giải thoát không còn bị chi phối vì Già, vì Bệnh và vì Tử Vong.

Tuệ Quán Minh là Tuệ Giác đầu tiên trong Tám Tuệ Giác mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc, và với Tuệ Quán Minh này mà Ngài đã hoàn toàn liễu tri thấu triệt Chân Lý Tứ Thánh Đế.

Sau khi cảm thắng Ma Vương cùng Thiên Ma dưới cội cây Bồ Đề bởi do Tam Thập Tam Pháp Ba La Mật, Đức Bồ Tát liền nhập Đại Định và khi vừa xuất khỏi Đại Định thì Ngài đã dùng Tuệ Quán Minh để thẩm sát vào các Pháp Hành (Hữu Vi) và thấy rõ về Danh và Sắc đều là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã. Bồ Tát đã ví Thân Ngũ Uẩn theo Lý Tứ Đế như sau:

- Khổ Đế: Ngũ Uẩn là chủ đề của các sự Khổ rất đáng sợ, ví như năm kẻ nghịch rất hung bạo.
- Tập Đế: với Ba Ái Dục được ví như ba tên dẫn đường chỉ lối cho năm kẻ nghịch ấy.
- Diệt Đế: Níp Bàn là khí cụ để diệt trừ năm kẻ nghịch ấy.

- Đạo Đế: Bát Chánh Đạo là con đường hoặc phương pháp để diệt trừ năm kẻ nghịch ấy.

Khi tìm thấy căn nguyên của sự Khổ và phương pháp để diệt trừ sự Khổ bằng Tuệ Quán Minh, Đức Bồ Tát xa lìa và cắt đứt được ba Hạ Phần Kiết Sử đầu tiên, là Thân Kiến (*Sakkāya ditthi*), Hoài Nghi (*Vicikicchā*) và Giới Cấm Thủ (*Sīlabbattaparāmāsa* – Giới Chấp Tiện Thị) qua con đường chứng đắc Thất Lai Đạo Tuệ (*Sotāpattimaggannāna*).

Kế tiếp, Ngài xa lìa Hai Hạ Phần Kiết Sử còn thô thiển, đó là Tham Dục (*Kāmacchanda*) và Sân Hận (*Byāpāda*) bằng con đường chứng đắc Nhất Lai Đạo Tuệ (*Sakadāgāmicāgannāna*).

Tiếp nối theo, Ngài xa lìa và cắt đứt trọn vẹn về Hai Hạ Phần Kiết Sử ở phần vi tế, đó là Tham Dục và Sân Hận, bằng con đường chứng đắc Bất Lai Đạo Tuệ (*Anāgāmicāgannāna*).

Cuối cùng, Ngài hoàn toàn xa lìa và cắt đứt trọn vẹn Năm Thượng Phần Kiết Sử vào giai đoạn cuối cùng, đó là Ái Sắc (*Rūparāga*), Ái Vô Sắc (*Arūparāga*), Ngã Mạn (*Māna*), Phóng Dật (*Uddhacca*) và Vô Minh (*Avijjā*) để rồi Ngài chứng tri Vô Sinh Đạo Tuệ (*Arahattamaggannāna*).

Phiền Não chướng ngại đã xa lìa, Thân Tâm của Ngài đã trở nên hoàn toàn thanh tịnh, Quả Vị Vô Sinh phát sanh và Bảy Tuệ Giác cũng tuần tự khởi sự lên tròn đủ đến Ngài.

2. **Manomayiddhi Vijjā – Hóa Tâm Minh:** với nội tâm định tĩnh, bất cấu uế nhiễm, hướng Tâm để có thể hóa hiện một Thân (Hóa Thân) do Tâm Ý làm ra với đầy đủ các căn, với mọi chi tiết lớn nhỏ. Cũng ví như một người rút một cây đao ra khỏi vỏ, người rút gương ra khỏi bao, người lột xác một con rắn ra một con rắn khác.

Đức Phật dùng nội tâm định tĩnh, bất cấu nhiễm, không Phiền Não, thuần thực để tự hóa hiện ra một người già, lúc làm người trẻ, v.v. biến hiện dưới hình thể khác nhau tùy theo ý muốn của mình.

3. **Iddhividhi Vijjā – Thần Túc Minh:** với nội tâm định tĩnh, bất cấu nhiễm, hướng Tâm để có thể hiện bày các Pháp Thần Thông. Đức Phật có thể biến hóa một người thành ra nhiều người, hoặc nhiều người biến hóa thành một người. Ngài có thể tàng hình, độn thổ, đi trên nước như trên đất bằng, đi xuyên qua vách núi như đi trong khoảng trống, ngồi Thiền Tọa trên hư không, lấy tay sờ mặt trời và mặt trăng. Cũng như người thợ gốm khéo tay, khéo nhồi chuyên đất sét, làm thành các đồ gốm theo sở thích.
4. **Dibbasota Vijjā – Thiên Nhĩ Minh:** với Thiên Nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe được các âm thanh của Chư Thiên và Nhân Loại, xa và gần. Đức Phật có thể nghe được các âm thanh trong Bốn Loài (Noãn, Thai, Thấp, Hóa).
5. **Cetopariya Vijjā – Tha Tâm Minh:** với khả năng Tâm của mình có thể biết rõ ý tưởng hoặc Tâm Thức của người khác. Đức Phật rõ biết Tâm của tất cả chúng sanh, với Tâm của người này còn Tham Sân Si với Tâm của người kia đã diệt trừ Phiền Não, người này đang nghi tưởng đến điều ác, người kia đang nghĩ đến điều lành.

Năm Giác vừa được liệt kê ở trên và kết hợp với Ba Giác đã được giải thích ở phần đầu tiên, thành ra Tám Giác mà Đức Phật đã chứng đắc viên mãn.

C. HẠNH (*Carana – Hành*) là phương pháp mà Bậc Phạm Hạnh phải hành theo để đi đến nơi giải thoát là Níp Bàn. Pháp Hạnh có mười lăm, là:

1. **Silā samvara**: thu thúc theo Giới Hạnh, là thọ trì Biệt Biệt Giải Thoát Giới (**Patimokkha**) cho trọn vẹn tinh nghiêm.
2. **Indriya samvara**: thu thúc Lục Căn cho được thanh tịnh, là giữ Tâm cho được bình thản, quân bình, không cho Pháp Thế Gian chi phối một khi Lục Căn tiếp xúc với Lục Trần.
3. **Bhojane mattannutā**: có sự tiết độ trong ẩm thực, là không độ nhiều quá cũng như ít quá, chỉ độ theo hạnh tri túc.
4. **Jāgariyānuyogo**: luôn giữ Tâm Ý tỉnh táo, không uể oải, thường luôn tỉnh thức, không muội lơ đãng mê ngủ.
5. **Saddhā**: luôn có đức Tin chân chánh, là Tin vào Lý Nhân Quả (Tin Nghiệp – Tin Quả), Tin vào sự giác ngộ của Đức Thế Tôn và Tin vào ba mươi bảy Bồ Đề Phần.
6. **Sati Sampajanna**: luôn có sự ghi nhớ chân chánh và biết mình trung thực, là ghi nhớ theo Tứ Niệm Xứ (Thân, Thọ, Tâm, Pháp) và luôn biết rõ những hành vi của mình về Thân, Lời và Ý qua những oai nghi.
7. **Hiri**: biết hổ thẹn với những điều xấu ác.
8. **Ottappa**: biết ghê sợ với những điều xấu ác.
9. **Bāhusacca**: nghe nhiều học rộng (đa văn quảng kiến) về Luật, Kinh và Vô Tỷ Pháp và về các Pháp đưa đến giác ngộ và giải thoát.
10. **Viriya**: có sự tinh tấn đúng theo Tứ Chánh Cần, đó là:
 1. Cố gắng diệt trừ các Pháp Ác đã phát sanh nơi Thân Tâm,
 2. Cố gắng ngăn ngừa các Pháp Ác chưa phát sanh không cho khởi sanh nơi Thân Tâm,
 3. Cố gắng làm cho khởi sanh việc Thiện chưa từng sanh nơi Thân Tâm,
 4. Cố gắng làm phát triển việc Thiện đã từng sanh cho được tăng trưởng.
11. **Pannā**: trí tuệ liễu tri một cách trung thực và thấu triệt các Pháp theo Ba Thực Tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã, do nương theo Tứ Thánh Đế.
12. **Pathama Jhāna**: tu tập và chứng đắc tầng Thiền thứ nhất (Sơ Thiền).
13. **Dutiya Jhāna**: tu tập và chứng đắc tầng Thiền thứ hai (Nhị Thiền).
14. **Tatiya Jhāna**: tu tập và chứng đắc tầng Thiền thứ ba (Tam Thiền).
15. **Catuttha Jhāna**: tu tập và chứng đắc tầng Thiền thứ tư (Tứ Thiền).

Nhờ sự toàn đức về Tám Giác mà Đức Phật đã phát sanh Trí Tuệ vô biên. Nhờ thực hành viên mãn về Mười Lăm Hạnh mà Đức Phật phát Tâm Đại Bi Vô Lượng.

Nhờ vào Trí Tuệ mà Đức Phật đã thông suốt về sự Khổ. Nhờ vào sự Bi Mẫn mà Đức Phật đã chỉ dạy chúng sanh con đường diệt trừ sự Khổ.

Nhờ vào Trí Tuệ mà Đức Phật đã tự mình đi đến sự giác ngộ. Nhờ vào sự Bi Mẫn mà Đức Phật đã dắt dẫn chúng sanh đến bờ giải thoát.

Nhờ vào Trí Tuệ mà Đức Phật đã chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác. Nhờ vào sự Bi Mẫn mà Đức Phật đã thực hành viên mãn phận sự của bậc Chánh Biến Tri.

Nhờ vào Trí Tuệ mà Đức Phật đã liễu tri Pháp nào có sự lợi ích, Pháp nào có sự nguy hại đến chúng sanh. Nhờ vào sự Bi Mẫn mà Đức Phật đã chỉ dạy chúng sanh lánh xa những điều xấu ác và tội lỗi, khuyến khích chúng sanh làm những điều lành.

Nói tóm lại, do nhờ vào Tám Giác và Mười Lăm Hạnh của Đức Phật mà hàng Tứ Chúng môn đệ của Ngài được dắt dẫn chu đáo trên con đường chân chánh, lánh xa những con đường lầm lạc như Tu Khổ Hạnh, Tà Kiến hoặc Lợi Dưỡng, v.v.

Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Minh Hạnh Túc (*Vijjācaranasampanno*).

IV. SUGATO – Thiện Thệ

Tại sao Đức Phật có danh hiệu SUGATO (Thiện Thệ)?

Bởi Ngài:

1. Có sự hành trình toàn hảo (*Sobhana gamana*).
2. Có ngôn ngữ chân chánh (*Sammāgadattā*).

I. Sự hành trình toàn hảo có ý nghĩa bốn sự việc như sau:

1. **Tướng đi xinh đẹp:** Đức Phật có tướng đi rất oai hùng và trang nghiêm thanh tịnh, khiến cho chúng sanh vừa trông đến phát Tâm ngưỡng mộ, tôn kính và duyệt ý nhìn xem. Sau khi thành đạt Đạo Quả ở dưới cội cây Bồ Đề, Đức Phật cất bước thẳng tiến về phía vườn Lộc Giả (*Isipatana*) để độ năm anh em Ngài Kiều Trần Như, có vô số Chư Thiên vừa trông thấy diện mạo quang minh sáng rực với tướng đi trang nghiêm thanh tịnh của Đức Thế Tôn thì tất cả đồng phát tâm hoan hỷ và ca tụng. Từ trên hư không, Chư Thiên đã rải những Thiên Hoa với hương thơm và phổ tấu những nhạc điệu thanh nhã để cúng dường từng bước đi của Đức Phật. Lại nữa, mỗi khi Đức Phật ngự đến xóm làng nào, đều có Chư Thiên và rất đông người cung kính đi theo nhìn xem tướng trang nghiêm tốt đẹp và phát tâm ngưỡng mộ tôn kính. Cần nói thêm rằng có những hạng chúng sanh tôn kính Đức Phật do bởi Ngài có **bốn Pháp chan hòa** (*Pamāna*) với nhiều ý nghĩa tốt đẹp cao quý như sau:
 - a. **Sắc chan hòa** (*Rūpa pamāna*): dung sắc của Đức Phật xinh đẹp siêu phàm, trọn đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi tướng phụ, Chư Thiên và Nhân Loại không ai sánh bì.
 - b. **Pháp chan hòa** (*Dhamma pamāna*): các Pháp mà Đức Phật đã chứng đắc quả thật thâm vi diệu và đúng theo Chân Lý, các bậc thiện tri thức ở trong thế gian này không ai sánh bì.
 - c. **Thinh chan hòa** (*Ghosa pamāna*): âm thanh tiếng nói của Đức Phật thanh tao, vang ngân như âm thanh của Chư Phạm Thiên và êm dịu rõ ràng như tiếng của loài chim quốc (*Karavika*).
 - d. **Tâm duyệt ý bình đẳng chan hòa** (*Lukha pamāna*): Đức Phật có Tâm bình đẳng, cho dù hàng Vương Giả Vua Chúa hoặc thường dân, người giàu sang hay người nghèo khổ, đem vật chi đến cúng dường, Ngài đều thọ lãnh một cách vui vẻ và an lạc, không phân biệt giai cấp của thí chủ và vật cúng dường cao quý hay thấp kém.

Do vậy, nên có người phát tâm hoan hỷ, duyệt ý về sắc tướng xinh đẹp siêu phàm của Đức Phật, rồi xuất gia vào tu theo Giáo Pháp hoặc tin theo lời giáo huấn của Ngài mà làm những điều phước thiện.

Có người cảm mến Đức Phật vì những Pháp hợp lý, cao thượng, chân chánh mà Đức Phật đã giảng dạy, rồi trở thành môn đệ của Ngài.

Có người hoan hỷ duyệt ý với những âm thanh tao nhã êm ái của Đức Phật, rồi xin được xuất gia và tu theo Ngài.

Có người lại ưa thích Tâm bình đẳng của Đức Phật trong sự thọ nạp những vật lễ cúng dường, rồi xin thọ giáo với Ngài.

Do nhờ **bốn Pháp chan hòa** cao quý như vừa kể, mà khi Đức Phật ngự đến nơi nào, cũng thường làm cho đại chúng phát tâm tín ngưỡng sùng mộ đến Ngài. Chúng sanh nào chưa có đức tin vào

nơi Tam Bảo thì khi được diện kiến với Ngài, liền phát sanh lòng cảm mến tin tưởng. Chúng sanh nào đã tu theo Giáo Pháp của Đức Phật rồi, thì khi được Ngài thuyết giảng, hoặc nhìn sắc diện, hoặc nghe âm thanh, hoặc cảm thông Tâm bình đẳng của Ngài, lại càng có đức tin vững mạnh và thực hành tin tấn về những Pháp mà Ngài đã giáo huấn.

2. **Đi đến nơi thanh tịnh:** Đức Phật thường luôn đi đến nơi thanh tịnh, vì nơi nào cho dù có uế trước bợn nhơ thì khi Đức Phật ngự đến, đều trở nên thanh tịnh xinh đẹp. Như tích xưa, tại thành **Vesālī**, bị nhóm Phi Nhân là Dạ Xoa, Ngạ Quỷ v.v. hoành hành, gieo rắc bệnh ôn dịch, làm cho chúng sanh bị mạng vong vô số, đến không kịp chôn cất, mùi tử thi xông lên nồng nặc. Trước khi Đức Phật ngự đến thành ấy thì Chư Thiên được biết, liền tạo một cơn mưa thật to, quét sạch hết các hàng Phi Nhân và mùi tử thi sinh thúi, tạo cho thành **Vesālī** trở nên sạch sẽ và an lạc.
3. **Đi con đường chân chánh:** Đức Phật đã đi trên con đường chân chánh (Chánh Đạo), thanh tịnh là Thánh Đạo (**Ariya Magga**), không hề quay lại tìm các điều Phiền Não và thụy miên mà Ngài đã diệt trừ do nhờ vào các tầng Thánh Đạo, từ Sơ Đạo cho đến Tứ Đạo mà Ngài đã chứng đắc. Con đường chân chánh ấy trọn cả bốn A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu, từ khi được Đức Phật Nhiên Đăng (**Dīpankara**) thọ ký cho đến khi thành Bậc Chánh Đẳng Giác ở dưới cội cây Bồ Đề. Với hoài bảo thiết tha cứu độ chúng sanh ra khỏi mê tân khổ hải, Đức Phật đã hành viên mãn Tam Thập Pháp Ba La Mật và đã trải nhiều gian lao khổ nhọc trên con đường Trung Đạo, không thiên về những quan niệm cực đoan là “Lợi D dưỡng” và “Khổ Hạnh”, “Thường Kiến” và “Đoạn Kiến”, v.v.
4. **Đi đến nơi an lạc:** Đức Phật đã đi đến nơi an lạc, vô sanh bất diệt, là Đại Níp Bàn. Trước ngày thành Đạo, Đức Phật chưa từng đến nơi tịch tịnh, nhưng Ngài không mấy may e ngại vì Thân Tâm đã được hoàn toàn thuần khiết thanh tịnh, không còn Phiền Não. Với Phiền Não nào mà Đức Phật đã diệt trừ thì những Phiền Não ấy không còn trở lại trong Thân Tâm của Ngài, và Ngài cũng không bao giờ quay trở lại để tìm kiếm những Phiền Não ấy nữa.

II. Ngôn ngữ chân chánh

Ngôn ngữ chân chánh, ý nói đến những huấn từ chân thật, đúng theo Giáo Lý, nhắm vào sự lợi ích và sự giải thoát chúng sanh mà Đức Phật khai thuyết ra và tùy theo trường hợp cùng với hoàn cảnh thích đáng.

Đức Phật liễu tri tường tận lời nói nào đúng theo Chân Lý hoặc không đúng theo Chân Lý, lời nói nào hữu ích và vô ích, lời nói nào đem lại hân hoan duyệt ý hoặc bất toại nguyện và bất duyệt ý.

- Với lời nói nào không đúng theo Chân Lý, vô ích, và bất duyệt ý với chúng sanh thì Đức Phật không bao giờ khai thuyết.
- Với lời nói nào mà đúng theo Chân Lý, nhưng lại vô ích và bất duyệt ý với chúng sanh thì Đức Phật không bao giờ khai thuyết.
- Với lời nói mà đúng theo Chân Lý, hữu ích, nhưng lại bất duyệt ý với chúng sanh thì Đức Phật tùy cơ hội thuận tiện mà khai thuyết.
- Với lời nói mà không đúng theo Chân Lý, vô ích, những lại duyệt ý với chúng sanh thì Đức Phật không bao giờ khai thuyết.
- Với lời nói mà đúng theo Chân Lý, những vô ích, cho dù làm duyệt ý với chúng sanh thì Đức Phật không bao giờ khai thuyết.

- Với lời nói mà đúng theo Chân Lý, hữu ích và duyệt ý thì Đức Phật biết lựa chọn cơ hội thuận tiện để khai thuyết.

Như một ngày nọ, nhân đi qua cánh rừng nhỏ gần thành **Kosambi**, Đức Phật đã cầm một nắm lá trong tay và phán hỏi Đại Đức Ananda như sau:

“Này Ananda, lá cây mà Như Lai nắm trong tay đây và lá cây ở trong cánh rừng này, số lá cây nào nhiều hơn?”

Đại Đức Ananda bèn bạch rằng:

“Kính bạch Đức Thế Tôn, lá cây mà Đức Thế Tôn nắm trong tay có số lượng rất ít, lá cây còn ở trong rừng thì có số lượng rất nhiều.”

Đức Phật tiếp lời:

“Này Ananda, cũng như thế ấy, những Pháp mà Như Lai đã chứng tri, đã liễu tri là nhiều ví như lá cây trong rừng này, còn những Pháp mà Như Lai đã thuyết ra cho chúng sanh được hay biết thì chỉ ít ỏi, ví như nắm lá trong tay Như Lai vậy! Vì sao thế? Là vì các Pháp mà Như Lai không thuyết ra là những Pháp không đem lại sự lợi ích, không liên hệ đến sự thực hành Phạm Hạnh, đưa đến sự diệt tận Phiền Não, đưa đến sự yên lặng của nội tâm, đưa đến sự phát sanh Trí Tuệ viên mãn và dẫn đến Níp Bàn. Do vậy, này Ananda, Như Lai không khai thuyết những Pháp môn ấy”.

“Còn các Pháp mà Như Lai đã khai thuyết là những Pháp chỉ rõ đây là Khổ, đây là nguyên nhân làm phát sanh đến sự Khổ, đây là sự diệt tắt của sự Khổ, đây là con đường đưa đến sự diệt tắt mọi khổ đau. Vì các Pháp ấy đem lại lợi lạc, sự lợi ích liên hệ đến đời sống thanh cao, đưa đến sự diệt tận mọi Phiền Não, đem đến sự an tịnh của nội tâm, đưa đến phát sanh Trí Tuệ viên mãn và đến Níp Bàn”.

Như thế, nhận thấy rằng cho dù Đức Phật đã liễu tri tường tận Vô Lượng Pháp Môn, tuy nhiên Ngài chỉ phổ cập đến những Pháp nào đúng theo Chân Lý, và đem lại sự lợi ích và dẫn đến sự giải thoát cho tất cả chúng sanh.

Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Thiện Thệ (**Sugato**).

V. LOKAVIDŪ – Thế Gian Giải

Tại sao Đức Phật có danh hiệu LOKAVIDŪ (Thế Gian Giải)?

Bởi Ngài đã thông suốt cả Tam Giới.

“Tam Giới” có nghĩa là Ba Cõi Giới mà chúng sanh đi tục sanh, đó là Cõi Dục Giới (*Kāma bhava*), Cõi Sắc Giới (*Rūpa bhava*), và Cõi Vô Sắc Giới (*Arūpa bhava*).

- **Cõi Dục Giới** là cõi mà chúng sanh còn vui thích, ưa muốn Ngũ Trần là Sắc, Thinh, Khí, Vị và Xúc. Cõi Dục Giới gồm có **mười một Cõi**, đó là Địa Ngục, Ngạ Quỷ, A Tu La, Súc Sanh, Nhân Loại và Lục Dục Thiên Giới.
- **Cõi Sắc Giới** là cõi mà chúng sanh hưởng sự an vui do nơi Quả Phước của Thiền Định Hữu Sắc. Tùy theo năng lực của bậc Thiền đã chứng đắc tại Cõi Nhân Loại, các vị đã chứng đắc từ tầng Sơ Thiền đến Tứ Thiền thì được tái tục về **Mười Sáu Cõi Sắc Giới Thiên**, không còn phân biệt nam nữ và sống lâu từ một phần ba (1/3) Kiếp đến 16,000 Kiếp quả địa cầu.
- **Cõi Vô Sắc Giới** là cõi mà chúng sanh không còn hình thể sắc tướng (không còn Sắc Pháp), chỉ có Tâm thuần khiết (Danh Pháp), không còn bợn nhơ. Các vị Phạm Thiên này đã chứng đắc bốn tầng Thiền Vô Sắc Giới khi còn ở Cõi Nhân Loại, và tục sanh về **Bốn Cõi Vô Sắc Giới Thiên**, hưởng tuổi thọ từ 20,000 Kiếp đến 84,000 Kiếp quả địa cầu.

Trong Tam Giới vừa kể, có Cõi chúng sanh chỉ có Nhất Uẩn (là Cõi Vô Tướng Phạm Thiên Sắc Giới), có Cõi chỉ có Tứ Uẩn (là bốn Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới) và có Cõi đủ cả Ngũ Uẩn (là hai mươi sáu Cõi còn lại). Tuy nhiên tất cả chúng sanh đi tái tục dựa theo bốn cách, đó là Noãn Thai Thấp Hóa và vẫn còn dính mắc mãi trong vòng sanh tử luân hồi.

Tam Giới là thuộc về Thế Gian (*Loka*), còn Siêu xuất Thế Gian (*Lokuttara*) là Níp Bàn. Pháp nào có sanh và có diệt, thể trạng nào bị chi phối bởi lẽ Vô Thường, là hằng phải bị tiêu hoại tan rã, gọi là Thế Gian (*Loka*).

Thế Gian có ba loại:

- A. Pháp Hành Thế Gian (*Saṅkhāra Loka*)
- B. Chúng Sanh Thế Gian (*Satta Loka*)
- C. Hư Không Thế Gian (*Ākasa Loka*)

A. Pháp Hành Thế Gian (*Saṅkhāra Loka*)

Đức Phật đã thông suốt các Pháp Hành (còn gọi là những Pháp Hữu Vi, phát sanh do bởi có nhân duyên tạo tác sai khác với nhau) được liệt kê như sau:

1. **Āhārasaṅkhāra lokam – Vật Thực Tạo Hành Thế Gian**: tất cả chúng sanh đều do nhờ vào vật thực mà được tồn tại (Nhất Thiết Chúng Sanh Duy Thực Tồn).
2. **Nāmarūpa saṅkhātam – Danh Sắc Tạo Hành**:
 - Danh (*Nāma*) gồm có 121 Tâm (*Citta*) và 52 Tâm Sở (*Cetasika*)
 - 28 Sắc (*Rūpa*) gồm có Tứ Đại Hiển (*Mahābhūtarūpa*) và 24 Sắc Y Sinh (*Upādāyarūpa*).

Commented [VD1]: Cô kiểm tra lại giúp con vụ Nhất Uẩn và Ngũ Uẩn

(Danh và Sắc cùng nương tựa vào nhau, mới hình thành một xác thân hữu tri này. Ví như chiếc thuyền và người lái thuyền, chiếc thuyền nhờ có người lái mới đi được. Hoặc ví như người bại xứ với người mù, người bại xứ phải nhờ vào đôi chân của người mù, người mù nhờ vào đôi mắt của người bại, mới có thể đi và thấy đường được).

3. **Tividhavedanā sankhātā – Tam Thọ Tạo Hành:** ba loại Thọ tạo tác, đó là Hỷ Thọ, Ưu Thọ và Xả Thọ (một loại Thọ khác nữa là Lạc Thọ, Khổ Thọ và Xả Thọ) tạo tác ra chúng sanh.
4. **Caturāhāra sankhātā – Tứ Thực Tạo Hành:** bốn loại Vật Thực tạo tác ra chúng sanh, đó là:
 - a. **Kabalinkārāhāra – Đoàn Thực:** những vật thực hữu hành như là cơm, bánh, trái, v.v. màu sắc, mùi vị, và chất bổ dưỡng.
 - b. **Phassāhāra – Xúc Thực:** sự xúc chạm giữa Lục Căn với Lục Trần làm thành món ăn tinh thần, làm cho khởi sanh lên Thọ (Vedanā).
 - c. **Manosancetanāhāra – Tư Tác Ý Thực:** với những Tác Ý Thiện và Bất Thiện (hoặc Ác), làm thành vật thực nuôi dưỡng việc tái tục của chúng sanh trong Tam Giới.
 - d. **Vinnānāhāra – Thức Thực:** Tâm Thức làm thành vật thực để khởi sanh lên Danh Sắc trong lúc đi tục sanh.
5. **Pancupādānakkhandhā sankhātā – Ngũ Thủ Uẩn Tạo Hành:** hành vi chấp thủ (**Upādāna**) là cố chấp, giữ chặt vào Ngũ Uẩn bao gồm Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn, cho là Ta, là Thân Ta, là của Ta, v.v. tạo tác ra chúng sanh.
6. **Chaaṭṭhattikāyatana sankhātā – Lục Xứ Tạo Hành:** Lục Xứ (**Ayatana**) tạo tác, gồm có Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thân Xứ và Ý Xứ.
7. **Sattavinnānatthitī sankhātā – Thất Thức Tạo Hành:** Bảy Thức tạo tác ra chúng sanh, đó là:
 - a. **Nānattakāyā nānattasanni – Thân Dị Tưởng Dị:** thân hình khác nhau, tư tưởng khác nhau, như là Nhân Loại, Chư Thiên và một số trong Địa Ngục.
 - b. **Nānattakāyā ekattasanni – Thân Dị Tưởng Đồng:** thân hình khác nhau, nhưng tư tưởng giống nhau, như là các vị Phạm Chúng Thiên ở tầng Sơ Thiên Sắc Giới.
 - c. **Ekattakāyā nānattasanni – Thân Đồng Tưởng Dị:** thân hình giống nhau, nhưng tư tưởng khác nhau, như là các vị Quang Âm Thiên ở tầng Nhị Thiên Sắc Giới.
 - d. **Ekattakāyā ekattasanni – Thân Đồng Tưởng Đồng:** thân hình giống nhau và tư tưởng cũng giống nhau, như là các vị Biến Tịnh Thiên ở tầng Tam Thiên Sắc Giới.
 - e. **Ākāśānancayatana – Không Vô Biên Xứ:** vượt qua khỏi sắc tướng, đoạn trừ tất cả hữu đối tượng, không còn suy tư đến bất luận một loại dị tướng, chỉ có tướng về “Hư Không là vô biên”, như là các vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
 - f. **Vinnānancayatana – Thức Vô Biên Xứ:** vượt khỏi Không Vô Biên Xứ, chỉ có tướng về “Thức là vô biên”, như là các vị Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
 - g. **Ākincannāyatana – Vô Sở Hữu Xứ:** vượt khỏi Thức Vô Biên Xứ, chỉ có tướng về “Không có chi cả”, như là các vị Phạm Thiên Vô Sở Hữu Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
8. **Atthalokadhamma sankhātā – Bát Thế Gian Pháp Tạo Hành:** hành vi ở nội tâm của hạng Phàm Nhân luôn bị Tám Pháp Thế Gian (Bát Phong) chi phối và ám ảnh, đó là: Được Lợi – Thất Lợi, Được Danh – Thất Danh, Bị Chê – Được Khen, Hạnh Phúc – Khổ Đau.
9. **Navasattāvāsa sankhātā – Cửu Trú Xứ Hữu Tình Tạo Hành:** Chín chỗ trú ngụ tạo tác ra chúng sanh, đó là:
 - a. **Nānattakāyā nānattasanni – Thân Dị Tưởng Dị:** thân hình khác nhau, tư tưởng khác nhau, như là Nhân Loại, Chư Thiên và một số trong Địa Ngục

- b. **Nānattakāyā ekattasanni – Thân Dị Tướng Đồng**: thân hình khác nhau, nhưng tư tưởng giống nhau, như là các vị Phạm Chúng Thiên ở tầng Sơ Thiền Sắc Giới.
- c. **Ekattakāyā nānattasanni – Thân Đồng Tướng Dị**: thân hình giống nhau, nhưng tư tưởng khác nhau, như là các vị Quang Âm Thiên ở tầng Nhị Thiền Sắc Giới.
- d. **Ekattakāyā ekattasanni – Thân Đồng Tướng Đồng**: thân hình giống nhau và tư tưởng cũng giống nhau, như là các vị Biến Tịnh Thiên ở tầng Tam Thiền Sắc Giới.
- e. **Asanni satta – Vô Tướng Vô Thọ**: chúng sanh sống mà không có Tâm Thức, như là Chúng Phạm Thiên Vô Tướng Sắc Giới.
- f. **Ākāśānancayatana – Không Vô Biên Xứ**: vượt qua khỏi sắc tướng, đoạn trừ tất cả hữu đối tượng, không còn suy tư đến bất luận một loại dị tướng, chỉ có tướng về “Hư Không là vô biên”, như là các vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
- g. **Vinnānancāyatana – Thức Vô Biên Xứ**: vượt khỏi Không Vô Biên Xứ, chỉ có tướng về “Thức là vô biên”, như là các vị Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
- h. **Ākincannāyatana – Vô Sở Hữu Xứ**: vượt khỏi Thức Vô Biên Xứ, chỉ có tướng về “Không có chi cả”, như là các vị Phạm Thiên Vô Sở Hữu Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
- i. **Nevasannānāyatana – Phi Tướng Phi Tướng Xứ**: vượt khỏi hoàn toàn Vô Sở Hữu Xứ, chỉ có tướng về “Chẳng phải tướng và chẳng phải chẳng phải tướng”, như là các vị Phạm Thiên Phi Tướng Phi Tướng Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
10. **Dasāyatana sankhātam – Thập Xứ Tạo Hành**: Ngũ Xứ và Ngũ Trần tiếp xúc với nhau, tạo tác ra chúng sanh, đó là: Nhãn Xứ - Sắc Trần, Nhĩ Xứ - Thính Trần, Tỷ Xứ - Khí Trần, Thiệt Xứ - Vị Trần, Thân Xứ - Xúc Trần.
11. **Pancadasavithārammana sankhātam – Thập Ngũ Duyên Cảnh Tạo Hành**: Mười Lăm Tâm nương duyên theo Cảnh, tạo tác ra chúng sanh, đó là:
- Somanassa sahaḡatam nānasampayuttam – Câu Hành Hỷ Tương Ưng Trí**: Tâm Câu Hành Hỷ và Tương Ưng Trí để phối hợp với Cảnh, có hai loại là vô dẫn và hữu dẫn.
 - Somanassa sahaḡatam nānavippayuttam – Câu Hành Hỷ Bất Tương Ưng Trí**: Tâm Câu Hành Hỷ và Bất Tương Ưng Trí để phối hợp với Cảnh, có hai loại là vô dẫn và hữu dẫn.
 - Upekkhā sahaḡatam nānasampayuttam – Câu Hành Xả Tương Ưng Trí**: Tâm Câu Hành Xả và Tương Ưng Trí để phối hợp với Cảnh, có hai loại là vô dẫn và hữu dẫn.
 - Upekkhā sahaḡatam nānavippayuttam – Câu Hành Xả Bất Tương Ưng Trí**: Tâm Câu Hành Xả và Bất Tương Ưng Trí để phối hợp với Cảnh, có hai loại là vô dẫn và hữu dẫn.
 - Upekkhā sahaḡatam sampaticchanam – Tiếp Thâu Câu Hành Xả**: Tâm Tiếp Thâu Câu Hành Xả để phối hợp với Cảnh, có hai loại là quả bất thiện và quả thiện vô nhân.
 - Upekkhā sahaḡatam santīranam – Thấm Tấn Câu Hành Xả**: Tâm Thấm Tấn Câu Hành Xả để phối hợp với Cảnh, có hai loại là quả bất thiện và quả thiện vô nhân.
 - Somanassa sahaḡatam santīranam – Thấm Tấn Câu Hành Hỷ**: Tâm Thấm Tấn Câu Hành Hỷ để phối hợp với Cảnh, chỉ có một loại là quả thiện vô nhân.
12. **Dvādasāyatana sankhātam – Thập Nhị Xứ Tạo Hành**: Lục Xứ tiếp xúc với Lục Trần tạo tác ra chúng sanh, đó là: Nhãn Căn – Sắc Trần, Nhĩ Căn – Thính Trần, Tỷ Căn – Khí Trần, Thiệt Căn – Vị Trần, Thân Căn – Xúc Trần, Ý Căn – Pháp Trần.
13. **Terasahasanaḡitta sankhātam – Thập Tam Tâm Tạo Hành**: Mười Ba Tâm tạo tác ra chúng sanh, đó là: Bốn Tâm Tham Câu Hành Hỷ, Bốn Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ, Bốn Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ và Tâm Tiểu Sinh Câu Hành Hỷ.

14. **Cuddasacittuppāda sankhātam – Yếu Tố Tâm Sở Tạo Hành:** Mười Bốn Bất Thiện Tạo Tác, đó là: Si, Vô Tàm, Vô Quý, Phóng Dật, Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Sân Hận, Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận.
15. **Addhārasadhātu sankhātam – Thập Bát Giới Tạo Hành:** Mười Tám Yếu Tố Tạo Tác, đó là: Nhãn Giới, Sắc Giới và Nhãn Thức Giới; Nhĩ Giới, Thính Giới và Nhĩ Thức Giới; Tỷ Giới, Khí Giới và Tỷ Thức Giới; Thiệt Giới, Vị Giới và Thiệt Thức Giới; Thân Giới, Xúc Giới và Thân Thức Giới; Ý Giới, Pháp Giới và Ý Thức Giới.

B. Chúng Sanh Thế Gian (Satta Loka)

Đức Phật thông suốt tâm tánh của chúng sanh, như sau:

1. **Sabbasattānam āsayam:** Đức Phật liễu tri tường tận tâm tánh của mỗi chúng sanh, với các Pháp thường trụ sâu kín trong nội tâm như là Thường Kiến (**Sassata Ditthi**) và Đoạn Kiến (**Uccheda Ditthi**) thường luôn hiện hữu trong nội tâm của hạng Phàm Nhân, và Thập Tuệ Quán (**Vipassanānāna**) và Chân Trí Kiến (**Yathābhūtanāna**) thường luôn hiện hữu trong nội tâm của bậc Thánh Nhân.
2. **Anusayam:** Đức Phật liễu tri tường tận những Pháp Phiền Não ngủ ngầm trong nội tâm của chúng sanh chực chờ hội túc duyên để khởi sanh, đó là: Tham Dục Thụy Miên, Sân Hận Thụy Miên, Khüế Phẫn Thụy Miên, Ngã Mạn Thụy Miên, Tà Kiến Thụy Miên, Hoài Nghi Thụy Miên, Vô Minh Thụy Miên.
3. **Caritam:** Đức Phật liễu tri tường tận sáu thể loại tâm tánh của tất cả chúng sanh, đó là: Tánh Ái Tình (ưa thích sắc đẹp, âm thanh tốt, v.v.), Tánh Sân Hận (dễ sân hận, nóng giận, bất bình, v.v.), Tánh Si Mê (si mê, tầm tối, lầm lạc, v.v.), Tánh Đức Tin (dễ tin, tín tâm, v.v.), Tánh Giác Ngộ (hay suy xét, dễ hiểu biết, sáng suốt, v.v.), Tánh Suy Tầm (hay suy nghĩ, tìm kiếm, lục lọi, v.v.).
4. **Adhimuttam:** Đức Phật liễu tri tường tận tâm thức chúng sanh ưa thích những Pháp cao thượng hoặc thấp hèn, ưa thích Phước hay Tội.
5. **Apparajakkhe mahārajakkhe satte:** Đức Phật liễu tri tường tận chúng sanh nào có nhiều bụi trần hoặc ít bụi trần trong con mắt, nghĩa là có nhiều tham ái hoặc ít tham ái.
6. **Tikkhindriye satte muddindriye satte:** Đức Phật liễu tri tường tận chúng sanh nào có bản căn tinh nhuệ thượng trí, hoặc hạ căn hạ trí. Có Ngũ Căn thuộc lãnh vực tinh thần, đó là: Tín Căn, Tấn Căn, Niệm Căn, Định Căn và Tuệ Căn.
7. **Svā kāre satte dvākāre satte:** Đức Phật liễu tri tường tận chúng sanh nào có phẩm hạnh thanh cao và lánh xa điều ác hoặc có tâm tánh xấu xa, ty liệt và ưa thích tạo điều tội lỗi.
8. **Suvinnāpaye satte duvināpaye satte:** Đức Phật liễu tri tường tận chúng sanh nào có nhiều trí tuệ, thấu triệt các Pháp một cách mau lẹ hoặc ít trí tuệ, chậm hiểu biết các Pháp.
9. **Bhābbābhabbe satte:** Đức Phật liễu tri chúng sanh nào có duyên lành có thể giác ngộ Đạo Quả hoặc không có duyên lành để có thể giác ngộ, với nhiều lý do như sau:
 - a. Chúng sanh nào ở nội tâm còn nhiều Ái Dục (**Tanhā**), nhiều Phiền Não (**Kilesa**), nhiều Tà Kiến (**Micchā Ditthi**), là những Pháp cản ngăn (**Āvaranadhamma**) thiện duyên, nên không thể chứng đắc Đạo Quả Níp Bàn.
 - b. Ái Dục duyên theo Ngũ Trần có năm là: Sắc Ái (**Rūpatanhā**), Thính Ái (**Saddatanhā**), Khí Ái (**Gandhatanhā**), Vị Ái (**Rasatanhā**), Xúc Ái (**Photthabbatanhā**).
 - c. Phiền Não có mười là: Tham, Sân, Si, Ngã Mạn, Tà Kiến, Hoài Nghi, Hôn Thụy, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý.

d. Tà Kiến có hai loại là:

1. **Sassata Ditthi – Thường Kiến**: là sự thấy sai chấp lầm cho rằng vạn vật trên thế gian luôn thường hằng, bất tiến hoặc bất thối, khi mãn kiếp thì vẫn tái tục y như trước vậy.
2. **Uccheda Ditthi – Đoạn Kiến**: là sự thấy sai chấp lầm rằng khi mạng chung là chấm dứt, không có việc tái tục vào nơi nào cả.

Tà Kiến còn được chia ra làm ba thể loại là:

- Vô Hành Kiến (**Akiriya Ditthi**).
- Vô Nhân Kiến (**Ahetuka Ditthi**).
- Vô Hữu Kiến (**Natthika Ditthi**).

Lại nữa, chúng sanh khi đã phạm vào Ngũ Vô Gián Nghiệp (**Panca – antariya kamma – Ngũ Nghịch Đại Tội**) đó là: Giết Mẹ, Giết Cha, Giết Bậc A La Hán, Làm chảy máu chân Đức Phật và Phá hòa hợp Tăng Chúng (từ bốn vị Tỳ Khưu trở lên) cùng với xâm phạm tiết hạnh của một vị Thánh Tỳ Khưu Ni thì những chúng sanh ấy không thể chứng đắc Đạo Quả Níp Bàn trong Kiếp quả địa cầu này được.

- e. Chúng sanh nào không có Ba Pháp Cẩn Ngăn, không chấp vào Tà Kiến, không phạm vào Ngũ Vô Gián Nghiệp và không xâm phạm tiết hạnh của một vị Thánh Tỳ Khưu Ni. Lại là người chuyên cần trong việc Xả Thí, Trì Giới, Tham Thiền, có Tâm Từ Ái, siêng năng Thỉnh Pháp, và hết lòng phụng dưỡng Mẹ Cha thì những chúng sanh ấy thường tạo nhiều duyên lành có thể Giác Ngộ Đạo Quả trong Kiếp hiện tại. Bằng như chưa được chứng đắc Đạo Quả trong Kiếp này, cũng thường được hưởng những Phước Báo cao quý trong Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới, đến khi viên mãn các Pháp Ba La Mật thì được giác ngộ và chứng đắc Đạo Quả Níp Bàn một cách trọn vẹn.

C. Hư Không Thế Gian (Ākāsa Loka)

Hư Không Thế Gian, thường còn được gọi là vũ trụ, gồm có vô số tiểu thế giới. Mỗi một tiểu thế giới đều nằm trên nước, nước nằm trên gió, gió thì nằm trên hư không. Ở nơi trung tâm là núi Tu Di (**Sineru** hoặc **Meru**) cao đến 84,000 do tuần, chân núi ngập sâu vào trong lòng đại dương cũng bằng 84,000 do tuần.

Chung quanh núi Tu Di có bảy lớp biển cách xa nhau bằng bảy lớp núi, có tên lần lượt là: **Yugandhara**, **Isadhara**, **Karavika**, **Sudassana**, **Nemindhara**, **Vinataka** và **Assakanna**. Thể chất núi Tu Di và bảy lớp núi ấy được hình thành bằng bốn thứ châu báu kết hợp, chẳng phải bằng chất đất và đá như bao núi thông thường. Chiều cao và chiều sâu của lớp núi **Yugandhara** bằng phân nửa của núi Tu Di. Chiều cao của lớp núi **Isadhara** bằng phân nửa của núi **Yugandhara** và cứ như thế, chiều cao và chiều sâu của lớp núi bên ngoài chỉ bằng phân nửa của lớp núi ở bên trong.

Trung tâm của bảy lớp núi ấy và ở bốn Hướng, có bốn Châu thiên hạ. Mỗi Châu đều có năm trăm hòn đảo nhỏ bao bọc. Bốn Châu ấy là: Nam Thiện Bộ Châu (**Jambudīpa**), Đông Thắng Thần Châu (**Pubbavideha**), Bắc Câu Lô Châu (**Uttarakurū**), và Tây Ngưu Hóa Châu (**Aparagoyāna**). Quả Địa Cầu này là Nam Thiện Bộ Châu. Mặt trời xoay quanh và chung quanh núi Tu Di vào khoảng giữa núi ấy và soi sáng khắp cả bốn Châu thiên hạ. Dưới chân núi Tu Di có Vương Quốc của Chư A Tu La Thiên (**Asūra**), là Chư Thiên có Tâm Sân Hận, thường niên đi đến gây chiến với Cõi Đạo Lợi Thiên và Cõi Tứ Đại Thiên Vương cai quản, để chiếm lấy các triền núi thấp của Tu Di Sơn. Cõi Tứ Đại Thiên Vương

(*Catumahārājadevatā*) cao từ các triền núi Tu Di trở lên đến khoảng giữa núi, kể đến là Cõi Đạo Lợi Thiên (*Tvāṭimsa*) là từ khoảng giữa đến đỉnh núi, do Thiên Chủ Sakka cai quản. Bốn Cõi Dục Giới Thiên còn lại là: Cõi Dạ Ma Thiên (*Yāma*), Cõi Đâu Xuất Đà Thiên (*Tusitā*), Hóa Lạc Thiên (*Nimmānaratī*) và Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên (*Paranimitavasavattī*) ở trên hư không của núi Tu Di. Trên các Cõi Dục Giới Thiên là mười sáu Cõi Sắc Giới Thiên và cao hơn nữa là bốn Cõi Vô Sắc Giới Thiên.

Vô Giá Địa Ngục (*Lokantariya*) ở khoảng giữa hư không, có hình tam giác thường luôn tối tăm, lạnh lẽo, và không có ánh sáng của mặt trời, là ở khoảng ba Thế Giới giáp với nhau.

Tất cả các núi, biển, các Châu, Cõi Thiên Giới, v.v. vừa kể trên là gồm lại đủ như vậy, gọi là một Tiểu Thế Giới. Một ngàn Tiểu Thế Giới hiệp lại thành một Cõi Tiểu Thiên. Một ngàn Cõi Tiểu Thiên hiệp lại thành một Cõi Trung Thiên. Một ngàn Cõi Trung Thiên hiệp lại thành một cõi Đại Thiên. Như thế, một Cõi Đại Thiên gồm có: $1,000 \times 1,000 \times 1,000 = 1,000,000,000$ Tiểu Thế Giới. Vì nhân bội ba lần 1,000 như vậy, nên được gọi là “Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới”.

Đức Phật đã liễu tri tường tận và thấu triết Pháp Hành Thế Gian, Chúng Sanh Thế Gian và Hư Không Thế Gian. Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Thế Gian Giải (*Lokavidū*).

VI. ANUTTARO – Vô Thượng Sĩ

Tại sao Đức Phật có danh hiệu ANUTTARO (Vô Thượng Sĩ)?

Bởi Ngài có đức hạnh không ai sánh bằng.

Trong Tương Ưng Bộ Kinh (*Samyutta Nikāya*) có một Phật ngôn như sau: “*Như Lai không thấy trên thế gian này luôn cả Chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên; trong thế hệ này luôn cả Đạo Sĩ, Bà La Môn, Vua Chúa và Nhân Loạ, có chúng sanh nào có đức hạnh thù thắng hơn cả Như Lai*”.

Quả thật vậy, trong thế gian này không một ai có thể sánh bằng Đức Phật, bởi vì có Ngài những ân đức cao quý như sau:

1. **Rūpakāyesu anuttaro**: quý trọng vì có Sắc Thân không tội lỗi, không tật nguyên, có oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) tốt đẹp, thanh tịnh, đầy đủ ba mươi hai Tướng tốt và tám mươi Tướng phụ, có hào quang phún tỏa ra sáng ngời, Nhân Loạ và Chư Thiên không ai sánh bằng.
2. **Sīlesu anuttaro**: quý trọng vì có Giới Hạnh, Giới có hai loại là Phàm Giới (*Lokiya sīla*) và Thánh Giới (*Lokuttara sīla*). Phàm Giới là thọ trì về Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, Thập Giới và Cụ Túc Giới. Bồ Tát đã luôn gìn giữ những giới không bị bợn nhơ khi còn trong vòng sanh tử luân hồi trọn cả bốn A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu. Lại nữa, khi còn là Bồ Tát, Ngài đã thực hành và trau dồi tròn đủ Trì Giới Ba La Mật với cả ba bậc, đó là Bậc Hạ (*Sīla Pāramī*), Bậc Trung (*Sīla Uppapāramī*), và Bậc Thượng (*Sīla Paramattha Pāramī*). Về phần Thánh Giới, từ trong vô lượng kiếp quá khứ, khi còn là Bồ Tát, Ngài đã thực hành và trau dồi viên mãn về ba Pháp chân chánh, là Chánh Ngữ (*Sammāvacā*), Chánh Nghiệp (*Sammākammanā*) và Chánh Mạng (*Sammāājīva*) khiến cho phát sanh Thánh Đạo và diệt tận các Pháp xấu ác.
3. **Samādhimhi anuttaro**: quý trọng vì Thiền Định. Nói về Thiền Định (đây thuộc về Thiền Chỉ - lấy những đề mục thuộc Sắc Giới có ba mươi sáu, và Vô Sắc Giới có bốn đề mục) thì có hai loại là Cận Định (*Upacāra Samādhi*) và Nhập Định (*Appannā samādhi*). Cận Định là trạng thái nội tâm an trụ cận kề trong đề mục. Nhập Định là trạng thái nội tâm an trụ kiên cố trong một đề mục. Nhập Định có hai loại là: Phàm Định (*Lokiya samādhi*) và Thánh Định (*Lokuttara samādhi*). Phàm Định là trạng thái nhập định của hàng Phàm Nhân, còn duyên theo Pháp Hiệp Thế, có khi còn phải bị tiêu hoại (Hoại Thiền). Thánh Định là trạng thái nhập định của bậc Thánh Nhân, duyên theo Pháp Siêu Thế, hằng kiên cố và không bị hư hoại.
4. **Pannāsu anuttaro**: quý trọng vì Trí Tuệ. Có những trường hợp như sau:
 - a. **Mahāpanno**: Đức Phật có Trí Tuệ vô lượng vô biên, Chư Thiên và Nhân Loạ không ai sánh bằng;
 - b. **Puthuppanno**: Đức Phật có Trí Tuệ thậm thâm, sâu dày như quả địa cầu;
 - c. **Hāsappanno**: Đức Phật có Trí Tuệ làm cho chúng sanh hoan hỷ duyệt ý khi nghe Ngài khai thuyết;
 - d. **Javanappanno**: Đức Phật có Trí Tuệ thông suốt thấu hiểu các Pháp một cách mau lẹ;
 - e. **Tikkhanappanno**: Đức Phật có Trí Tuệ sắc bén;
 - f. **Nibbedhikappanno**: Đức Phật có Trí Tuệ liễu tri trong việc thuyết giảng Giáo Pháp, không bao giờ lẫn lộn, vấp vấp trong khi khai thuyết. Những loại Trí Tuệ này, chẳng phải

Đức Phật mới chứng đắc trong khi thành đạt Đạo Quả, mà trong những kiếp quá khứ, khi còn là Bồ Tát, Ngài đã thực hành và trau dồi tròn đủ Trí Tuệ Ba La Mật với cả ba bậc, đó là Bậc Hạ (*Sīla Pāramī*), Bậc Trung (*Sīla Uppapāramī*) và Bậc Thượng (*Sīla Paramattha Pāramī*). Lúc bấy giờ, Ngài có tên là **Mahosatha, Vidhura**, v.v. đã có Trí Tuệ vượt trội hơn cả những bậc Thiện Trí Thức đương thời.

5. **Purisasīlamācāresu**: quý trọng vì sanh làm Nam Nhân (Thái Tử *Siddhattha*) với đầy đủ ngũ quan, diện mạo siêu phàm, học lực xuất chúng, đã thông suốt trọn bộ kinh điển Tam Phệ Đà, tài lực kiếm cung xuất chúng, không một nam nhân nào có thể sánh bằng, tất cả mọi người đều cảm phục kính nể.
6. **Bhavassa sammācāresu**: quý trọng vì Phẩm Hạnh thanh cao hơn tất cả chúng sanh ở trong Tam Giới.
7. **Parapuggalavimuttinnāne**: quý trọng vì Trí Tuệ liễu tri phương pháp giải thoát khỏi các Pháp xấu ác (Phiền Nã) hơn các bậc Trí Thức khác.
8. **Pubbenivāsānussattinnāne**: quý trọng vì Trí Tuệ liễu tri về các tiền kiếp quá khứ của Ngài và của các chúng sanh, là chứng đắc Túc Mạng Thắng Trí.
9. **Dibbacakkhunnāne**: quý trọng vì Đức Phật chứng đắc Thiên Nhãn Thắng Trí.
10. **Kammavipākannāne**: quý trọng vì Đức Phật có Trí Tuệ liễu tri được Nghiệp Quả của mỗi chúng sanh đều do bởi Nghiệp Thiện hoặc Ác đã tạo ra.
11. **Yamakappātīhāriyannāne**: quý trọng vì Đức Phật hiện bày Song Đối Thần Túc Thông, hóa thân ra làm hai vị Phật, một vị Phật đang thuyết giảng Vô Tỷ Pháp tại Cõi Đạo Lợi Thiên để độ Thiên Mẫu *Māyā* suốt trọn ba tháng (tính theo Cõi Nhân Loại) vào hạ thứ bảy của Ngài, và một vị Phật đi trì bình khất thực vào mỗi buổi sáng tại Bắc Câu Lô Châu và trùng tuyên những Mẫu Đề (*Mātikā*) về Vô Tỷ Pháp cho Đại Đức *Sāriputta* tại Nam Thiện Bộ Châu.
12. **Lokavivaranappātīhāriyannāne**: quý trọng vì Đức Phật đã dùng Thắng Trí để làm cho Chư Thiên, Nhân Loại và chúng sanh ở trong cả Tam Giới đều thấy được rõ ràng là Ngài đã từ Cõi Đạo Lợi Thiên đi trở xuống lại Cõi Nhân Loại, sau ba tháng Ngài thuyết giảng để độ Thiên Mẫu *Māyā* và tám trăm triệu Chư Thiên chứng đắc được Quả Vị Thất Lai (Sơ Quả).
13. **Āpattikusalatāya**: quý trọng vì Đức Phật liễu tri rành mạch về điều giới học và sự phạm tội, là vị Tỷ Khưu nào đã phạm tội (về điều giới học) hoặc không phạm tội, Ngài đều hiểu biết.
14. **Āpattivutthānakusalatāya**: quý trọng vì Đức Phật liễu tri rành mạch cách thoát khỏi tội, là nếu vị Tỷ Khưu nào sơ ý phạm tội, thì Ngài từ bi cho phép thực hành những phương thế giải tội (cách sám hối, v.v.).
15. **Dhātukusalatāya**: quý trọng vì Đức Phật liễu tri rành mạch về bản chất tứ đại hữu tri (*Upādinnaka dhatu*) của chúng sanh và bản chất tứ đại vô tri (*Anupādinnaka dhatu*) của đất, núi, cây, sông hồ, v.v. luôn cả bản chất của chúng sanh duyệt ý trong Tứ Đại là Đất, Nước, Lửa và Gió.
16. **Manasikāra-kusalatāya**: quý trọng vì Đức Phật liễu tri rành mạch về việc chú tâm ghi nhớ, với điều chi Ngài để tâm ghi nhớ thì không bao giờ quên.
17. **Thānāthānakusalatāya**: quý trọng vì Đức Phật liễu tri rành mạch về những nguyên nhân và không phải nguyên nhân. Nhân (*Hetu*) tại đây là những Nhân Thiện, gồm có ba là: Vô Tham, Vô Sân và Vô Si.
18. **Dvīsu iddhīsu**: quý trọng vì Đức Phật có hai năng lực thù thắng, đó là Tâm Thần Túc (*Cittiddhi*) là Tâm thanh tịnh do nhờ Thiền Định và Thâm Thần Túc (*Vimamsiddhi*) là Trí Tuệ sáng suốt do nhờ Tuệ Quán.

19. **Dvīsu anuttariyesu**: quý trọng vì Đức Phật có oai đức thù thắng và không ai sánh bằng, đó là Giới Cao Thù Thắng (Sīlānuttariya) và Trí Tuệ Thù Thắng (Pannānuttariya).
20. **Tisukathāvatthūsu**: quý trọng vì Đức Phật có ba Hạnh cao quý, đó là: Xả Thí, Trì Giới và Tham Thiền.
21. **Tisusamādhisu**: quý trọng vì Đức Phật có ba bậc Thiền Định, đó là: Bậc Thiền với Hữu Tầm Hữu Tứ, Bậc Thiền với Vô Tầm Hữu Tứ, và Bậc Thiền với Vô Tầm Vô Tứ.
22. **Tisu pātihāriyesu**: quý trọng vì Đức Phật có những điều phi thường khi ngự lên Pháp Tọa để Thuyết Pháp, trong lúc đang Thuyết Pháp và sau khi xuống Pháp Tọa.
23. **Catūsu Satipatthānesu**: quý trọng vì Đức Phật thông suốt và thấu triệt về Tứ Niệm Xứ, đó là Thân Niệm Xứ, Thọ Niệm Xứ, Tâm Niệm Xứ và Pháp Niệm Xứ.
24. **Catūsu sampadāsu**: quý trọng vì Đức Phật có đủ bốn điều đầy đủ (cụ túc) khiến cho sự Phước Thí được quả báu cao thượng, đó là:
- Cetanā sampadā**: hội đủ Tam Tư để thực hiện việc Thiện.
 - Paccaya sampadā**: hội đủ duyên, đầy đủ Tứ Vật Dụng.
 - Vatthu sampadā**: đầy đủ các lễ vật cúng dường.
 - Gunāṭireka sampadā**: đầy đủ ân đức của cả hai bậc Bất Lai và bậc Vô Sinh ngay khi Ngài xuất khỏi Thiền Diệt (Diệt Thọ Tưởng Định).
25. **Catūsu iddhipādesa**: quý trọng vì Đức Phật có đủ năng lực của Tứ Thần Túc, đó là: Dục Thần Túc, Cần Thần Túc, Tâm Thần Túc và Thầm Thần Túc.
26. **Catūsu maggesu catūsu phalesu**: quý trọng vì Đức Phật đã thành tựu viên mãn về Bốn Đạo và Bốn Quả.
27. **Catūsu ariyavamsesu**: quý trọng vì Đức Phật có đầy đủ bốn Pháp của Chủng Tộc Bậc Thánh, đó là:
- Appiccho**: có sự thiếu dục.
 - Sallekho**: có sự tri túc.
 - Saddhā**: đức tin kiên cố trong Thập Ba La Mật.
 - Sīlam**: hằng luôn có thanh tịnh giới.
28. **Catūsu vimuttinnānesu**: quý trọng vì Đức Phật có Trí Tuệ liễu tri về bốn phương pháp giải thoát khỏi các Pháp xấu ác (Phiền Nã), đó là:
- Pannāvimutti**: giải thoát bằng Thánh Tuệ, là Trí Tuệ siêu xuất khỏi thế gian.
 - Samucchadavimutti**: giải thoát bằng sự sát trừ diệt tận.
 - Vikkhambhana vimutti**: giải thoát bằng sự chế ngự của Thiền Định.
 - Tadanga vimutti**: giải thoát bằng các Pháp xấu ác (Kiết Sử) trong tầng bậc của Tuệ Quán.
29. **Pancabelesu**: quý trọng vì Đức Phật có đầy đủ Ngũ Lực, đó là:
- Tín Lực: để diệt trừ sự tà kiến, mê tín.
 - Tấn Lực: để diệt trừ sự lười biếng, giải đãi.
 - Niệm Lực: để diệt trừ Tâm thất niệm hoang vu.
 - Định Lực: để diệt trừ Tâm phóng dật.
 - Tuệ Lực: để diệt trừ sự Vô Minh.
30. **Pancindriyesu**: quý trọng vì Đức Phật có đầy đủ Ngũ Quyền, đó là:
- Tín Quyền: để diệt trừ sự tà kiến, mê tín.
 - Tấn Quyền: để diệt trừ sự lười biếng, giải đãi.
 - Niệm Quyền: để diệt trừ Tâm thất niệm hoang vu.
 - Định Quyền: để diệt trừ Tâm phóng dật.

- Tuệ Quyền: để diệt trừ sự Vô Minh

31. **Pancābhinnāsu:** quý trọng vì Đức Phật có đầy đủ Ngũ Thắng Trí, đó là:

- Thiên Nhãn Thắng Trí
- Thiên Nhĩ Thắng Trí
- Thần Túc Thắng Trí
- Tha Tâm Thắng Trí
- Túc Mạng Thắng Trí

Với Ngũ Thắng Trí vừa mới kể đây là còn nằm trong phạm vi của hạng Phàm Nhân. Tuy nhiên, với bậc Thánh Nhân thì chứng đắc thêm Lưu Tận Thắng Trí là Tuệ liễu tri các Pháp Lưu Hoặc, đã làm cho chúng sanh còn phải trầm luân trong vòng sanh tử luân hồi, để diệt tận. Kết hợp lại thì có cả bảy là Lục Thắng Trí.

32. **Chāsādhāranannānesu:** quý trọng vì Đức Phật có Trí Tuệ thù thắng với sáu thể loại như sau:

- Āsayānusoṃhāra:** Trí Tuệ liễu tri về các Pháp thường lui tới (**Āsaya**) và các Pháp Thụy Miền ngủ ngầm (**Anusaya**) trong từng tâm tánh của chúng sanh.
- Indriya paropariyattinnāna:** Trí Tuệ liễu tri rõ biết về căn cơ dừng mãnh hay yếu đuối của chúng sanh.
- Yamakappāṭṭhāriyannāna:** Trí Tuệ linh hoạt trong việc vận dụng Song Đốn Thần Túc Thông.
- Mahākaruṇā samāpattinnāna:** Trí Tuệ rõ biết về phương pháp tế độ chúng sanh sau khi xuất khỏi Đại Bi Định.
- Sabbannūtanāna:** Trí Tuệ thông suốt tất cả mọi Pháp, không dư sót (Toàn Giác).
- Anāvarannāna:** Trí Tuệ thông suốt, không chướng ngại và khuất lấp trong mọi Pháp.

33. **Sattavisuddhidesanāsu:** quý trọng vì Đức Phật khai thuyết về bảy Pháp Thanh Tịch, đó là:

- Sīla visuddhi:** Giới Thanh Tịch
- Citta visuddhi:** Tâm Thanh Tịch (tu tập làm cho Tâm phát sanh Cận Định và Nhập Định).
- Ditthi visuddhi:** Kiến Thanh Tịch (là Trí Tuệ liễu tri về “Danh và Sắc” do sự kết hợp của Tứ Đại và hằng bị chi phối bởi Tam Tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã).
- Kankhāvitaraṇa visuddhi:** Đoạn Nghi Thanh Tịch (là Trí Tuệ thấy rõ nhân duyên của “Danh và Sắc” và diệt trừ khỏi hoài nghi về Danh Sắc).
- Maggamagganānadassana visuddhi:** Đạo Phi Đạo Tri Kiến Thanh Tịch (là Trí Tuệ liễu tri trung thực, không sai lầm về Thập Tùy Phiền Não)
- Patipadānānadassana visuddhi:** Đạo Tri Kiến Thanh Tịch (là Trí Tuệ thấy rõ phương thức tiến hóa qua việc trau dồi con đường tiến hóa Thiền Minh Sát và Tuệ Quán).
- Nānadassana visuddhi:** Tri Kiến Thanh Tịch (là Trí Tuệ siêu xuất khỏi thế gian, chứng tri Tứ Thánh Đạo và Tứ Thánh Quả).

34. **Sattākhināsavabalesu:** quý trọng vì Đức Phật liễu tri thấu triệt Đạo Tuệ của bảy bậc Thánh Nhân, là những bậc Thánh Hữu Học (**Sekkhā puggala**) có năng lực diệt trừ từng giai đoạn những Pháp trầm luân, nhất là Kiết Sử. Những bậc Thánh Hữu Học, đó là:

- Thất Lai Đạo và Quả
- Nhất Lai Đạo và Quả
- Bất Lai Đạo và Quả
- Vô Sinh Đạo

35. **Navasattāvāsadesanāsu:** quý trọng vì Đức Phật đã khai thuyết về chín chỗ trú ngụ của chúng sanh, đó là:

- a. **Nānattakāyā nānattasanni – Thân Dị Tướng Dị:** thân hình khác nhau, tư tưởng khác nhau, như là Nhân Loại, Chư Thiên và một số trong Địa Ngục
 - b. **Nānattakāyā ekattasanni – Thân Dị Tướng Đồng:** thân hình khác nhau, nhưng tư tưởng giống nhau, như là các vị Phạm Chúng Thiên ở tầng Sơ Thiền Sắc Giới.
 - c. **Ekattakāyā nānattasanni – Thân Đồng Tướng Dị:** thân hình giống nhau, nhưng tư tưởng khác nhau, như là các vị Quang Âm Thiên ở tầng Nhị Thiền Sắc Giới.
 - d. **Ekattakāyā ekattasanni – Thân Đồng Tướng Đồng:** thân hình giống nhau và tư tưởng cũng giống nhau, như là các vị Biến Tịnh Thiên ở tầng Tam Thiền Sắc Giới.
 - e. **Asanni satta – Vô Tướng Vô Thọ:** chúng sanh sống mà không có Tâm Thức, như là Chúng Phạm Thiên Vô Tướng Sắc Giới.
 - f. **Ākāśānancayatana – Không Vô Biên Xứ:** vượt qua khỏi sắc tướng, đoạn trừ tất cả hữu đối tượng, không còn suy tư đến bất luận một loại dị tướng, chỉ có tướng về “Hư Không là vô biên”, như là các vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
 - g. **Vinnānancāyatana – Thức Vô Biên Xứ:** vượt khỏi Không Vô Biên Xứ, chỉ có tướng về “Thức là vô biên”, như là các vị Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
 - h. **Ākincannāyatana – Vô Sở Hữu Xứ:** vượt khỏi Thức Vô Biên Xứ, chỉ có tướng về “Không có chi cả”, như là các vị Phạm Thiên Vô Sở Hữu Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
 - i. **Nevasannānāsannāyatana – Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ:** vượt khỏi hoàn toàn Vô Sở Hữu Xứ, chỉ có tướng về “Chẳng phải tướng và chẳng phải chẳng phải tướng”, như là các vị Phạm Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ ở Cõi Vô Sắc Giới.
36. **Dasakasināyatanaṇesu:** quý trọng vì Đức Phật liễu tri về những đề mục Thập Hoàn Tịnh, đó là: Đất, Nước, Lửa, Gió, Màu Xanh, Màu Vàng, Màu Đỏ, Màu Trắng, Hư Không và Ánh Sáng.
37. **Ekādasametānisansadesanāsu:** quý trọng vì Đức Phật liễu tri rõ ràng về mười một quả Phước Báo của sự rải Tâm Từ Ái, đó là:
- a. **Sukham supati:** khi ngủ được an vui.
 - b. **Sukham patibujjhati:** khi thức dậy cũng được an vui.
 - c. **Na pāpakam supinam passati:** không nằm mộng mị điều xấu ác.
 - d. **Manussānam piyohoti:** Nhân Loại thương mến.
 - e. **Amanussānam piyohoti:** Phi Nhân cũng thương mến.
 - f. **Devatā rakkhanti:** Chư Thiên hộ trì.
 - g. **Nassa aggi vā visam vā sattham vā kamati:** lửa, thuốc độc và khí giới không làm hại được.
 - h. **Tuvātam cittam samādhīyati:** Tâm Nhập Định một cách mau lẹ.
 - i. **Mukhavanno vipasīdati:** sắc diện và da thịt tươi sáng xinh đẹp.
 - j. **Asammulho kālam karoti:** khi cận tử lâm chung Tâm được an tịnh và không mê loạn.
 - k. **Uttarim appativijjhanto brahmalokūpago hoti:** nếu chưa chứng đắc Đạo Quả cao thượng thì được tục sinh về Cõi Phạm Thiên Sắc Giới.
38. **Dvādasākusaladesanāsu:** quý trọng vì Đức Phật liễu tri rõ biết tâm tánh của chúng sanh ở trong điều tội lỗi, xấu ác, do bởi mười hai Tâm Bất Thiện (**Akusalacitta**), gồm có Tám Tâm Tham, Hai Tâm Sân và Hai Tâm Si.
39. **Terasa dhūtangagunesu:** quý trọng vì Đức Phật thông suốt và liễu tri về mười ba Pháp Đầu Đà, đó là:
- a. **Pamsukūlika:** hạnh Đầu Đà với lượng vải quần tử thi (Phấn Tảo Y).
 - b. **Tecīvarika:** hạnh Đầu Đà chỉ có Tam Y.

- c. **Pindapātika**: hạnh Đầu Đà chỉ trì bình khất thực, không thọ Trai Tăng.
 - d. **Sapadānacarika**: hạnh Đầu Đà trì bình khất thực theo mỗi nhà, mỗi xóm.
 - e. **Ekāsānika**: hạnh Đầu Đà chỉ ngồi thọ thực trong một chỗ (chỉ thọ một lần trong ngày mà thôi).
 - f. **Pattapindika**: hạnh Đầu Đà chỉ dùng vật thực trong một bát mà thôi.
 - g. **Khalupacchā - bhattika**: hạnh Đầu Đà không thọ vật thực người đã dâng cúng rồi thì không được phép thọ vật thực nơi nào nữa.
 - h. **Ārannika**: hạnh Đầu Đà chỉ trú ngụ trong rừng (không trú ngụ trong làng xóm).
 - i. **Rukkha mūlika**: hạnh Đầu Đà chỉ trú ngụ ở nơi cội cây hoặc ở gần đó.
 - j. **Abbhokāsika**: hạnh Đầu Đà chỉ trú ngụ ở ngoài trời, khoảng trống (dầu ở bóng cây cũng không được).
 - k. **Sosānika**: hạnh Đầu Đà chỉ trú ngụ ở nghĩa địa, mồ mả hoặc nơi lia bỏ tử thi.
 - l. **Yathāsanthatika**: hạnh Đầu Đà chỉ trú ngụ mà Chư Tăng đã chỉ định đầu tiên, không dời đổi đi nơi khác.
 - m. **Nasajjika**: hạnh Đầu Đà ngăn oai nghi nằm, chỉ dung các oai nghi đi đứng và ngồi.
40. **Cuddasabuddhannānesu**: quý trọng vì Đức Phật hoàn toàn sáng suốt vô lượng vô biên với mười bốn thể loại, đó là:
- a. **Dukkhe nānam**: Trí Tuệ liễu tri Khổ Đế là xác thực.
 - b. **Dukkha samudaye nānam**: Trí Tuệ liễu tri Khổ Tập Đế là xác thực.
 - c. **Dukkha nirodhe nānam**: Trí Tuệ liễu tri Khổ Diệt Đế là xác thực.
 - d. **Dukkha nirodhagāminipati – padāya nānam**: Trí Tuệ liễu tri Khổ Đạo Đế là xác thực.
 - e. **Atthapatisambhidā**: Trí Tuệ liễu tri về Nghĩa Lý Vô Ngại Giải.
 - f. **Dhammapatisambhidā**: Trí Tuệ liễu tri về Pháp Lý Vô Ngại Giải.
 - g. **Niruttipatisambhidā**: Trí Tuệ liễu tri về Từ Ngữ Vô Ngại Giải.
 - h. **Patibhānapatisambhidā**: Trí Tuệ liễu tri về Ứng Biện Vô Ngại Giải.
 - i. **Āsayānususannāna**: Trí Tuệ liễu tri về các Pháp thường lui tới (**Āsaya**) và các Pháp Thụy Miên ngủ ngầm (**Anusaya**) trong từng tâm tánh của mỗi chúng sanh.
 - j. **Indriyaparopariyattinnāna**: Trí Tuệ liễu tri rõ biết về căn cơ đứng đắn hay yếu đuối của chúng sanh.
 - k. **Yamakappātihāriyannāna**: Trí Tuệ linh hoạt trong việc vận dụng Song Đối Thần Túc Thông.
 - l. **Mahākārunāsamāpattinnāna**: Trí Tuệ rõ biết về phương pháp tế độ chúng sanh sau khi xuất khỏi Đại Bi Định.
 - m. **Sabbannūtanāna**: Trí Tuệ thông suốt tất cả mọi Pháp, không dư sót (Toàn Giác).
 - n. **Anāvarannāna**: Trí Tuệ thông suốt, không chướng ngại và khuất lấp trong mọi Pháp.
41. **Ekavīsatikusaladesanāsu**: quý trọng vì Đức Phật khai thuyết tường tận về việc phân tích các Tâm Thiện trong các Cõi Giới, đó là:
- a. **Kāmāvacarakusala**: Tám Tâm Thiện trong Cõi Dục Giới.
 - b. **Rūpāvacarakusala**: Năm Tâm Thiện trong Cõi Sắc Giới.
 - c. **Arūpāvacarakusala**: Bốn Tâm Thiện trong Cõi Vô Sắc Giới.
 - d. **Lokuttarakusala**: Bốn Tâm Thiện Siêu Thế của các bậc Thánh Nhân.
42. **Catuvisatipaccayadesanāsu**: quý trọng vì Đức Phật đã khai thuyết về Đại Phát Thú (**Mahāpatthāna**) với hai mươi bốn Duyên (**Paccaya**) được bắt đầu từ Nhân Duyên (**Hetupaccaya**) và cuối cùng là Bất Lỵ Duyên (**Avigatapaccaya**).

43. ***Kotisatasahassa sancarita dhamma vajīrannānessu***: quý trọng vì Đức Phật có Trí Tuệ thông suốt và liễu tri vô lượng Pháp Môn, như là:

- Nhị Đề Phát Thú (***Dukapattthāna***)
- Tam Đề Phát Thú (***Tikapattthāna***)
- Nhị Đề Tam Đề Phát Thú (***Dukatikapattthāna***)
- Tam Đế Nhị Đề Phát Thú (***Tikadukapattthāna***), v.v.

Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Vô Thượng Sĩ (***Anuttaro***).

VII. PURISADAMMASĀRATHĪ – Điều Ngự Trượng Phu

Tại sao Đức Phật có danh hiệu PURISADAMMASĀRATHĪ (Điều Ngự Trượng Phu)?

Bởi Ngài là đấng tể độ những người hữu duyên nên tể độ.

A. Người Hữu Duyên

Người Hữu Duyên là người, trong những kiếp quá khứ, đã thực hành các Pháp Ba La Mật, là người siêng năng trong việc xả thí, chuyên cần trong việc trì giới và hằng vui thích tham thiền và Thính Pháp.

Người đã thực hành những phẩm hạnh thanh cao ấy, là người đã tu tập nhiều duyên lành (*Upanissaya – Cận Y Duyên*) đáng được tể độ. Tùy theo trình độ phẩm hạnh thấp hay cao, thiện duyên nhiều hay ít, Đức Phật dung phương tiện thích nghi để tể độ mỗi người hữu duyên.

Có hai hạng người hữu duyên:

- **Buddhaveneyya**: hạng người hữu duyên chính do Đức Phật tể độ.
- **SāvakaVeneyya**: hạng người hữu duyên do các Bậc Thánh Văn đệ tử của Đức Phật tể độ.

Với hạng người nào hữu duyên cùng Đức Phật thì tự Ngài đi đến tể độ. Với hạng người nào mà Đức Phật biết rõ hữu duyên với bậc Thánh Văn nào thì Ngài bảo vị ấy đi đến tể độ.

B. Phương Tiện Tể Độ Chúng Sanh

Đức Phật tùy theo tâm tánh và căn cơ của mỗi hạng người mà giảng giải rõ ràng về Nhân Quả, về Phước Tội:

Chúng sanh nào duyệt ý về những việc thiện thì Đức Phật thuyết giảng về các Pháp Thiện Hạnh, là Thân Thiện Hạnh (*Kāyasucarita*), Ngữ Thiện Hạnh (*Vācīsucarita*) và Ý Thiện Hạnh (*Manosucarita*) cùng với những Quả Phước Báo của các Pháp ấy, ngõ hầu chúng sanh khởi phát Tâm duyệt ý trong các Thiện Sự.

Chúng sanh nào duyệt ý về những việc xấu ác thì Đức Phật thuyết giảng về các Pháp Ác Hạnh, là Thân Ác Hạnh (*Kāyaduccarita*), Ngữ Ác Hạnh (*Vācīduccarita*) và Ý Ác Hạnh (*Manoduccarita*) cùng với những Quả Báo của các Pháp ấy, ngõ hầu chúng sanh khởi phát Tâm tầm quý trong các điều xấu ác và hồi tâm làm các Thiện Sự.

Kế tiếp, với những hạng người đã trau dồi Giới Hạnh thanh tịnh rồi, thì Đức Phật thuyết giảng về các Pháp Tu Tập về Thiền Chỉ và Quả Phước Báo do bởi các Pháp ấy, từ tầng Sơ Thiền cho đến Tứ Thiền.

Với những bậc đã chứng đắc các Tầng Thiền Chỉ thì Đức Phật thuyết giảng về các Pháp Tu Tập về Thiền Quán, ngõ hầu những vị ấy tiến tu để phát sanh Trí Tuệ, cho thấy rõ Tam Thực Tướng về Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã của các Pháp Hữu Vi, diệt trừ Phiền Não và chứng đắc Đạo Quả của bậc Thánh Nhân từ bậc Thất Lai cho đến bậc Vô Sinh, và an vui Níp Bàn.

Chúng ta không nên lấy làm ngạc nhiên rằng trong câu chuyện xưa kia kể lại, là có những Chư Thiên và những bậc Đại Thiện Duyên, khi nghe qua một kệ ngôn hoặc một Pháp Thoại do bởi Đức Phật khai thuyết, được chứng tri Đạo Quả Thánh Nhân ở ngay tại chỗ ngồi của mình. Nguyên do là các bậc ấy đã thực hành viên mãn các Pháp Ba La Mật, và kết hợp rất nhiều Thiện Duyên dày công tu tập từ vô lượng

kiếp quá khứ, cho đến kiếp hiện tại có được hội túc duyên mà gặp Đức Phật giảng dạy tế độ, và được nếm hương vị an vui tuyệt đối, ví như trái cây đã chín mùi từ bao nhiêu ngày trên cành cao, chỉ một luồng gió nghe thoảng qua là rơi rụng vậy.

Trong Tăng Chi Bộ Kinh (**Anguttara Nikāya**) có kệ Phật Ngôn như sau:

“Này Kesi! Như Lai giảng dạy chúng sanh hữu duyên nên tế độ khi thì bằng phương thức dịu dàng, lúc thì bằng phương thức cứng rắn và có khi thì bằng phương thức vừa dịu dàng vừa cứng rắn”.

Nói tóm lại, Đức Phật tế độ chúng sanh với ba phương thức như sau:

- **Abhinnā – Thắng Trí:** Đức Phật giảng dạy rõ ràng về các việc Thiện và việc xấu ác.
- **Sanidāna:** Đức Phật giảng dạy theo Lý Nhân Quả, là tùy theo quả lành hoặc quả dữ đã trở sanh, và Ngài chỉ cho thấy do bởi Nhân Thiện hoặc do bởi Nhân Ác.
- **Sappātihāriya:** Đức Phật giảng dạy theo ba phương thức phi thường như sau:
 - a. **Idhippātihāra:** bằng phương tiện qua các Pháp Thắng Trí thần thông.
 - b. **Ādesanāpātihāra:** bằng cách thấu triệt tường tận tâm tánh của chúng sanh.
 - c. **Anusāsanipātihāra:** bằng những lời khuyên răn, nhắc nhở và huấn từ về Giới, Định và Tuệ.

Đức Phật tinh thông và liễu tri tường tận trong việc giáo hóa chúng sanh, ví như người nài voi đã tinh chuyên thuần thực trong việc tập luyện các voi, bởi do Ngài thấu triệt tâm tánh của chúng sanh, như đã giải thích trong phần danh hiệu Thế Gian Giải (**Lokavidū**), ở tại phần “*Chúng Sanh Thế Gian*”. Do nhờ sự hiểu biết tường tận tánh nết, nết hạnh, trình độ tâm trí và duyên lành của mỗi chúng sanh, nên Đức Phật mới có thể giáo hóa Chư Thiên và Nhân Loại một cách dễ dàng. Vì thế, các bậc hữu duyên nên tế độ đều vâng theo lời khuyên bảo và sự giáo huấn của Đức Phật.

C. Chúng Sanh Được Tế Độ

Theo từ ngữ Pāli được dịch đúng theo ý nghĩa thì “**Purisadammasarathī**” có nghĩa là “*Bậc Đạo Sư (Sārathi) những người nam (Purisa) đáng được giáo hóa (Damma)*”.

Như thế, có câu hỏi được nêu lên là “*Đức Phật chỉ độ toàn những người nam hay sao?*” Quả thật không phải vậy! Đức Phật tế độ của người nam và người nữ, tuy nhiên theo lệ thường thì thường nói đến người nam trước nhất, vì theo Phật Giáo, người nam hữu phước duyên hơn người nữ và hành Đạo cũng được tiện lợi dễ dàng hơn.

Lại nữa, chẳng những chỉ riêng về Nhân Loại, Đức Phật còn tế độ luôn cả loài thú và hạng phi nhân (dạ xoa, ngạ quỷ, v.v.) hội đủ duyên lành.

Hạng Nam Tính được tế độ có ba loại, đó là:

- **Tiracchāna purisa:** những loại giống đực.
 - **Manussa purisa:** hạng người nam.
 - **Amanussa purisa:** hạng phi nhân nam.
1. Những loài giống đực như các loại rồng chúa **Apālālo** trong dãy Hy Mã Lạp Sơn, **Cūlodara** và **Mahodara** trong thế giới loài rồng, **Aggisikha** và **Dhūmasikha** trong đảo Tích Lan, **Āravāla** v.v.

đã được Đức Phật với Tâm bi mẫn dung thần thông cảm hóa, khiến cho những rồng chúa ấy hết hung dữ và diệt trừ nọc độc là lòng sân hận, khởi Tâm phát nguyện thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới. Voi **Dhanāpālaka** cũng được Đức Phật tế độ và cho thọ Tam Quy. Không chỉ có bấy nhiêu mà những loài thú khác cũng đã được Đức Phật dùng Tâm bi mẫn để tế độ trong rất nhiều trường hợp.

2. Những người nam đã tạo ra những việc tội lỗi, hằng chấp giữ lấy Tà Kiến, như người con trai của ngoại đạo **Nigantha** có tên gọi là **Saccaka**, những người Bà La Môn có tên gọi là **Ambattha**, **Pokkharasāti**, **Sonadanda**, **Kūṭadanta**, v.v đã được Đức Phật bi mẫn thuyết giảng để tế độ, làm cho phát khởi đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, xa lìa Tà Kiến, có được Chánh Kiến và chứng đắc Đạo Quả cao thượng. Những người nam đã rơi vào “lưới Tuệ Nhãn” của Đức Phật và được Ngài tế độ không chỉ bấy nhiêu, ngoài ra còn rất nhiều không kể hết được.
3. Những hạng Phi Nhân Nam như các dạ xoa **Ālavaka**, **Sūciloma** và **Kharaloma**, v.v. Thiên Chủ **Sakka**, Đại Phạm Thiên **Bhāhika**, v.v. chấp giữ Tà Kiến và Ngã Mạn, đã tự cho mình là bậc có đức hạnh tối thượng. Tuy nhiên, tất cả đã được Đức Phật thuyết giảng tế độ, đưa đến phát tâm tin thành với Tam Bảo.

D. Huấn Từ Của Đức Thế Tôn

Những lời nói mà Đức Phật thốt ra là để giáo hóa chúng sanh rất nhiều lợi lạc, không thể kể xiết. Khi giáo huấn, Đức Phật tùy theo tâm tánh và duyên lành, tùy theo Trí Tuệ và căn cơ cao thấp mỗi chúng sanh, theo Nhân Duyên, thời lúc và cơ hội (Giáo Cơ Thời Quốc), theo phong tục tập quán của mỗi quốc độ, v.v.

Nói tóm lại, huấn từ của Đức Phật có ba thể loại, đó là:

- **Sabbapāpassa akaranam – Chư Ác Mạc Tác**: không nên làm các điều ác.
 - **Kusalassūpasampadā – Chúng Thiện Phụng Hành**: nên làm các điều lành.
 - **Sacittapariyodapanam – Tự Tịnh Kỳ Ý**: nên trau dồi Tâm cho thanh tịnh.
1. **Chư Ác Mạc Tác**: Đức Phật thường luôn khuyên bảo hàng môn đệ, là không nên làm các điều xấu ác, là nên xa lánh Thập Ác Hạnh từ nơi Thân, Lời và Ý (**Duccarita kiriyā**) gọi là Thập Ác: Sát Sanh, Trộm Cắp, Tà Dâm, Vọng Ngữ, Lừa dối Thiệt, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Ý Tham, Ý Sân và Ý Tà Kiến.
 2. **Chúng Thiện Phụng Hành**: Đức Phật thường luôn khuyến khích hàng môn đệ, cố gắng thực hành các việc Thiện, nên trau dồi Thập Phúc Hành Tông (**Dasakiriyāpunnāvaṭṭu**), là con đường tạo ra phước báu, gồm có: Xả Thí, Trì Giới, Tu Tiến, Cung Kính, Phụng Hành, Thuyết Pháp, Thỉnh Pháp, Hồi Hương, Tùy Hỷ và Chân Tri Chước Kiến.
 3. **Tự Tịnh Kỳ Ý**: Đức Phật khuyên bảo hàng môn đệ nên cố gắng trau dồi thanh lọc Tâm cho được thanh tịnh, là nên cố gắng diệt trừ các Phiền Não và các Pháp ngũ ngầm trong Tâm, là những điều làm cho Tâm bị bợn nhơ và khiến chúng sanh phải bị sa đọa mãi trong vòng sanh tử luân hồi.

Những Phiền Não ấy chia ra làm hai thể loại: Phiền Não thô thiển và Phiền Não vi tế.

- Với Phiền Não thô thiển như sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, v.v. có thể diệt trừ qua việc thọ trì Giới Luật và tu tập Thiền Định.

- Với Phiền Não vi tế, quả thật khó mà nhận thức được là căn nguyên làm cho phát khởi những Phiền Não khác, chỉ có diệt tận qua con đường trau dồi Thánh Tuệ.

Một cách tóm tắt, huấn từ của Đức Phật có thể thu gọn lại trong hai khuyến ngôn quý báu, đó là:

- *Nên xa lánh sự dễ dãi, phóng dật quên mình (**Pamāda**).*
- *Nên trau dồi sự tu tập sự không dễ dãi, bất khinh suất (**Appamāda**).*

Sự dễ dãi (**Pamāda**) thường trú trong nội tâm của hạng người khinh suất, hay quên mình, thường buông lung sự chú niệm, không nhất tâm làm việc chỉ cho được thành tựu, viên mãn.

Tâm chúng sanh thường luôn say mê chạy theo sự cám dỗ của Ngũ Trần Lục Dục, tự nghĩ rằng Ta hãy còn chạng trẻ tuổi, chưa lão邁; Ta hãy còn khỏe mạnh, chưa ốm đau; v.v. nên không nghĩ tới những việc Thiện, Pháp Lành và những công đức. Cho dù có nghĩ tưởng tới đi nữa thì cũng chỉ làm cho qua loa, cho lấy lệ, không để hết tâm trí vào sự trau dồi thực hành những Thiện Pháp. Đó làm Tâm dễ dãi phóng dật quên mình.

Lại nữa, chẳng khác nào như con cắc kè chỉ chạy một đoạn đường rồi ngừng lại một chập, không bao giờ chạy một mạch cho đến đích. Cũng như vậy, có người làm xả thí, hoặc trí giới, hoặc Thỉnh Pháp, tham thiền, v.v. được một ngày rồi bỏ luống đi nhiều ngày, có hạng người xuất gia trong một thời gian rồi lại hoàn tục, không còn tưởng nhớ đến Phật Pháp nữa, v.v. Tất cả những sự kiện ấy là trạng thái của Tâm dễ dãi, phóng dật quên mình.

Sự dễ dãi là cội nguồn và chủ động các Pháp xấu ác. Chúng sanh làm nô lệ cho sự dễ dãi thì hằng chất chứa bao Phiền Não trong Thân Tâm, phải chịu những sự thống khổ của sự Sanh, sự Già, sự Bệnh, sự Đau, từ đời này qua nhiều kiếp khác không ngừng.

Sự không dễ dãi (**Appamāda**) trái nghịch hẳn với sự dễ dãi. Người không dễ dãi là người thường luôn có sự chú niệm ở trong nội tâm, chẳng phải chỉ trong một thời gian ngắn, mà thường luôn có sự chú niệm trong bất cứ lúc nào, nơi nào và trong mọi hành động nào cũng vậy.

Có năm đặc tính của người không dễ dãi, đó là:

1. **Sīle patitthito**: luôn ở trong khuôn khổ Giới Luật.
2. **Indriye samvuto**: thu thúc lục căn cho được thanh tịnh.
3. **Bhojane mattannū**: biết thiểu dục tri túc trong việc độ thực.
4. **Jāgariyam anujanjati**: thường luôn thức tỉnh, không hôn trầm thụy mien, không mê thích việc ngủ nghỉ.
5. **Bhāṇeyam kusalam dhammam**: tinh tấn trau dồi tu tập, tham Thiền hành Đạo để chứng đắc những Pháp cao thượng.

Sự không dễ dãi là bức tường ngăn cản rất hiệu quả các Pháp Ác không cho xâm nhập và tăng trưởng trong Thân Tâm, là cội nguồn và chủ động mọi Pháp Thiện. Có câu kệ Phật Ngôn như sau: “**Này Chư Tỷ Khưu! Dấu chân tất cả loài thú khác đều có thể nằm trọn trong dấu chân của con voi, như thế nào, cũng như thế ấy, các Thiện Pháp hằng quy tụ cả thảy dưới năng lực của sự không dễ dãi, như thế vậy.**”

“Appamādo amatam padam” có nghĩa là **“Sự không dễ đuổi là con đường đi đến nơi bất diệt, là Níp Bàn”**. Chúng sanh nào có Tâm không dễ đuổi, thường luôn tưởng nhớ đến những Thiện Pháp, chuyên cần trau dồi những Thiện công đức như xả thí, trì giới, tu Thiền, Thính Pháp, v.v. và cố gắng tinh cần thu thúc lục căn cho được thanh tịnh, không cho duyên theo Dục Trần, hạn chúng sanh ấy, chắc chắn một ngày, sẽ diệt tận được các Phiền Não từ thô thiển cho đến vi tế, và sẽ nếm được hương vị của Níp Bàn, là bất sanh bất diệt, an nhiên tịch tịnh.

Vì thế, ngay khi thọ bệnh kiết lỵ trầm trọng trước ngày viên tịch Níp Bàn, Đức Phật đưa mắt nhìn hàng Tứ Chúng đang ngồi chung quanh của Ngài, với hàng Thánh Tăng an tịnh với nội tâm chánh niệm. Khi nhìn thấy cảnh tượng đang hiện bày, Đức Phật thốt lên căn dặn: **“Này Chư Tỳ Khuru! Nay Ta khuyên các người: Các Pháp Hữu Vi là Vô Thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật”** (Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn – Trường Bộ Kinh, bài Kinh thứ Mười Sáu). Đó là lời cuối cùng của Đức Phật khi Ngài sắp Viên Tịch Níp Bàn, theo từ ngữ Pāli gọi là **“Pacchimabuddhavacana – Di Huấn Tối Hậu của Đức Phật”**.

Bao nhiêu lời ấy đã bao gồm trọn vẹn Giáo Pháp mà Đức Phật đã giảng giải và truyền bá trọn bốn mươi lăm năm vào một câu **“Chớ có phóng dật”** để nhắc nhở các vị Tỳ Khuru không nên dễ đuổi, giải đãi trên con đường tự tu, tự độ. Với hàng Phật Tử hữu duyên gặp được Chánh Pháp, cũng nên khắc ghi nơi tâm khảm lời di huấn cao quý của Đức Phật và cố gắng tu tập **“Không có dễ đuổi”** ngõ hầu thấy rõ con đường giải thoát trong ngày vị lai.

Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Điều Ngự Trượng Phu (**Purisadammasārathi**).

VIII. SATTHĀDEVAMANUSSĀNAM – Thiên Nhân Sư

Tại sao Đức Phật có danh hiệu **SATTHĀDEVAMANUSSĀNAM** (Thiên Nhân Sư)?

Bởi Ngài là bậc Đạo Sư của Chư Thiên và Nhân Loại.

I. Sự Lợi Ích Của Giáo Pháp

Giáo Pháp của Đức Phật đã khéo khai thuyết cho hội chúng Chư Thiên và Nhân Loại, nhằm vào mục đích của ba sự Lợi Ích sau đây:

1. **Ditthadhammikattha – Kim Sanh Hữu Phúc:** vì lợi ích ngay hiện tại.
2. **Samparāyikattha – Lai Sanh Hữu Phúc:** vì lợi ích trong ngày vị lai.
3. **Paramattha – Siêu Lý:** vì lợi ích cao thượng là Níp Bàn.

Sự lợi ích ngay hiện tại có bốn thể loại như sau:

- a. **Uttāṇa sampadā:** nên nỗ lực tinh cần thực hiện những việc nuôi mạng hằng ngày bằng những nghề nghiệp chân chánh, không tội lỗi (như xa lìa năm nghề tà mạng, đó là: buôn bán vũ khí, buôn bán thú vật, buôn bán chất say, buôn thuốc độc, buôn bán nô lệ).
- b. **Kalyāṇamittā:** nên thân cận hảo bằng hữu, là những người có Chánh Tín, có Giới Hạnh, vui thích trong việc tạo những Thiện Sự như xả thí, v.v.
- c. **Samājīvītā:** nên biết chi tiêu một cách độ lượng cân phân, là nương theo khả năng mình đã kiếm được mà lượng định cho việc chi tiêu, không nên hoang phí.
- d. **Ārakkha sampadā:** nên gìn giữ tài sản đã kiếm được cho được bền vững, không bị tiêu hoại do bởi những nguyên nhân sai khác, như là lửa đốt cháy, nước cuốn trôi, trộm cướp lấy, vua quan tịch thu hoặc sanh con bất hiếu phá hại tài sản.

Sự lợi ích trong ngày vị lai có bốn thể loại như sau:

- a. **Saddhā sampadā:** có đầy đủ đức tin, là Tứ Chánh Tín, Tin vào Ân Đức Tam Bảo, Tin vào Nghiệp Báo, Tin Lý Nhân Quả.
- b. **Sīla sampadā:** có Giới Hạnh, là thọ trì giới thanh tịnh.
- c. **Cāga sampadā:** có sự dút bỏ, là đem tài vật ra thực hiện những Thiện công đức như xả thí cúng dường đến những bậc Sa Môn, và những người nghèo khó.
- d. **Punnā sampadā:** có Trí Tuệ, là liễu tri Tội Phước và rõ biết thực tướng của các Pháp Hữu Vi.

Người nào thực hành đầy đủ cả bốn điều vừa kể trên, là người đã dọn xong con đường đi cho ngày vị lai, đến khi tan rã Ngũ Uẩn thì được hưởng sự an vui về Người, Trời và Níp Bàn.

Về sự lợi ích cao thượng là Níp Bàn, Đức Phật đã giảng dạy và chỉ bảo cho thấy rõ bốn Chân Lý, đó là Tứ Thánh Đế, gồm có như sau:

- a. **Dukkham:** Khổ Đế (có mười hai sự thống khổ hiển nhiên của Nhân Loại).
- b. **Dukkha Samudayo:** Tập Đế (là nhân sanh các sự thống khổ, là Ái Dục).
- c. **Dukkha Nirodho:** Diệt Đế (là sự diệt tắt các sự thống khổ, là Níp Bàn).
- d. **Dukkha Nirodhagāminipattipadā:** Đạo Đế (là con đường Bát Chánh Đạo nương theo đó, để diệt tắt mọi sự thống khổ).

Đức Phật đã giáo hóa tùy theo Thiện Duyên (*Upanissaya – Cận Ỗ*)

Với chúng sanh nào yếu kém về Thiện Duyên và nhiều Phiền Nã thì Ngài dạy bảo về sự lợi ích hiện tại và vị lai. Với chúng sanh nào dũng mãnh về Thiện Duyên thì Ngài giảng dạy về sự lợi ích cao thượng là Níp Bàn.

II. Bậc Đạo Sư Tuyệt Luân

Trong bộ Chú Giải Đại Xiển Thuật (*Mahā Niddesa*) có giải thích về từ ngữ “*Sattha – Đạo Sư*” như sau:

“Đức Phật là một bậc Đạo Sư, vì Ngài dẫn dắt chỉ đường cho chúng sanh đi đến nơi an lạc, là Níp Bàn”.

Lệ thường, phận sự của người hướng đạo tinh chuyên là dắt dẫn đoàn lũ hành vượt qua được những con đường xa xôi, nhiều sự nguy hiểm và tai hại, về đến nhà hoặc đi đến nơi đã định trước được một cách an toàn vô sự. Con đường xa xôi và đầy sự nguy hiểm và nhiều tai hại có năm thể loại, như sau:

1. **Corakantāra**: tai hại vì trộm cướp.
2. **Bālakantāra**: nguy hiểm vì thú dữ.
3. **Nirudakakantāra**: nguy hiểm vì không có nước uống.
4. **Amanussakantāra**: nguy hiểm vì Phi Nhân hãm hại.
5. **Appabhakkhakantāra**: nguy hiểm vì không có vật thực.

Cũng như thế ấy, Đức Phật đã hướng dẫn chúng sanh vượt qua khỏi mười ba con đường xa xôi (*Kantāra*) có nhiều sự ưu não và tai hại, như sau:

1. **Jāti kantāra**: con đường nguy hiểm của sự Sanh.
2. **Jarā kantāra**: con đường nguy hiểm của sự Lão邁.
3. **Byādhī kantāra**: con đường nguy hiểm của sự Tật Bệnh.
4. **Marana kantāra**: con đường nguy hiểm của sự Chết.
5. **Dukkha dukkha**: con đường nguy hiểm vì các sự thống khổ.
6. **Soka**: khổ vì sự ưu não, buồn rầu.
7. **Parideva**: khổ vì sự khóc than, kể lể.
8. **Domanassa**: khổ vì sự ưu phiền, phiền muộn.
9. **Upāyāsa**: khổ vì khó chịu, bức tức.
10. **Ditthi**: khổ vì sự kiến chấp, thấy sai chấp lầm.
11. **Uddhacca**: nguy hiểm vì sự phóng dật.
12. **Vicikicchā**: nguy hiểm vì sự hoài nghi.
13. **Silabbatta parāmāsa**: nguy hiểm vì Giới Cấm Thủ (Giới Chấp Ty Liệt, cúng tế thần linh, tế đàn).

Đức Phật đã dùng Tam Thập Pháp Ba La Mật kết hợp lại làm một thớt tượng dũng mãnh hoặc thành một cỗ xe kiên cố, đã vượt qua mười ba con đường xa xôi và nhiều nguy hiểm tai hại như vừa kể trên, đã đến Vô Sanh Bất Diệt là Níp Bàn. Sau khi tự mình vượt qua, Đức Phật đã từ bi dạy bảo chúng sanh dung những phương tiện quý báu ấy và hướng dẫn chúng sanh vượt qua con đường xa xôi và đầy dẫy những sự thống khổ về sự Sanh, sự Già, sự Bệnh, sự Tử, v.v. đến nơi an lạc cũng như Ngài. Hoặc giả Ngài đã dùng Tam Thập Pháp Ba La Mật tạo thành một chiếc thuyền, trước tiên tự mình vượt qua sự khổ hải của vòng Sanh Tử Luân Hồi, sau đó Ngài lại dùng chiếc thuyền đó đưa chúng sanh ra khỏi bờ mê đi đến Bến Giác.

“Ye te kappasalahassā dhammam sutvā pannāya passanti” Chúng sanh nào đã tu tập và trau dồi các Pháp Ba La Mật được một trăm ngàn Đại Kiếp, có được Phước Duyên Thính Pháp của Đức Phật, khiến cho phát sanh Trí Tuệ thông suốt Giáo Lý của Ngài, được thấy rõ Tứ Thánh Đế, diệt tận Ái Dục Phiền Não trong Thân Tâm bằng A La Hán Đạo Tuệ, chúng sanh ấy đã vượt qua khỏi con đường xa xôi và có nhiều sự thống khổ về sự Sanh, nghĩa là không còn thọ sanh vào thai bào của người Mẹ nữa, như năm an hem Ngài Kiều Trần Như và công tử Yasa cùng năm mươi bốn người bạn của mình.

Theo Liên Quan Tương Sinh (**Patīccasamuppāda**), còn được gọi là “Thập Nhị Nhân Duyên” thì các Pháp Hữu Vi đều do bởi nguyên nhân mà phát sanh lên, khi nguyên nhân đã diệt tắt rồi thì các Pháp Hữu Vi ấy cũng phải diệt tắt theo đó.

Sanh (**Jāti**) là nguyên nhân của Lão, Tử (**Jarā Maranam**), khi Sanh diệt thì Lão Tử cũng diệt theo. Đúng với câu Phật Ngôn **“Jāti nirodhā Jarā Maranam soka paridevadukkhā domanassupāyāsa nirujjhanti”** **“Khi Sanh diệt mất thì sự Già, sự Chết, thương tiếc, khóc than, khổ não, phiền muộn, bức tức cũng cùng diệt theo tất cả”**. Vì thế, bậc Thánh Nhân nào không còn có sự tái tục, là bậc ấy cũng không còn sắc thân Ngũ Uẩn, cũng không còn có sự Già, Đau, Chết và các điều thống khổ sai khác nữa trong ngày vị lai, vì các Pháp Hữu Vi đều bị diệt tắt, và như thế, bậc Thánh Nhân ấy đã vượt qua khỏi mười ba con đường xa xôi và rất nhiều nguy hiểm, như vù kể trên.

III. Chư Thiên và Nhân Loại

Theo từ ngữ Pāli, **“Devamanussānam”** Chư Thiên và Nhân Loại, có ý nghĩa là những chúng sanh có rất nhiều Thiện Duyên, có thể chứng đắc Đạo Quả ngay trong kiếp hiện tại.

Quả thật là, chẳng phải Đức Phật chỉ tế độ đến các hàng Chư Thiên và Nhân Loại, mà Ngài còn tế độ luôn cả đến cả các loài súc sanh nữa. Vì mặc dầu, là loài súc sanh trong kiếp hiện tại, nhưng khi được nghe Giáo Pháp của Đức Phật, đã tạo được Thiện Duyên và nhờ vào Thiện Duyên ấy, trong một hay hai ba kiếp vị lai cũng sẽ được chứng đắc Đạo Quả. Một lẽ nữa, các loài súc sanh ấy, trong những kiếp quá khứ, khi còn làm Người, lúc làm Thiên Tử, v.v. đã kết tụ nhiều Thiện Duyên, cho đến kiếp hiện tại, tuy phải trả Quả Khổ do Nghiệp Ác đã tạo nên phải làm thân súc sanh, nhưng Thiện Duyên vẫn còn tồn tại, cho nên đến kiếp hiện tại hội túc duyên và Phước Báo được gặp Đức Phật tế độ.

Ví như tích truyện về Thiên Tử **Mandūka** (con ếch) sau đây:

“Vào thời Đức Phật còn thuyết Pháp độ dân chúng trong thành Campā, cạnh bờ hồ Gaggarā, có một con ếch nhận biết được chỉ có một tiếng trong lời nói của Đức Phật. Lúc bấy giờ, có một người chăn bò đứng gần đó, chống cây gậy bọc sắt trên mặt đất, nào ngờ trúng ngay con ếch và đè dẹp nát đầu ếch. Con ếch chết ngay tại nơi đó và liên tục sanh vào Cõi Đạo Lợi Thiên trong một Thiên Cung rộng lớn tới mười hai do tuần, như là vừa mới thức dậy sau một giấc ngủ. Khi nhìn thấy Thiên Cung chói sáng và đoàn Chư Thiên Nữ bao quanh mình, vị Thiên Tử ngạc nhiên tự hỏi “Ta đã làm điều Phước Thiện nào mà có được như vậy?” Sau khi cố tìm kiếm trong trí não thì nhớ ra rằng điều Phước Thiện đã làm không chỉ hơn là sự nhận biết được chỉ có một tiếng nói trong lời Thuyết Pháp của Đức Phật. Vị Thiên Tử liền đi đến diện kiến và đánh lễ Đức Phật.

Mặc dầu đã rõ biết, tuy nhiên Đức Phật vẫn nêu lên lời vấn hỏi bằng lời kệ rằng **“Ko me vandati pādāni iddhiyā yasasā jalam abhikantena vannena sabbā obhāsayam disā”** **“Vị nào có nhiều thần lực, có địa**

vị cao quý và có hào quang rực rỡ chiếu sáng khắp cả bốn phương, đến đánh lễ dưới chân Như Lai đó?”

Vị Thiên Tử bèn bạch bằng lời kệ rằng: **“Mandukoham pure āsim udake vārigocarō tava dhammam sunantassa avadhi vacchapalako”** **“Kính bạch Đức Thế Tôn, lúc trước con là một con ếch sống ở dưới nước đang nghe Pháp Thoại do Đức Thế Tôn khai thuyết thì người chần bò đã vô ý giết chết mạng sống của con”**.

Liền sau đó, Đức Phật đã khai thuyết Pháp Thoại cho vị Thiên Tử ấy được nghe. Có tám muôn bốn ngàn Thiên Chúng được chứng đắc Đạo Quả ngay trong lúc đó, và vị Thiên Tử **Mandūka** chứng đắc Thất Lai Quả, hoan hỷ duyệt ý, đánh lễ Đức Phật và quay trở lại Thiên Cung”.

Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Thiên Nhân Sư (**Satthādevamanussānam**).

IX. BUDDHO – Phật

Tại sao Đức Phật có danh hiệu BUDDHO (Phật)?

Bởi Ngài là:

- Bậc đã giác ngộ.
- Bậc đã thoát ly.
- Bậc đã thông suốt Lý Tứ Thánh Đế và đem ra giáo hóa chúng sanh cũng được biết như Ngài.

I. Bậc Đã Giác Ngộ

Đức Phật là bậc đã giác ngộ, vì Ngài đã diệt trừ bảy Pháp Thụy Miên (**Anusaya**) (Tùy Miên – Pháp Ngủ Ngầm): có bảy, đó là:

1. Dục Ái Tùy Miên (**Kāmarāgānussaya**)
2. Hữu Ái Tùy Miên (**Bhavarāgānussaya**)
3. Sân Hận Tùy Miên (**Patighānussaya**)
4. Ngã Mạn Tùy Miên (**Mānānussaya**)
5. Tà Kiến Tùy Miên (**Ditthānussaya**)
6. Hoài Nghi Tùy Miên (**Vicikicchānussaya**)
7. Vô Minh Tùy Miên (**Avijjānussaya**).

Đức Phật là bậc đã giác ngộ, có nghĩa là chính Ngài đã tự liễu tri tường tận (**Bujhi**) và diệt trừ trong Tâm hết cả bảy Pháp ngủ ngầm như vừa kể trên. Sau đó, Đức Phật lại giáo hóa chúng sanh đang ngủ mê hoặc đang ngủ quên trong các Pháp ấy để cho tỉnh thức và giác ngộ như Ngài đã giác ngộ. Chúng sanh nào đã tròn đủ Thiện Duyên thì tức thời giác ngộ, với chúng sanh nào ít Thiện Duyên thì mãi còn trôi lăn trong vòng luân hồi.

Đức Phật đã tự chính mình giác ngộ, không người nhắc nhở hoặc làm cho giác ngộ, do chính nhờ vào Tam Thập Pháp Ba La Mật mà Ngài đã trau giồi và tu tập trong suốt bốn A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp. Chính nhờ vào sự tu tập viên mãn Tam Thập Pháp Ba La Mật này đã làm cho Ngài thành tựu Đạo Quả Giác Ngộ.

Từ khi thành đạt Đạo Quả dưới cội cây Bồ Đề cho đến lúc viên tịch Níp Bàn. Đức Phật đã châu du hoằng hóa để tế độ chúng sanh trong suốt bốn mươi lăm năm dài, không ngừng nghỉ với hạnh ngộ tự giác ngộ và độ tha, Ngài đã thấy rõ điều tội lỗi và khổ não trong sự si mê và sự an lạc trong sự giải thoát Níp Bàn. Đức Phật đã thấy chúng sanh đang ngập chìm trong vòng khổ hải, nên khởi Tâm bi mẫn rộng lớn bao la, lo lắng nhắc nhở, cảnh tỉnh (**Bodhesī**) chúng sanh đang còn ngủ mê trong vòng sanh tử luân hồi cho có được sự thức tỉnh và giác ngộ như Ngài đã giác ngộ.

II. Bậc Đã Thoát Ly

Đức Phật là bậc đã thoát ly, ra khỏi Vô Minh.

Vô Minh (**Avijjā**) có hai nghĩa, đó là:

1. **Adassanam**: không thấy
2. **Annānam**: không biết.

Nơi đây, Vô Minh có ý nghĩa là không thấy, không biết những Pháp Chân Lý là Tứ Thánh Đế. Có bốn điều, đó là:

1. **Dukkhe annānam**: bất liễu tri về Khổ Đế. Chúng sanh có thức tánh như Trời, Người, Súc Sanh, v.v. đang bị các sự thống khổ đè nén hãm hại không ngừng, là sự Khổ Sanh, sự Khổ Già, sự Khổ Bệnh, sự Khổ Chết, sự Khổ thương tiếc, sự Khổ khóc than, sự Khổ phiền muộn, sự Khổ thất vọng, v.v. nhưng vẫn cứ thản nhiên dường như không hay, không biết về những sự thống khổ ấy, vẫn miệt mài vui say trong Ngũ Trần Lục Dục, cứ mãi chấp vào cái Khổ cho là Vui, cái Uế Trược cho là Thanh Tịnh, cái chi là Vô Thường lại cho là bền vững, v.v.
2. **Dukkhasamudaye annānam**: bất liễu tri về Tập Đế, có nghĩa là không thấy, không biết về Tập Đế là Ái Dục (có ba hoặc 108), là nguyên nhân phát sanh ra Khổ Đế.
3. **Dukkha nirodhe annānam**: bất liễu tri về Diệt Đế, có nghĩa là không thấy, không biết về Diệt Đế, là Níp Bàn, là sự diệt tận Tập Đế.
4. **Dukkha nirodha gāminī patipadāya annānam**: bất liễu tri về Đạo Đế, có nghĩa là không thấy, không biết về Đạo Đế, là con đường dẫn đến sự diệt tận Khổ Đế (Vô Minh vừa được giải thích ở phần trên, là theo Tạng Kinh).

Còn theo phần Tạng Vô Tỷ Pháp thì có tám điều, với bốn điều vừa kể trên, lại tính thêm bốn điều nữa, đó là:

1. Bất Liễu Tri Nhân đã qua (**Pubbante annānam**: không rõ biết về sự sơ khởi của Ngũ Uẩn là từ lúc nào)
2. Bất Liễu Tri Quả hiện tại (**Aparante annānam**: không rõ biết về chỗ cuối cùng của Ngũ Uẩn là lúc nào)
3. Bất Liễu Tri Nhân Quả tương quan (**Pubbantāparante annānam**: không rõ biết về sự khởi thủy và chỗ cuối cùng của Ngũ Uẩn)
4. Bất Liễu Tri Liên Quan Tương Sinh (**Patīccasamuppāde annānam**: không rõ biết về Lý Nhân Quả liên quan dựa theo Thập Nhị Nhân Duyên)

Màn Vô Minh đã bao trùm tất cả chúng sanh không cho thấy được ánh sáng, tức là Trí Tuệ thấy rõ, biết rõ những Pháp Chân Lý, ví như gà con chưa nở, vẫn còn nằm trong vỏ trứng thì không thể thấy được ánh sáng mặt trời được. Đến khi gà con đó, cố gắng lấy mỏ cứng soi vỏ trứng, lấy chân phá lỗ cho rộng, mới chui ra khỏi vỏ và lúc bấy giờ gà con mới thấy được ánh sáng của mặt trời được.

Đức Phật là người đầu tiên đã phá tan vỏ trứng Vô Minh bao bọc Tâm Thức của Ngài từ bao A Tăng Kỳ kiếp quá khứ, và Ngài đã chứng đắc được Tuệ Giác liễu tri thấu triệt các Pháp Tứ Thánh Đế; sau đó thì Đức Phật đã nỗ lực tinh cần thực hành phận sự của một vị Phật (Buddha Kicca) không ngừng nghỉ để tế độ chúng sanh cho đến lúc viên tịch Níp Bàn.

Phận sự của Đức Phật trong đời sống hằng ngày có năm điều như sau:

1. Pubbante pindapātam: buổi sáng, Đức Phật đi trì bình khất thực.
2. Sāyanke dhammadesanam: buổi trưa, Đức Phật thuyết giảng độ hàng Phật tử tại gia.
3. Padose bhikkhu ovādam: buổi chiều, Đức Phật ban huấn từ cho hàng Tỳ Khưu Tăng.
4. Addharatte devapanhanam: vào lúc nửa đêm, Đức Phật trả lời những câu hỏi của Chư Thiên.

5. Paccūseva gote kale bhabbābhabbe vilokanam: gần rạng đông sáng, Đức Phật quán xét đến chúng sinh hữu duyên để tế độ.

III. Bậc Đã Thông Suốt Lý Tứ Thánh Đế

Đức Phật đã liễu tri và thấu triệt bốn Pháp Chân Lý, là Tứ Thánh Đế (*Ariyasacca*), đó là:

1. ***Dukkha Sacca***: Khổ Đế
2. ***Samudaya Sacca***: Tập Đế
3. ***Nirodha Sacca***: Diệt Đế
4. ***Magga Sacca***: Đạo Đế

A. Mỗi Thánh Đế đều có Tứ Trọng Thái hoặc Nghĩa Lý, như sau:

- a. Tứ Trọng Thái của Khổ Đế:
 - ***Pīlanattho***: có năng lực hãm hại, phá hoại chúng sanh.
 - ***Sankhatattho***: có trạng thái do bởi nguyên nhân là Ái Dục tạo nên.
 - ***Santāpattho***: có năng lực làm cho nóng nảy, bức bối.
 - ***Viparināmattho***: có trạng thái luôn luôn thay đổi, không bền vững.
- b. Tứ Trọng Thái của Tập Đế:
 - ***Āyuhanattho***: có năng lực hội hợp các sự Khổ để cho phát sanh lên.
 - ***Nidānattho***: có trạng thái là nguyên nhân của sự Khổ (sự Khổ là quả).
 - ***Samyogattho***: có năng lực cột trói, giam hãm chúng sanh trong Tam Giới (trong sự Khổ).
 - ***Palibodhanattho***: có năng lực làm bận rộn chúng sanh trên con đường giác ngộ, là không cho chứng đắc Đạo Quả.
- c. Tứ Trọng Thái của Diệt Đế:
 - ***Nissaranattho***: có năng lực làm cho thoát khỏi Phiền Não (sự Khổ) và ra khỏi Tam Giới.
 - ***Vivekattho***: có trạng thái an tịnh, lánh xa sự Khổ.
 - ***Asankhatattho***: có trạng thái không do nguyên nhân nào tạo thành (Vô Sanh).
 - ***Amatattho***: có trạng thái Bất Tử (Bất Diệt)
- d. Tứ Trọng Thái của Đạo Đế:
 - ***Niyānattho***: có năng lực đưa ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.
 - ***Hetvattho***: có tánh cách là nguyên nhân đưa đến Níp Bàn.
 - ***Dassanattho***: có năng lực làm cho thấy rõ Níp Bàn.
 - ***Adhipateyyattho***: có tánh cách quan trọng trong các Pháp Hành đang cho thấy rõ Níp Bàn.

B. Đặc Tướng (Lakkhana) của Tứ Thánh Đế có hai thể loại đó là:

1. Sankhāta lakkhana: Đặc Tướng Hữu Vi, gồm có ba:
 - a. Uppādo: Sanh
 - b. Thīti: Trụ
 - c. Vayo: Diệt

2. Asankhāta lakkhana: Đặc Tướng Vô Vi, gồm có ba:
 - a. Anuppādo: Bất Sanh
 - b. Nathīti: Bất Trụ
 - c. Navayo: Bất Diệt

C. Sự Vụ (Kicca)

Tứ Thánh Đế, nếu chia theo Pháp Thiện (*Kusala*), Pháp Bất Thiện (*Akusala*) và Pháp Vô Kỳ (*Abyākata*) thì:

- Tập Đế là Pháp Bất Thiện.
- Đạo Đế là Pháp Thiện.
- Diệt Đế là Pháp Vô Kỳ.
- Khổ Đế là cả hai, vừa là Pháp Thiện và vừa là Pháp Bất Thiện.

Khổ Đế là Pháp Thiện khi đi đôi với Đạo Đế (Pháp Thiện) có nghĩa là khi người nào cố gắng học Kinh Sách và tu Thiền, hoặc trau giồi tu tập mười ba Pháp Đầu Đà, hoặc chuyên cần làm những việc Thiện (xả thí, trì giới, v.v.). Trong sự nghiên cứu học hỏi gọi là Khổ nhưng những hành vi ấy đều là Nghiệp Thiện, nên mới gọi là Khổ Đế là Pháp Thiện.

Khổ Đế là Pháp Bất Thiện khi đi đôi với Tập Đế (Pháp Bất Thiện) có nghĩa là khi người nào cố gắng làm những điều Bất Thiện (sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, v.v.) nhiều khi phải dầm mưa dãi nắng để tìm kiếm mưu sinh, để thỏa lòng dục vọng và luôn luôn có Tâm lo sợ (sợ bị chê bai, sợ hành phạt, v.v.) như thế gọi là Khổ. Lại nữa, những hành vi ấy đều là Nghiệp Bất Thiện, nên mới gọi là Khổ Đế là Pháp Bất Thiện.

Quán Tưởng về Ngũ Uẩn theo Lý Tứ Thánh Đế

Nếu quán tưởng về Ngũ Uẩn theo Lý Tứ Thánh Đế thì phải quán tưởng từng mỗi một Uẩn. Trước tiên là Sắc Uẩn. Sự vui thích nào đã phát sanh lên từ nơi Sắc, gọi là sự vui thích của Sắc. Ấy là Tập Đế, có thể giác ngộ được bằng sự dứt bỏ.

Sắc không bền vững, là khổ não, luôn luôn thay đổi vô thường, gọi là tội lỗi của Sắc phát sanh lên từ nơi Sắc. Ấy là Khổ Đế, có thể giác ngộ được bằng sự nhận thức.

Sự dứt bỏ được Tâm ham muốn trong Sắc, gọi là thoát ly khỏi Sắc. Ấy là Diệt Đế, có thể giác ngộ được bằng cách làm cho thấu triệt rõ ràng.

Bát Chánh Đạo gồm có Chánh Kiến v.v. gọi là Đạo Đế, có thể giác ngộ được qua con đường chú niệm thẩm sát.

Cũng cùng một phương thức như trên, nên quán tưởng thêm về Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn như ở phần quán tưởng về Sắc Uẩn.

Quán Tưởng Nhân Quả Liên Quan theo Lý Tứ Thánh Đế

Pháp Nhân Quả Liên Quan (*Paticca samuppāda – Liên Quan Tương Sinh*) có mười hai chi nương với nhau và liên hệ chắc chắn. Chi này là Nhân của chi sau và cũng là Quả của chi trước, liên quan với nhau ví như một sợi dây xích có mười hai khoen liền nhau, khoen này là quả của khoen trước và cũng là nhân để nối liền với khoen sau.

Mười hai chi của Pháp Liên Quan Tương Sinh đó là:

1. Vô Minh (**Avijjā**) sanh ra Hành.
2. Hành (**Sankhāra**) sanh ra Thức.
3. Thức (**Vinnāna**) sanh ra Danh Sắc.
4. Danh Sắc (**NāmaRūpa**) sanh ra Lục Xứ.
5. Lục Xứ (**Salāyatana**) sanh ra Xúc.
6. Xúc (**Phassa**) sanh ra Thọ.
7. Thọ (**Vedanā**) sanh ra Ái.
8. Ái (**Vedanā**) sanh ra Thủ.
9. Thủ (**Upādāna**) sanh ra Hữu.
10. Hữu (**Bhava**) sanh ra Sanh.
11. Sanh (**Jāti**) sanh ra Lão, Tử (**Jarā Maranam**)
12. Luôn cả sự thương tiếc, khóc than, khó chịu, phiền muộn, v.v. là những sự thống khổ cùng phát sanh lên với sự Già, sự Chết thành ra Chi thứ mười hai.

Nếu quán tưởng mười hai chi của Pháp Liên Quan Tương Sinh ấy theo Lý Tứ Thánh Đế, thì như sau:

- Lão, Tử là Khổ Đế. Sanh là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Lão, Tử và Sanh là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Sanh là Khổ Đế. Hữu là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Sanh và Hữu là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Hữu là Khổ Đế. Thủ là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Hữu và Thủ là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Thủ là Khổ Đế. Ái là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Hữu và Thủ là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Ái là Khổ Đế. Thọ là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Ái và Thọ là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Thọ là Khổ Đế. Xúc là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Thọ và Xúc là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Xúc là Khổ Đế. Lục Căn là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Xúc và Lục Căn là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Lục Căn là Khổ Đế. Danh Sắc là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Lục Căn và Danh Sắc là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Danh Sắc là Khổ Đế. Thức là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Danh Sắc và Thức là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Thức là Khổ Đế. Hành là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Thức và Hành là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.
- Hành là Khổ Đế. Vô Minh là Tập Đế. Sự thoát ly khỏi Hành và Vô Minh là Diệt Đế. Tuệ liễu tri Diệt Đế là Đạo Đế.

Những sự thống khổ do bởi sự Già, sự Chết, sự thương tiếc, sự khóc than, sự khổ não, sự phiền muộn, sự khó chịu bức tức, sự thất vọng, v.v. gọi là Khổ Đế. Đức Phật đã liễu tri một cách tường tận tinh thông về Vô Minh và Ái Dục là hai nguồn gốc (**Mūla**) của bánh xe Nhân Quả, là căn cội của bánh xe Luân Hồi, là nguyên nhân phát sanh ra sự Khổ, gọi là Tập Đế. Do nhờ chứng đắc Đạo Quả, Đức Phật đã cắt đứt (diệt

tận) cả hai gốc rễ ấy. Vô Minh và Ái Dục đã bị diệt rồi, thì các Pháp khác còn lại, như là Hành, Thức, Danh Sắc, v.v. cũng tuần tự bị diệt theo và bánh xe Nhân Quả cũng ngừng xoay. Sự diệt tận ấy gọi là Diệt Đế. Do nhờ vào Thiền Chỉ và Thiền Minh Sát, Đức Phật đã làm cho thấy rõ con đường đi đến nơi diệt tận sự Khổ, gọi là Đạo Đế.

Sau khi giác ngộ, thông suốt Lý Tứ Thánh Đế, Đức Phật đem ra giáo hóa chúng sanh cùng biết với, ngõ hầu thực hành theo để diệt tận các sự thống khổ và được giải thoát cũng như Ngài đã giải thoát.

Lại nữa, Đức Phật có được danh hiệu là Phật (**Buddho**) cũng do những Ân Đức sau đây:

IV. Sabbadassāvitā Buddho: Đức Phật đã thấy rõ những điều nguy hại trong quá khứ, vị lai và hiện tại (có ý đề cập đến các điều kinh sợ mà chúng sanh phải chịu khi sa vào Tứ Ác Đạo là Địa Ngục, Ngạ Quỷ, A Tu La và Súc Sanh (**Duggati bhaya – Kinh Sợ Khổ Thú**)).

V. Khīṇāsavasankhātena Buddho: Đức Phật không còn ở trong ba Pháp trầm luân (**Āsava**) là trầm luân trong Ngũ Trần (**Kāmāsava**), trầm luân trong Tam Giới (**Bhavāsava**), và trầm luân trong Vô Minh (**Avijjāsava**).

VI. Nirupakilesankhātena Buddho: Đức Phật đã xa lìa Thập Phiền Não (**Kilesa**) là Tham, Sân, Si, Ngã Mạn, Tà Kiến, Hoài Nghi, Phóng Dật, Hôn Thủy, Vô Tàm và Vô Quý.

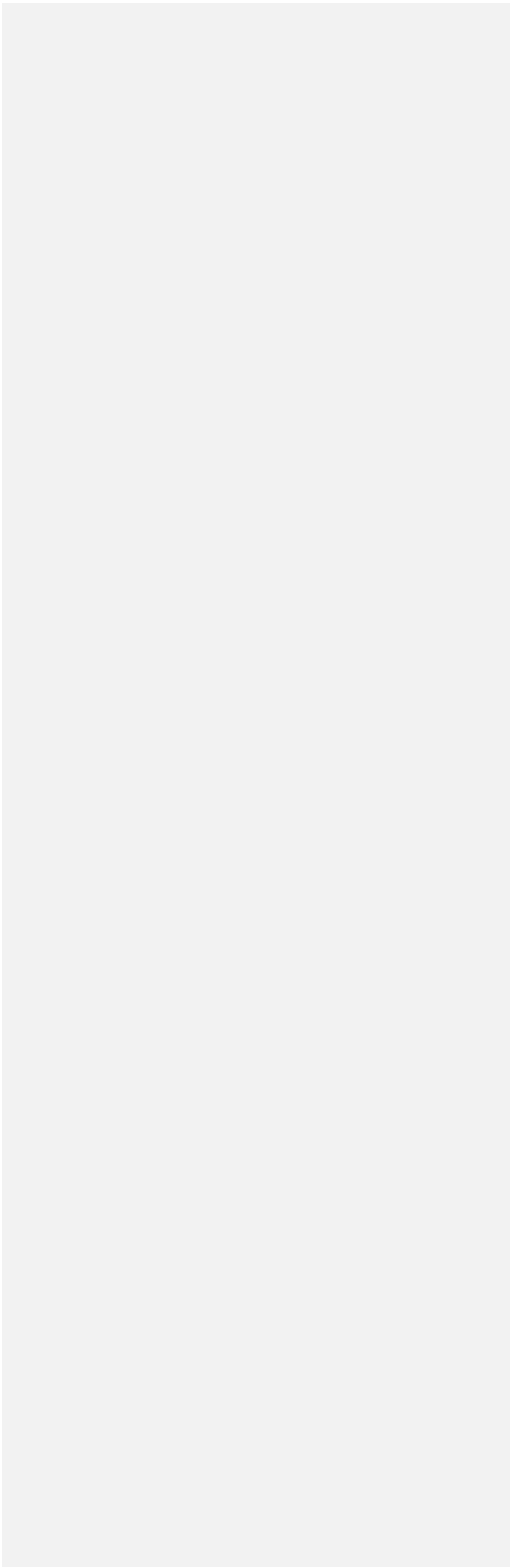
VII. Ekāyammaggaṃ gatorī: Đức Phật đã đi theo con đường chân chánh duy nhất (Độc Đạo), đó là Trung Đạo (**Majjhimāpatipadā**) để đạt đến mục tiêu là Níp Bàn.

VIII. Eko anuttarasammāsambohim abhisambuddho: Đức Phật là bậc đã tự chứng tri giác ngộ chân chánh, thông suốt Thập Huệ Lực (**Dasabalanāna**) và liễu tri tất cả các Pháp Hữu Vi và Vô Vi không còn dư sót (**Sabbannuta – nāna – Toàn Tri Diệu Giác**) không có một vị Chư Thiên và Phạm Thiên nào sánh bằng.

Thập Huệ Lực (Dasabalanāna) của Đức Phật, đó là:

1. **Thānāthānannāna – Nhân Phi Nhân Trí:** Trí Tuệ liễu tri về nguyên nhân hoặc chẳng phải nguyên nhân đúng theo Chân Lý.
2. **Vipākannāna – Dị Thực Quả Trí:** Trí Tuệ liễu tri về quả dị thực của Nghiệp Báo (Thiện hoặc Bất Thiện) đã tạo.
3. **Sabbathagāmmaggannāna – Chư Đạo Hành Trí:** Trí Tuệ liễu tri về những hành vi tạo tác dắt dẫn chúng sanh đi đến Thiện Thú hoặc Khổ Thú.
4. **Nānādhātunnāna – Dị Biệt Giới Trí:** Trí Tuệ liễu tri về các nguyên tố khác biệt với nhau.
5. **Nānādhimuttināna – Biệt Bạch Năng Trí:** Trí Tuệ liễu tri về trình độ cao thấp của chúng sanh.
6. **Indriyaparopariyatannāna – Dị Trí Quyền Trí:** Trí Tuệ liễu tri về căn cơ sai biệt của chúng sanh.
7. **Jhānādināna – Bất Khả Thiền Trí:** Trí Tuệ liễu tri về sự thanh tịnh và uế trược trong các tầng Thiền và sự giải thoát.
8. **Pubbenivāsannāna – Túc Mạng Minh Trí:** Trí Tuệ liễu tri những tiền kiếp quá khứ của mình và của chúng sanh.
9. **Cutūpapātannāna – Sanh Tử Trí:** Trí Tuệ liễu tri về sự sanh tử Luân Hồi của chúng sanh do bởi Nghiệp Báo (Thiện hoặc Bất Thiện).
10. **Āsavakkhayannāna – Lậu Tận Trí:** Trí Tuệ liễu tri các Pháp trầm luân (Lậu Hoặc) và diệt tận không còn dư sót.

Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Phật (Buddho).



X. BHAGAVĀ – Thế Tôn

Tại sao Đức Phật có danh hiệu BHAGAVĀ (Thế Tôn)?

Bởi Ngài là:

- Bậc Hữu Hạnh (*Bhāga*).
- Bậc Phân Phối (*Bhāgī*).
- Bậc Cảm Thắng (*Jaya*).
- Bậc đã Diệt Tận (*Bhagga*).
- Bậc Đại Phước Đức (*Bhaggavā*).
- Bậc Hữu Phước (*Bhagavantu*).
- Bậc Năng Lai Vãng (*Bhagī*).
- Bậc đã dứt nẻo Tam Giới (*Bhavānam antakaroti*).

Từ ngữ “*Bhagavā*” (Thế Tôn) là một danh từ dùng để phát biểu bày tỏ sự tôn kính và lòng sùng bái của chúng sanh đối với Đức Phật vì Ngài là bậc tối thượng hơn cả chúng sanh và có những ân đức cao quý không ai sánh bằng.

I. Bậc Hữu Hạnh

Đức Phật là bậc hữu hạnh, có nghĩa là có nhiều Thiện Hạnh thù thắng, là Tam Thập Pháp Ba La Mật của Ngài đã tạo ra trong bốn A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu, có năng lực đem đến sự an vui cho Ngài và cho tất cả chúng sanh trong thế gian và siêu xuất thế gian.

II. Bậc Phân Phối

Đức Phật đã phân phối Tứ Vật Dụng cho đến Chư Tăng do thí chủ đã cúng dường đến Ngài.

Đức Phật đã phân phối lượng vị của Giáo Pháp, là các Pháp đem đến sự lợi ích và cứu cánh giải thoát cho chúng sanh.

Đức Phật đã phân chia các Pháp theo từng chi, từng loại cho rõ ràng minh bạch, ví như Pháp có ba chi là Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký; Tâm có bốn loại là Tâm Dục Giới, Tâm Sắc Giới, Tâm Vô Sắc Giới và Tâm Siêu Thế, v.v. Đức Phật lại phân tách các Pháp ấy ra làm Uẩn, Xứ, Giới, Quyền, Đế, Duyên, v.v.

III. Bậc Cảm Thắng

Sau khi chứng đắc Đạo Quả Chánh Đẳng Giác, đức Phật đã đem Giáo Pháp truyền bá cho tất cả chúng sanh thấm nhuần những Pháp vi diệu cứu khổ. Có những hạng người phát tâm chán ngán thế sự phù du, cất ái ly gia, sống cuộc đời Phạm Hạnh của giới Tăng Già, có hạng người trở nên có đức tin thuần tịnh và tín thành Tam Bảo. Tăng đồ và Thiện Tín trong Giáo Pháp của Đức Phật trở nên rất đông đảo, không kể xiết.

Lại nữa, trên con đường châu du thuyết Pháp tế độ chúng sanh, có nhiều lúc bên phía Lục Sư Ngoại Đạo quyết tâm đến chất vấn tranh luận với Đức Phật, tuy nhiên Ngài không có gặp điều chi trở ngại, thản

nhiên bác bỏ những lập luận sai lầm của Ngoại Đạo và đã giảng giải cho thấy rõ đâu là Chánh Đạo và đâu là Tà Đạo. Chỉ cho chính Đức Phật mới có Trí Tuệ thậm thâm, đầy đủ oai lực cảm thắng Lục Sư Ngoại Đạo kích bác Ngài. Có những lúc sau buổi tranh luận, có người tự thấy mình đã lầm lạc từ bấy lâu nay, đã phát tâm quy ngưỡng vào Tam Bảo và trở nên môn đệ của Đức Phật.

IV. Bậc Đã Diệt Tận

Đức Phật đã phá tan diệt tận tất cả Phiền Não thô thiển và vi tế, với Tham Sân Si là nguồn cội. Hoặc nói một cách khác, Đức Phật đã chiến thắng và diệt trừ Ngũ Ma (Pancamāra) khi còn ngự dưới cội cây Bồ Đề trước khi thành Đạo Quả. Ngũ Ma ấy là:

1. Ngũ Uẩn Ma:

Chính vì có Thân Ngũ Uẩn này, nên chúng ta mới có những sự thống khổ và cũng vì lầm lạc chấp rằng “Trong Ngũ Uẩn này có Ta, cho Sắc Uẩn là Ta, là của Ta, là Thân Ta, v.v.” và chấp vào Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn cũng cùng phương thức ấy, nên các sự khổ não mới phát khởi sanh lên. Cả năm sự chấp vào Ngũ Uẩn (Upādānakkhandha – Thủ Uẩn) ấy được ví như năm tên đạo tặc đi theo khít sát với chúng sanh để chờ dịp hãm hại, nên gọi là Ngũ Uẩn Ma.

2. Phiền Não Ma:

Phiền Não có mười hoặc 1,500, đó là: Tham, Sân, Si, Ngã Mạn, Tà Kiến, Hoài Nghi, Hôn Thù, Phóng Dật, Vô Tàm và Vô Quý.

Thập Phiền Não vừa kể trên, là nguồn cội của Pháp Bất Thiện, thường luôn làm cho chúng sanh nóng nảy, khổ sở không ngừng trong kiếp hiện tại và vị lai, lại phải bị trầm luân mãi mãi trong vòng Sanh Tử Luân Hồi, nên gọi là Phiền Não Ma.

3. Tối Hành Ma:

Hành vi tạo tác do bởi Thân, Lời và Ý, cho dù Thiện hay Bất Thiện, đều gọi là Pháp Hành.

Pháp Phi Phúc Tối Hành (Apunnābhisankhāra) có được mười hai, là: tám Căn Tham (Lobha mūla), hai Căn Sân (Dosa mūla) và hai Căn Si (Moha mūla).

Pháp Phúc Tối Hành (Punnābhisankhāra) có được mười bảy, là: tám Thiện Dục Giới (Kāmaṇācāra Kusala), năm Thiện Sắc Giới (Rūpāvacāra Kusala), và bốn Thiện Vô Sắc Giới (Arūpāvacāra Kusala). Các Phúc Tối Hành và Phi Phúc Tối Hành vừa kể trên đều gọi là Ma Vương, vì Pháp Phi Phúc Tối Hành thường xúi dục, xô đẩy chúng sanh tạo ra những Nghiệp Dữ, xấu ác và phải chịu khổ đau trong kiếp hiện tại và bị sa đọa vào trong Tứ Ác Đạo. Còn Pháp Phúc Tối Hạnh thì thường dắt dẫn chúng sanh làm những Thiện Phước (xả thí, trì giới, tu thiền, v.v.) cho được hưởng Nhân Thiên Phước Báo, hết làm Trời đi đến làm Người, v.v. xoay vần mãi trong Tam Giới, không thoát khỏi vòng Sanh Tử Luân Hồi.

4. Thiên Ma:

Có một hạng Chư Thiên bất hoan hỷ và tật đố với những bậc Thiện Nhân, cứ mãi theo ngăn cản không cho làm những Thiện Sự, và đứng đầu là hạng Chư Thiên ấy là một vị Chủ Tể mà thường được gọi là Ma Vương (Māra), thường có một trú xứ riêng biệt (Māradheyya) trong Cõi Tha Hóa Tự Tại (Parinimmitavasavatti). Chính vị Ma Vương này đã đến quấy rối và cám dỗ Đức Bồ Tát dưới cội cây Bồ Đề, nhưng bị Ngài đã cảm thắng do nhờ vào Tam Thập Pháp Ba La Mật, nhất là Xả Thí Ba La Mật cả ba bậc. Lợi khí của Thiên Ma Vương là ba tấm lưới, là lưới Tham Dục (Rāga), lưới Sân Hận (Dosa) và lưới Ái Dục (Tanhā). Chúng sanh nào bị sa vào trong ba mảnh lưới ấy thì luôn phải bị chịu khổ đau, cho dù có vùng vẫy cũng không sao thoát khỏi, ví như loài phi cầm tẩu thú đã dính mắc vào trong lưới của thợ săn rồi thì không dễ gì thoát thân được.

5. Tử Thần Ma:

Gọi là Ma Vương, vì sự Chết có quyền lực cắt đứt tuổi thọ của chúng sanh. Không có sự Khổ nào bằng cái Khổ Tử. Cho dù không muốn xa lìa những nhân vật thương yêu triu mến, dầu Tâm còn tham luyến vào tài sản sự nghiệp, nhưng một khi Tử Thần đi đến, thì cho dù là hạng Vua Chúa hay thường dân, giàu sang hay bần hàn, bậc trí thức và hạng thiếu trí, ai ai cũng không thể cưỡng lại được Tử Thần.

Đức Phật đã chiến thắng và diệt trừ tất cả năm hạng Ma Vương này, do đó Ngài được hoàn toàn giải thoát.

V. Bậc Đại Phước Đức

Đức Phật là bậc Đại Phước Đức, với hai ý nghĩa, là:

- Sắc Thân Hoàn Mỹ: Đức Phật có được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi tướng phụ.
- Đức Hạnh Toàn Thiện: Đức Phật đã thực hành tròn đủ các Thiện Pháp và diệt tận các Pháp Bất Thiện xấu ác, không còn dư sót.

Các hạng chúng sanh ngưỡng mộ vào Sắc Thân Hoàn Mỹ thì phát khởi đức tin thuần tịnh vào Đức Phật. Có hạng chúng sanh tin tưởng vào Đức Hạnh Toàn Thiện thì cắt ái ly gia, trở thành môn đệ và vâng theo lời giáo huấn của Đức Phật.

VI. Bậc Hữu Phước

Đức Phật là bậc có được sáu loại Phước Báo như sau:

1. Có khả năng đè nén, chế ngự Tâm Thức không cho việc xấu ác khởi sanh lên.
2. Đã thực hành viên mãn các Thiện Pháp Hiệp Thế và Siêu Thế.
3. Danh thơm tiếng tốt vang lừng khắp cả Tam Giới và không một ai sánh bằng.
4. Sắc Thân rực rỡ như vàng ròng, hào quang phún tủa khắp châu thân, khiến cho chúng sanh hân hoan duyệt ý khi nhìn thấy Đức Phật.
5. Khi ước mong đến điều chi hay cần dùng vật dụng chi cho Đức Phật và cho người khác, đều được thành tựu như ý nguyện.
6. Có Chánh Tinh Tấn là sự cố gắng trong Tứ Chánh Cần, khiến cho các hàng chúng sanh đều thánh phục và tôn kính.

VII. Bậc Năng Lai Vãng

- a. Đức Phật thường lai vãng ở những nơi thanh vắng, thâm sơn cùng cốc, là những nơi thanh tịnh, lánh xa sự ồn ào náo nhiệt, để an trú Tâm Thiền Định.
- b. Đức Phật năng lai vãng các Pháp Hành siêu xuất khỏi Thế Gian, là các Pháp Thiền Định về Sắc Giới và Vô Sắc Giới, các Pháp Thiền Minh Sát theo Tam Tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã, và Bát Thánh Đạo Thánh Quả và Níp Bàn.

VIII. Bậc Đã Dứt Nẻo Tam Giới

Đức Phật đã dứt nẻo Tam Giới, có nghĩa là cuộc hành trình của Đức Phật trải dài từ bao A Tăng Kỳ Kiếp ở trong Tam Giới cho đến kiếp hiện tại là đã đến mức cuối cùng, vì nhân sanh là Ái Dục đã hoàn toàn diệt tận thì bánh xe Luân Hồi cũng ngừng xoay. Nói một cách khác, Đức Phật đã siêu xuất ra khỏi Tam Giới và không còn tái tục trở lại nữa.

Do nhờ những Ân Đức cao quý như đã vừa giải thích ở phần trên, nên Đức Phật có danh hiệu là Thế Tôn (*Bhagavā*).

LỜI KẾT LUẬN

Với tất cả những danh hiệu (chín Hồng Danh), kể từ **Araham** (Ứng Cúng) cho đến **Bhagavā** (Thế Tôn) đã được giảng giải, quả thật là, không phải do nhân vật nào trong Cõi Nhân Thiên dâng tặng đến Đức Phật.

Cũng không phải là do Phụ Hoàng và Mẫu Hậu của Đức Phật là Tịnh Phạn Vương (**Suddhodhana**) và bà **Mahā Māyā**, cũng không phải là do tám mươi ngàn Hoàng Thân Quốc Thích của dòng Thích Ca của Đức Phật, cũng không phải là do một vị Thiên Vương nào có nhiều thần lực như Thiên Chủ Đế Thích (**Sakka**), đức Đâu Xuất Thiên Vương (**Santusita**) v.v. kính dâng những danh hiệu ấy đến cho Đức Phật.

Tất cả những danh hiệu ấy (chín Hồng Danh) là tự phát sanh lên đến Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai cùng một lúc với Tâm Toàn Tri Diệu Giác, là Trí Tuệ hoàn toàn sáng suốt và liễu tri các Pháp không dư sót (**Sabbannūtanāna**) khi vừa thành đạt Đạo Quả dưới cội cây Bồ Đề.

Tất cả những danh hiệu ấy (chín Hồng Danh), nếu kể vào ba Ân Đức trọng đại của Chư Phật là Tịnh Đức (**Visuddhiguna**), Bi Đức (**Karunāguna**) và Tuệ Đức (**Pannāguna**) như đã có được giảng giải trong Chương đầu tiên của quyển Kinh Sách này, thì sẽ là:

- Ba Danh Hiệu: **Araham** (Ứng Cúng), **Sugato** (Thiện Thệ) và **Anuttaro** (Vô Thượng Sĩ) cùng với **Purisadammasārathi** (Điều Ngự Trượng Phu) được tính là một là thuộc về Tịnh Đức.
- Ba Danh Hiệu: **Satthādevamanussānam** (Thiên Nhân Sư), **Buddho** (Phật) và **Bhagavā** (Thế Tôn) là thuộc về Bi Đức.
- Ba Danh Hiệu: **Sammāsambuddho** (Chánh Đẳng Giác), **Vijjācaranasam-panno** (Minh Hạnh Túc) và **Lokavidū** (Thế Gian Giải) là thuộc về Tuệ Đức.

Một lễ nữa, nếu chia theo sự lợi ích thì có được như sau:

- Năm Danh Hiệu: **Araham** (Ứng Cúng), **Sammāsambuddho** (Chánh Biến Tri), **Vijjācaranasampanno** (Minh Hạnh Túc), **Sugato** (Thiện Thệ), **Lokavidū** (Thế Gian Giải) là thuộc về Ân Đức có lợi ích riêng của Đức Phật (**Attahetu guna – Ân Đức Tự Ngã**).
- Hai Danh Hiệu: **Anuttaro + Purisadammasārathi** (Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu) và **Satthādevamanussānam** (Thiên Nhân Sư) là thuộc về Ân Đức có lợi ích riêng cho chúng sanh (**Parahetu guna – Ân Đức Tha Nhân**).
- Hai Danh Hiệu: **Buddho** (Phật) và **Bhagavā** (Thế Tôn) là thuộc về Ân Đức vừa cho Tự Ngã của Đức Phật và vừa cho Tha Nhân, tất cả chúng sanh.

Biên soạn xong tại Phnom Penh,

Cuối Thu năm Nhâm Dần,

Phật Lịch 2506 – Dương Lịch 1962

HUỲNH THANH LONG

(Tái Bản và Hiệu đính 2556/2013)

TẬP HAI

DHAMMA GUNA – SANGHA GUNA

ÂN ĐỨC PHÁP BẢO – ÂN ĐỨC TĂNG BẢO

PHI LỘ

Người Phật Tử thuần thành là hiểu rõ Ân Đức Tam Bảo, mới có đức tin trong sạch ẩn sâu vào ngôi Tam Bảo được. Vì vậy, nên Bần Tăng nhận thấy Ân Đức Tam Bảo rất cần thiết cho người tu Phật, xuất gia cũng như tại gia.

Ân Đức Phật Bảo đã được xuất bản lâu rồi, nhưng chỉ còn hai Ân Đức nữa là Ân Đức Pháp Bảo và Ân Đức Tăng Bảo chưa có dịp phiên dịch mà thôi.

Nay mặc dù bận nhiều Phật Sự nhưng do yêu cầu của nhiều Phật Tử nên mới cố gắng phiên dịch thêm cho đủ ba Ân Đức quan trọng của Tam Bảo.

Do công đức phiên dịch này, Bần Tăng hồi hướng đến Thầy Tổ và Song Thân đã quá vãng cầu oai lực Pháp Thí này cho các Ngài được tăng trưởng nhiều sự an vui nơi nhàn cảnh. Và cũng cầu cho oai lực Pháp Thí này sẽ đem lại sự an vui cho tất cả chúng sanh trên thế giới, nhất là cho dân tộc Việt Nam được sớm thanh bình an lạc.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Rất mong thay!

Đại Trưởng Lão Bửu Chơn

Nāga Mahā Thera

Cổ Vốn Tinh Thần

Phật Giáo Thế Giới

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHO CUNG KÍNH ĐỨC THỂ TÔN – ỨNG CÚNG – CHÁNH ĐẲNG GIÁC

TẬP HAI

DHAMMA GUNA – ÂN ĐỨC PHÁP BẢO SANGHA GUNA – ÂN ĐỨC TĂNG BẢO

NAMATTHU RATANATTAYASSA

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Tam Bảo một cách tóm tắt.

A. DHAMMA GUNA – ÂN ĐỨC PHÁP BẢO

Vấn: Từ ngữ “Pháp” (*Dhamma*) có ý nghĩa ra sao? Và có Ân Đức như thế nào?

Đáp: Tại nơi đây, Pháp có trạng thái thực tế, chắc chắn hay là một phương châm đúng đắn và tốt đẹp.

Pháp có Ân Đức để gìn giữ, bảo vệ cho chúng sanh nào thực hành theo đúng đắn, không cho sa vào nơi thấp hèn, cho thoát khỏi cảnh Khổ. Pháp có tánh cách soi sáng cho chúng sanh nào còn tối tăm mê muội, cho thấy rõ điều phải lẽ quấy, tội phước và con đường hành trình đến Cõi Thiên Giới và Níp Bàn, và chỉ rõ cho thấy sự an vui hạnh phúc. Pháp ví như ngọn đèn, hay mặt trời có tánh cách soi sáng cho chúng sanh trong cõi thế gian làm cho mất sự tối tăm, u ám. Một khi sự tối tăm đã mất đi rồi thì chúng sanh có thể thấy rõ con đường yên ổn, tốt đẹp đưa đến cảnh an vui thanh tịnh.

Vấn: Ân Đức Pháp chỉ có bấy nhiêu đó hay là còn chi khác nữa?

Đáp: Còn rất nhiều Ân Đức Pháp khác nữa, như là:

- Pháp Học (*Pariyatti Dhamma*)
- Pháp Hành (*Patipatti Dhamma*)
- Pháp Thành (*Pativedha Dhamma*) - Chín Thánh Pháp: bốn Đạo, bốn Quả và Níp Bàn

mà Đức Phật đã thuyết ra một cách hoàn hảo và tốt đẹp.

Vấn: Thế nào gọi là “Pháp Học” và thiện hảo như thế nào?

Đáp: Pháp dùng trong việc nghiên cứu học hỏi, đọc tới đọc lui cho thuần thực, gọi là Pháp Học (*Pariyattidhamma*), là chủ yếu đến tất cả Phật Ngôn trong Tam Tạng, là Pháp mà Đức Phật đã khai thuyết thiện hảo trong phần đầu (Sơ Thiện), thiện hảo trong phần giữa (Trung Thiện) và thiện hảo trong phần cuối (Hậu Thiện).

Giải thích rằng: Đức Thiên Nhân Sư chỉ khai thuyết một câu kệ gồm bốn câu cũng thiện hảo trong ba đoạn, là khởi câu đầu thì thiện hảo ở phần đầu, thuyết đến câu thứ hai và thứ ba thì thiện hảo ở phần giữa, và thuyết đến câu thứ tư thì thiện hảo ở phần cuối. Nếu thuyết về bài Kinh thì thiện hảo ở phần đầu là ở chỗ câu chuyện và nguyên nhân phát sanh lên bài Pháp ấy, thiện hảo ở phần giữa là uyên bác, chính xác vừa thích hợp cho trình độ chúng sanh hay nhân vật ấy được Thính Pháp đúng theo lý luận, thiện hảo ở phần cuối là thêm nguyên nhân để đưa hàng Thính Chúng ấy cho có đức tin (*Saddhā*).

Hơn nữa, Giáo Pháp của Đức Phật thiện hảo ở phần đầu là Giới, thiện hảo ở phần giữa là Thiền Định, Minh Sát, Đạo và Quả, thiện hảo ở phần cuối là Níp Bàn. Nói một cách khác nữa, là thiện hảo ở phần đầu là Thiền Định, thiện hảo ở phần giữa là Minh Sát và Đạo, thiện hảo ở phần cuối là Quả và Níp Bàn.

Lại nữa, Giáo Pháp của Đức Phật là đem lại rất nhiều điều lợi ích cho hàng Thính Chúng được dứt bỏ, đè nén các Pháp Triền Cái hay là Pháp ngăn cản. Bởi vậy cho nên, thiện hảo ở phần đầu là đem lại Ân Đức quý báu cho người thực hành theo, thiện hảo là đem lại sự an lạc do sự thực hành Minh Sát Tuệ, thiện hảo ở phần cuối là đem sự lợi ích rất cao thượng cho hành giả là chứng đắc được Đạo Quả Níp Bàn.

Hơn thế nữa, Đức Phật đã khai thuyết về Pháp Học rất thiện hảo và tốt đẹp, đầy đủ chi tiết về “Giáo Hạnh và Đạo Hạnh”.

Giải thích rằng: Huấn từ mà Đức Phật đã giảng giải gọi là “Giáo Hạnh”, con đường Bát Chánh có tám nẻo gọi là “Đạo Hạnh”. Cả hai điều Phạm Hạnh này Đức Phật đã khai thuyết một cách đầy đủ chi tiết, thanh tịnh, không có chỗ hờ để thêm bớt được nữa. Cũng như về Tứ Niệm Xứ thì không một ai có thể nói là thiếu rồi lại thêm vô thành “Ngũ Niệm Xứ” được. Hoặc Bát Chánh Đạo thì Đức Phật đã khai thuyết rồi, cho dù một bậc Trí Tuệ nào có thể tìm lỗi để thêm vô hoặc bớt ra được nữa. Như vậy, cho nên gọi là Pháp Học mà Đức Phật đã giảng giải một cách thanh tịnh và thiện hảo.

Tất cả Giáo Pháp của Đức Phật đã giảng giải, nếu nói về phạm sự thì chỉ có một, nói về Giáo Pháp thì có hai là Pháp và Luật, nói về Tạng thì có ba là Luật, Kinh và Vô Tỷ Pháp, nói về Bộ Kinh thì có năm Bộ Kinh (*Nikāya*), nói về chi thì có chín chi, nói về Pháp Môn thì có tám mươi bốn ngàn Pháp Môn.

Vấn: Chỗ nói Giáo Pháp của Đức Phật chỉ có một phạm sự là như thế nào?

Đáp: Nói về phạm sự chỉ có một, có nghĩa là từ khi Đức Phật chứng đắc Quả Vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác cho đến khi Viên Tịch Níp Bàn trong suốt bốn mươi lăm năm, Đức Phật đã luôn luôn thuyết Pháp độ Chư Thiên, Nhân Loại, Dạ Xoa, v.v. không ngừng nghỉ. Tất cả những Phật Ngôn ấy gom lại chỉ có một phạm sự hay gọi là “hương vị” (*Rasa*) đó là “Hương Vị Giải Thoát” (*Vimutti rasa*) cũng như tất cả biển cả trên thế gian này chỉ có một vị duy nhất, đó là “Vị Mặn”.

Vấn: Chỗ nói Phật Ngôn có hai, là Pháp (Dhamma) và Luật (Vinaya) là như thế nào?

Đáp: Tất cả những huấn từ của Đức Phật, khi kết hợp lại thì chỉ có hai là Pháp và Luật, mà thôi.

Bởi vì tất cả điều giới học trong Tạng Luật đều được gọi một danh từ là “Luật”. Ngoài ra, tất cả những huấn từ còn lại của Đức Phật đều được gọi là “Pháp”. Bởi vậy cho nên khi Kiết Tập lần thứ nhất, Đại Trưởng Lão Mahā Kassapa đã có nói như sau: “*Yannūna mayam āvuso dhammanca vinayanca sangāgheyyāma*” “*Này Chư Hiền Giả, như vậy chúng ta nên đồng nhau trùng tụng và sắp xếp Pháp và Luật lại*”.

Cũng như Đức Phật đã căn dặn Đại Trưởng Lão Ānanda trong hai câu kệ sau đây: “*Yo vo Ānanda, mayā dhammo ca vinayo ca desito pannatto so vo mamacca yena satthā*” “*Này Ananda, Pháp nào mà Như Lai đã giảng giải rồi, Luật nào mà Như Lai đã chế định rồi, Pháp và Luật ấy, khi Như Lai đã tịch diệt rồi, là Thầy của các con vậy*”.

Vấn: Chỗ nói Phật Ngôn có ba là như thế nào?

Đáp: Chỗ nói Phật Ngôn có ba là: Phật Ngôn mà lúc Đức Phật vừa lúc thành đạt Đạo Quả và khả thuyết ra lần đầu tiên gọi là *Sơ Phật Ngôn*, Phật Ngôn mà Đức Phật khả thuyết sau đó, tất cả được gọi là *Trung Phật Ngôn*, Phật Ngôn mà Đức Phật khả thuyết lần cuối cùng trước khi Viên Tịch Níp Bàn được gọi là *Hậu Phật Ngôn* (*Di Huấn Tối Hậu*).

Khi vừa mới chứng đắc Đạo Quả, Đức Phật hân hoan duyệt ý nên thốt lên lời Chánh Tri Kiến như sau: “*Anekajāti samsāram sandhāvissam anibbisam gahakārakam gavesanto dukkhā jāti punappunam gahakāra dītho’si puna geham na kāhasi sabbā te phāsukā bhaggā gahakūtam visankhitam visankhāragatam cittam tanhānam khayam ajjhagā*” “*Xuyên qua nhiều kiếp sống, Như Lai thênh thang đi trong vòng Luân Hồi để tìm, nhưng không gặp, người thợ cắt nhà này. Phiền muộn thay, đời sống triền miên tái diễn. Nay hỡi người thợ làm nhà! Người đã bị bắt gặp. Người không còn cắt nhà nữa. Tất cả rui mè của người đã gãy. Cây đòn dông của người cũng bị phá tan*.”

Còn về Phật Ngôn tối hậu sau cùng trước khi Đức Phật sắp Viên Tịch Níp Bàn đã nói như sau: “*Amantiyāmi vo bhikkhave khayavaya dhammā sankhārā appamādena sampādettha*” “*Này Chư Tỷ Khưu, nay Ta khuyên dạy các người: Các Pháp Hữu Vi là Vô Thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật*”. (Có nghĩa là: này Chư Tỷ Khưu, nay Ta có lời căn dặn đến Chư Tỷ Khưu rằng: Các Pháp Hữu Vi thật không bền vững, có tánh cách tiêu hoại là thường, vậy Chư Tỷ Khưu không nên dễ duôi, ráng lo chu toàn phận sự của mỗi người cho được viên mãn).

Về phần Trung Phật Ngôn là Đức Phật khả thuyết tất cả Giáo Pháp ở trong khoảng giữa của Sơ Phật Ngôn và Hậu Phật Ngôn.

Vấn: Chỗ nói Phật Ngôn có ba Tạng là như thế nào?

Đáp: Tất cả Phật Ngôn được kết tập lại chỉ có ba loại là: Luật Tạng (*Vinaya Pitaka*), Kinh Tạng (*Suttanta Pitaka*) và Vô Tỷ Pháp Tạng (*Abhidhamma Pitaka*).

Giải thích rằng: Giới bốn Biệt Biệt Giải Thoát Giới (*Patimokkha*) là phần Cự Túc Giới của Chư Tỷ Khưu và giới bốn của Chư Tỷ Khưu Ni, hai sự phân tách (*Vibhanga*) của phận sự Tỷ Khưu và Tỷ Khưu Ni, hai mươi hai Phần (*Khandhaka*), mười sáu Tiểu Phần (*Parivāra*) mà Chư Thánh Tăng đã kiết tập lần đầu tiên được gom kết hợp lại thành Luật Tạng.

Tất cả Phật Ngôn ở trong năm Bộ Kinh (**Nikāya**), như là

1. Trường Bộ Kinh (**Dīgha Nikāya**) có ba mươi bốn bài Kinh
2. Trung Bộ Kinh (**Majjhima Nikāya**) có một trăm năm mươi hai bài Kinh
3. Tương Ưng Bộ Kinh (**Samyutta Nikāya**) có bảy ngàn bảy trăm sáu mươi hai bài Kinh
4. Tăng Chi Bộ Kinh (**Anguttara Nikāya**) có chín ngàn năm trăm năm mươi bảy bài Kinh
5. Tiểu Bộ Kinh (**Khuddaka Nikāya**) có được mười tám Tập Kinh.

Tất cả năm Bộ Kinh này được kết hợp lại thành Kinh Tạng.

Tất cả Phật Ngôn ở trong bảy Bộ thuộc Vô Tỷ Pháp Tạng, như là

1. Pháp Tụ (**Dhammasaṅgaṇī**)
2. Phân Tích (**Vibhaṅga**)
3. Nguyên Chất Ngữ (**Dhātukāthā**)
4. Nhân Chế Định (**Puggalapannatti**)
5. Ngữ Tông (**Kāthāvatthu**)
6. Song Đối (**Yamaka**)
7. Phát Thú (**Paṭthāna**)

Từ ngữ “Luật” (**Vinaya**) có ý nghĩa là “Phận sự đặc biệt” hay là “Lệ luật để trau dồi sửa đổi, sai biệt riêng lẻ”.

Giải thích rằng: Luật của Đức Phật là chỉ có một. Tuy nhiên, sở dĩ có sự sai biệt riêng lẻ là tùy theo đoạn của tội lỗi (**apatti**) như Bất Cộng Trụ thì có bốn, Tăng Tàng thì có mười ba, v.v. mỗi đoạn của tội lỗi đều có sự sai khác với nhau và riêng biệt.

Lại nữa, Luật có điểm đặc biệt là như phần “**Anupannatti**” chế định kế tiếp có nhiều sự lợi ích, như làm cho điều giới học trở nên gắt gao hay là dễ dãi bớt đi, cho nên gọi là điểm đặc biệt. Nói về lẽ lỗi thì để trau dồi Thân Ngữ cho trở nên thanh tịnh, tốt đẹp, trang nghiêm, không sai trật, không ty liệt, không xấu xa trong mọi hành động.

Từ ngữ “Kinh” (**Nikāya**) có ý nghĩa là “nói ra” hoặc là “mục thước” hay là “kết lại”.

Giải thích rằng: Pháp được nói ra có nhiều sự lợi ích cho mình và cho người khác mà Đức Phật đã khái thuyết ra tùy theo trình độ của mỗi nhân vật sai khác nhau. Chỗ nói rằng “Mục thước” là đáng cho các bậc Trí Thức lấy theo đó mà làm tiêu chuẩn. Chỗ nói rằng “Kết lại” là kết lại thành sâu như sâu chuỗi hoa mà người thợ kết hoa khéo tay sâu kết lại một cách thiện xảo, nên được gọi là “Kinh”.

Từ ngữ “Vô Tỷ Pháp” (**Abhidhamma**) có ý nghĩa là “Pháp có sự tiến hóa, nhất định, đáng tôn kính cúng dường, Pháp không có sự lầm lẫn và Pháp cao thượng thù thắng”.

Giải thích rằng: Chỗ được nói “Pháp có sự tiến hóa” là hành giả nào thực hành theo Pháp ấy, có Tâm bác ái rải ra khắp thập phương, làm cho Thiền định phát sanh lên, có thể sanh về Thiên Giới là Cõi Sắc Giới.

Chỗ nói rằng “Pháp nhất định” là Pháp ấy có đặc tính riêng biệt cho mỗi trạng thái như Ngũ Trần thì Sắc Trần không lẫn lộn với Thính Trần v.v.

Chỗ nói rằng “Pháp đáng tôn kính cúng dường” là Pháp ấy là những Pháp Hữu lậu (**Sekha**), Pháp Vô lậu (**Asekha**) và Pháp Siêu Xuất Thế Gian (**Lokuttara**) đều đáng được tôn kính cúng dường.

Chỗ nói rằng “*Pháp không có sự nhầm lẫn*” là các Pháp ấy như Sắc không có sự nhầm lẫn cho là Thọ, v.v.

Chỗ nói rằng “*Pháp cao thượng thù thắng*” là các Pháp ấy được Đức Phật khái thuyết ra như là Sắc Giới Pháp, Vô Tỷ Pháp, Vô Thượng Pháp. Tất cả các Pháp đã được giải thích gọi là “*Vô Tỷ Pháp*”.

Kết hợp lại tất cả ba phần là Luật, Kinh, và Vô Tỷ Pháp được gọi là Tam Tạng hay là Pháp Học.

Chỗ nói rằng “*Tạng*” có nghĩa là “*thành phần*” hay “*vật chứa đựng*”. Vì Pháp Học được chia ra nhiều lý lẽ sai biệt nhau nên gọi là “*vật chứa đựng tất cả Phật Ngôn*”.

Tam Tạng ấy – nói về sự thuyết trình thì có ba ý nghĩa là:

1. ***Ānādesanā – Mệnh Lệnh Thuyết Giảng***: Tạng Luật đã được Đức Phật khái thuyết do uy quyền của Ngài đã chế định về sự hành vi đúng hay sai.
2. ***Vohāradesanā – Từ Chương Thuyết Giảng***: Tạng Kinh do Đức Phật khái thuyết diễn giải kiến thức để kêu gọi, khuyến khích và dắt dẫn chúng sanh.
3. ***Paramatthadesanā – Siêu Lý Thuyết Giảng***: Tạng Vô Tỷ Pháp đã được Đức Phật khái thuyết ra toàn Giáo Pháp sâu xa, thậm thâm vi diệu, cao quý thù thắng ..

Tam Tạng – nếu nói về Giáo Lý thì cũng có ba ý nghĩa như sau:

1. ***Yathāparādha sāsana***: Lời thuyết giảng tùy theo tội lỗi của chúng sanh, là chủ yếu nói về Tạng Luật.
2. ***Yathānuloma sāsana***: Lời thuyết giảng tùy theo trình độ và tánh tình của chúng sanh, là chủ yếu nói về Tạng Kinh.
3. ***Yathādhamma sāsana***: Lời thuyết giảng bậc thù thắng tùy theo chúng sanh có nhiều ngã chấp, là chủ yếu nói về Tạng Vô Tỷ Pháp.

Tam Tạng – nếu nói về Pháp Học thì có ba ý nghĩa như

1. ***Adhisīla sikkhā – Điều Học Giới Cao Thượng***: Pháp Học đầu tiên là Giới Phần, chủ yếu nói về Tạng Luật.
2. ***Adhicitta sikkhā – Điều Học Tâm Cao Thượng***: Pháp Học phần giữa là Tâm Định, chủ yếu nói về Tạng Kinh.
3. ***Adhipannā sikkhā – Điều Học Tuệ Cao Thượng***: Pháp Học phần đoạn cuối là Trí Tuệ, chủ yếu nói về Tạng Vô Tỷ Pháp.

Tam Tạng – nếu nói về sự dứt bỏ thì cũng được chia ra làm ba phần:

1. ***Vitikkama Pahāna***: sự dứt bỏ Phiền Não thô thiển, là Pháp đối nghịch với Giới Hạnh, đây chủ yếu nói về Tạng Luật.
2. ***Pariyutthāna Pahāna***: sự dứt bỏ Phiền Não ngăn cản Thiền Định, đây chủ yếu nói về Tạng Kinh.
3. ***Anusaya Pahāna***: sự dứt bỏ Phiền Não ngủ ngầm trong Tâm, là Pháp đối nghịch với Trí Tuệ, đây chủ yếu nói về Tạng Vô Tỷ Pháp.

Trong Tam Tạng, mỗi Tạng đều có bốn cách sâu xa, đó là:

1. ***Dhamma Gambhīra – Pháp Lý Thâm Thâm***: sâu xa về nguyên nhân.
2. ***Attha Gambhīra – Nghĩa Lý Thâm Thâm***: sâu xa về hậu quả lý luận.
3. ***Desanā Gambhīra – Thuyết Giảng Thâm Thâm***: sâu xa về sự thuyết giảng.

4. **Pativedha Gambhīra – Giác Ngộ Thâm Thâm**: sâu xa về sự giác ngộ, hoặc sự lãnh hội về Nhân Quả, hoặc lý lẽ của Giáo Pháp.

Trong Tam Tạng, có bốn thể loại ngôn ngữ, đó là:

1. **Buddha Bhāsita – Phật Ngôn**: ngôn ngữ chính thức do từ Đức Phật khai thuyết ra.
2. **Sāvaka Bhāsita – Thinh Văn Ngôn**: ngôn ngữ chính do từ Thinh Văn đệ tử Phật khai thuyết ra.
3. **Isi Bhāsita – Đạo Sĩ Ngôn**: ngôn ngữ do các vị Đạo Sĩ chánh kiến thuộc về hàng chân ngôn khai thuyết ra.
4. **Devatā Bhāsita – Thiên Ngôn**: ngôn ngữ do từ Chư Thiên khai thuyết ra.

Về trạng thái của Pháp Học thì có ba thể loại, đó là:

1. **Alaggaddūpamā Pariyatti**: Pháp Học ví như người bắt rắn độc, là người có học theo Pháp Học với tác ý xấu xa, bất thiện hảo, mong muốn được lợi lộc trong Tứ Vật Dụng cúng dường, hoặc để tranh đua cầu danh, để có mặt mày tên tuổi với người, hoặc cố ý để trả lời những câu hỏi của hàng Thính Chúng cho thật hay, chớ không phải học rồi để suy xét theo Trí Tuệ để cho thấy rõ ân đức cao thượng của các Pháp cần phải đạt đến. Vì vậy, mà phải chịu sự đau khổ lâu dài bởi do tác ý của sự học bất thiện hảo, được ví như người đi bắt rắn độc. Thấy rắn liền nắm bắt không nhằm chỗ nên bị rắn cắn mổ cho phải bị bán sống bán chết, hoặc có khi phải bị mạng vong. Bởi do bắt rắn không đúng cách như thế nào thì người học Tam Tạng với tác ý bất thiện hảo cũng sẽ bị khổ đau cũng dường như thế ấy.
2. **Nissaranattha Pariyatti**: Pháp Học mà người thọ trì cốt để thực hành theo Pháp cao thượng, nhứt là thọ trì giới cho thật tinh nghiêm, để được thoát khỏi vòng Sanh Tử Luân Hồi.
3. **Bhandāgariya Pariyatti**: Pháp Học mà các bậc Thánh Nhân đã chứng đắc Đạo Quả rồi, tuy nhiên chỉ để bảo tồn Giáo Pháp hay học hỏi thêm vì phận sự mà thôi.

Cách thực hành, hành theo Tam Tạng có lợi ích sai biệt như sau:

1. Nếu vị Tỷ Khưu thực hành thiện hảo đúng theo Tạng Luật thì sẽ được chứng đắc “*Tam Thắng Trí*” do nhờ vào Giới Hạnh.
2. Nếu vị Tỷ Khưu thực hành thiện hảo đúng theo Tạng Kinh thì sẽ được chứng đắc “*Lục Thắng Trí*” do nhờ vào Định Hạnh.
3. Nếu vị Tỷ Khưu thực hành thiện hảo đúng theo Tạng Vô Tỷ Pháp thì sẽ được chứng đắc “*Tứ Tuệ Phân Tích*” do nhờ vào Tuệ Hạnh.

Nếu thực hành sai quấy với Tạng Luật thì sẽ trở nên người “*Phá Giới*”. Nếu thực hành sai quấy với Tạng Kinh thì sẽ trở nên người “*Tà Kiến*”. Nếu thực hành sai quấy với Tạng Vô Tỷ Pháp thì tâm trí của người trở nên điên cuồng rối loạn.

Vấn: Chỗ nói Phật Ngôn chia ra làm năm Bộ Kinh là như thế nào?

Đáp: Tất cả Phật Ngôn ở trong năm Bộ Kinh (**Nikāya**), như là

1. Trường Bộ Kinh (**Dīgha Nikāya**) có ba mươi bốn bài Kinh
2. Trung Bộ Kinh (**Majjhima Nikāya**) có một trăm năm mươi hai bài Kinh
3. Tương Ưng Bộ Kinh (**Samyutta Nikāya**) có bảy ngàn bảy trăm sáu mươi hai bài Kinh
4. Tăng Chi Bộ Kinh (**Anguttara Nikāya**) có chín ngàn năm trăm năm mươi bảy bài Kinh
5. Tiểu Bộ Kinh (**Khuddaka Nikāya**) có được mười tám Tập Kinh.

Tất cả năm Bộ Kinh này được kết hợp lại thành Kinh Tạng.

Vấn: Chỗ nói Phật Ngôn chia ra làm chín chi là như thế nào?

Đáp: Chín chi ấy là:

- Sutta (Kinh Tập)
- Geyya (Thi Ca)
- Veyyākaraṇa (Giải Thích)
- Gāthā (Câu Kệ)
- Udāna (Tự Thuyết Kinh)
- Itivuttaka (Như Thị Nghĩa Kinh)
- Jātaka (Bốn Sanh)
- Abbhūta (Phi Thường)
- Vedalla (Giáo Điều)

Giải thích rằng:

1. Các bài Kinh trong **Suttanipāṭa** (Kinh Tập) như là:
 - **Mangala Sutta** (Kinh Kiết Tường)
 - **Ratana Sutta** (Kinh Tam Bảo)
 - **Ubbhato vibhanga, Khandhaka, Parivāra**, v.v.
 - và các Phật Ngôn khác trong Tạng Kinh đều gọi là “**Sutta – Kinh Tập**” hết cả thảy.
2. **Geyya – Thi Ca**: là tất cả các đoạn kinh thuộc về “Bài Kệ” và các câu kệ trong phần **Samyutta Nikāya** (Tương Ưng Bộ Kinh), đều gọi là **Geyya – Thi Ca**, hết cả thảy.
3. **Veyyākaraṇa – Giải Thích**: là tất cả bài Kinh trong Tạng Vô Tỷ Pháp hoặc trong các Bộ Kinh không có lẫn lộn với Kệ Ngôn và Phật Ngôn, không có liên quan tới Tám Chi còn lại, được gọi là **Veyyākaraṇa** (Giải Thích) hết cả thảy.
4. **Gāthā – Câu Kệ**: là những Câu Kệ của các vị Thánh Tỳ Khuru Tăng (Trưởng Lão Tăng Kệ) và Thánh Tỳ Khuru Ni (Trưởng Lão Ni Kệ) hoàn toàn không dính líu tới các bài Kinh kia.
5. **Udāna – Tự Thuyết Kinh**: là tất cả tám mươi hai đoạn Kinh luôn cả Kệ Ngôn do sự thỏa thích của bậc Trí Tuệ mà khai ngôn.
6. **Itivuttaka – Như Thị Nghĩa Kinh**: là mười đoạn Kinh do các hàng Thánh Văn đệ tử của Đức Phật nói lên dựa vào Phật Ngôn của Đức Phật đã thuyết.
7. **Jātaka – Bốn Sanh**: nói về sự tích trong năm trăm tiền kiếp của tiền thân Đức Phật, khi hãy còn là Bồ Tát.
8. **Abbhūta – Phi Thường**: nói về những Pháp lạ chưa từng có, chưa từng nghe, bây giờ lại phát sanh lên, như trong thân người của Đại Đức Ānanda có bốn Pháp lạ và đặc biệt, v.v.
9. **Vedalla – Giáo Điều**: là các đoạn Kinh khi vấn hỏi Đức Phật xong rồi, liền phát tâm thuần tịnh, hân hoan duyệt ý và thỏa lòng toại ý.

Vấn: Phật Ngôn có tất cả tám mươi bốn ngàn Pháp Môn, làm thế nào chia ra được mỗi Pháp Môn?

Đáp: Phật Ngôn có tám mươi bốn ngàn Pháp Môn được chia ra như sau:

- Bài Kinh nào có mỗi **Anusandhi – Liên Kết** là mỗi sự liên hệ hay kết luận là mỗi Pháp Môn.
- Nếu có bao nhiêu **Anusandhi – Liên Kết** thì kể bấy nhiêu Pháp Môn.

- Trong mỗi bài kệ, với mỗi câu hỏi và mỗi câu trả lời, đều là mỗi Pháp Môn hết thảy.
- Ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp, mỗi phần “*Mātika – Mẫu Đề Tam*” hoặc “*Dukā – Mẫu Đề Nhị*” hoặc “*Catukā – Mẫu Đề Tứ*” hay là trong phần Tâm với mỗi phần đều là Pháp Môn.
- Về trong Tạng Luật, mỗi câu chuyện, mỗi một *Mātikā (Mẫu Đề)*, mỗi điều giới học, mỗi cách phạm tội, mỗi cách không phạm tội, mỗi câu chuyện, mỗi sự phạm tội hay không phạm tội, trong từng mỗi *Mātikā* đều là mỗi Pháp Môn. Và như thế là cách chia và tính từng Pháp Môn là như thế.

Vấn: Còn về Thánh Pháp (Lokuttara Dhamma) mà Đức Phật đã giảng giải một cách đúng đắn thiện hảo là như thế nào?

Đáp: Gọi là “Thánh Pháp” mà đã được Đức Phật giảng giải một cách thiện hảo, đó là:

Giảng giải Pháp Hành chân chánh đưa đến Níp Bàn. Bởi vì Níp Bàn mà con người tìm cầu để chứng đắc, phải thực hành thật thuần tịnh để xa lìa Tham, Sân và Si, là phải thực hành theo Tam Học là Giới, Định và Tuệ. Vì Giới để ngăn ngừa và dứt bỏ Phiền Não thô thiển của Tham Sân và Si. Với Định thì dứt bỏ Phiền Não trung bình của Tham Sân và Si. Và sau cùng, là Tuệ để diệt tất cả Tham Sân và Si loại Phiền Não vi tế. Đây là con đường chân chánh (Chánh Đạo), trung thực, kết tụ lại chảy vào trong một chỗ là Níp Bàn.

Thí dụ như tất cả nước trong con sông Hằng đều chảy chung ra một đường với nước con sông Yamunā, cùng với tất cả màu sắc, mùi vị, v.v. cũng đều như nhau. Cũng như vậy, Thánh Pháp mà Đức Phật đã khéo giảng thuyết rất chân chánh, trung thực và thiện hảo đều như nhau.

Vấn: Vậy như thế nào là “Thánh Pháp”?

Đáp:

- “*Lokam uttaraṇīti lokuttarā*” Pháp để cứu vớt chúng sanh ra khỏi Thế Gian, gọi là Thánh Pháp.
- “*Lokuttaraṇīti Lokuttarā*” Pháp dẫn dắt chúng sanh được siêu xuất khỏi Tam Giới Thế Gian, gọi là Thánh Pháp.
- “*Loke atirekāti Lokuttarā*” Pháp cao quý nhất trong Thế Gian, gọi là Thánh Pháp.

Vấn: Vậy những Thánh Pháp gồm có những chi?

Đáp: Những Thánh Pháp ấy gồm có:

- Tứ Niệm Xứ
- Tứ Chánh Cần
- Tứ Như Ý Túc
- Ngũ Quyền
- Ngũ Lực
- Thất Giác Chi
- Bát Chánh Đạo
- Bốn Đạo
- Bốn Quả
- Một Níp Bàn

Vấn: Tứ Niệm Xứ là như thế nào?

Đáp: Tứ Niệm Xứ gồm có bốn, đó là:

1. *Kāyanupassanāsati* – **Thân Tùy Quán Niệm Xứ**: là Niệm Thân trong Thân
2. *Vedanānupassanāsati* – **Thọ Tùy Quán Niệm Xứ**: là Niệm Thọ trong Thọ
3. *Cittānupassanāsati* – **Tâm Tùy Quán Niệm Xứ**: là Niệm Tâm trong Tâm
4. *Dhammānupassanāsati* – **Pháp Tùy Quán Niệm Xứ**: là Niệm Pháp trong Pháp

Vấn: Thế nào gọi là Niệm Thân?

Đáp: Phải thẩm sát chú niệm như sau:

- Thân này là nơi phối hợp giả tạo của Tứ Đại gồm Đất, Nước, Lửa, Gió.
- Tất cả đều là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã.
- Khi thẩm sát chú niệm thường xuyên như vậy thì khởi Tâm chán nản, dứt bỏ các sự mê thích trong xác thân này.
- Khi thẩm sát chú niệm về Vô Thường thì sẽ dứt bỏ được tư tưởng cho xác thân này là bền vững.
- Khi thẩm sát chú niệm về Khổ Đau thì sẽ dứt bỏ được tư tưởng cho xác thân là an lạc.
- Khi thẩm sát chú niệm về Vô Ngã thì sẽ về Khổ Đau thì sẽ dứt bỏ được tư tưởng cho xác thân là an lạc.
- Khi thẩm sát chú niệm về Vô Ngã thì sẽ dứt bỏ được tư tưởng cho xác thân này là của Ta.
- Khi Tâm đã chán nản thì sẽ dứt bỏ được sự mê thích. Khi dứt bỏ được sự mê thích thì sẽ dứt bỏ được Ái Dục.
- Khi dứt bỏ được Ái Dục thì không còn có sự cố chấp nữa, mà khi không còn có sự cố chấp thì không còn có sự Chấp Thủ (Upādāna) vào Ngũ Uẩn thì sẽ được giải thoát.

Vấn: Thế nào gọi là Niệm Thọ?

Đáp: Khi một cảm Thọ Hỷ, Thọ Khổ, Thọ Xả thì phải thẩm sát chú niệm rằng Thọ là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã. Lâu dần, khởi Tâm chán nản không còn mê thích theo cảm thọ ấy và dứt bỏ sự cố chấp cảm thọ ấy, tương tự như cách thẩm sát về Thân.

Vấn: Thế nào gọi là Niệm Tâm?

Đáp: Khi Tâm có Tham Ái khởi sanh (hoặc trong mười tám cái Tâm làm đối tượng để thẩm sát chú niệm) thì liễu tri Tâm Tham Ái đã khởi sanh và thẩm sát chú niệm rằng Tâm Tham Ái này cũng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã. Lâu dần, khởi Tâm chán nản không còn mê thích theo Tâm Tham Ái ấy nữa và dứt bỏ sự cố chấp theo Tâm Tham Ái ấy, tương tự như cách thẩm sát về Thân.

Vấn: Thế nào gọi là Niệm Pháp?

Đáp: Niệm Pháp có năm phần, là: Ngũ Triền Cái, Ngũ Thủ Uẩn, Thập Bát Giới (gồm có Lục Căn, Lục Thức và Lục Trần), Thất Giác Chi và Tứ Thánh Đế. Khi Pháp Triền Cái (*Nīvarana*) khởi sanh lên thì biết rõ Pháp Triền Cái đã khởi sanh và phải thẩm sát chú niệm về Pháp Triền Cái ấy cũng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã. Lâu dần, khởi Tâm chán nản không còn mê thích theo Pháp Triền Cái ấy nữa và dứt bỏ sự cố chấp theo Pháp Triền Cái ấy, tương tự như cách thẩm sát về Thân.

Vấn: Thế nào gọi là Tứ Chánh Cần?

Đáp: Tứ Chánh Cần (*Sammappadhāna*) là Pháp nỗ lực tinh cần, đó là:

1. Nỗ lực tinh cần dứt bỏ Pháp Ác nào đã phát sanh lên trong Tâm cho đoạn tận.
2. Nỗ lực tinh cần ngăn ngừa Pháp Ác nào chưa từng phát sanh lên đừng cho phát sanh.
3. Nỗ lực tinh cần làm cho Pháp Thiện nào chưa từng thực hiện cho được thực hiện.
4. Nỗ lực tinh cần làm cho Pháp Thiện nào đã từng thực hiện cho được kiên cố.

Vấn: Thế nào gọi là Tứ Như Ý Túc?

Đáp: Tứ Như Ý Túc là bốn Pháp nền tảng làm cho phát sanh các Pháp Thắng Trí Thần Thông. Đó là:

1. *Chandiddhipāda* – **Dục Như Ý Túc**: thành tựu mọi ước nguyện.
2. *Viriyyaddhipāda* – **Cần Như Ý Túc**: sự nỗ lực thành tựu viên mãn.
3. *Cittiddhipāda* – **Tâm Như Ý Túc**: sự hiểu biết thành tựu viên mãn.
4. *Vimamsiddhipāda* – **Thẩm Như Ý Túc**: trí tuệ thành tựu viên mãn.

Vấn: Thế nào gọi là Ngũ Quyền?

Đáp: Ngũ Quyền là năm Pháp có quyền năng tạo tác các Pháp Thiện. Gồm có:

- Tín Quyền
- Tấn Quyền
- Niệm Quyền
- Định Quyền
- Tuệ Quyền

Lại nữa, Ngũ Quyền được chia ra làm thành tám nhóm, đó là:

- Bảy bậc Thánh Hữu Học (*Sekkha Puggala*)
- Một hạng Phàm Nhân Thiện Trí Thức

Vấn: Thế nào gọi là Ngũ Lực?

Đáp: Ngũ Lực là năm Pháp có nhiều năng lực tạo tác các Pháp Thiện. Gồm có:

- Tín Lực
- Tấn Lực
- Niệm Lực
- Định Lực
- Tuệ Lực

Ngũ Lực có được nhiều năng lực là do bởi những yếu tố sau đây:

1. Tín Lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là:
 - Xa lánh người không có đức tin
 - Thân cận với người có đức tin
 - Thường suy xét đến Giáo Pháp làm cho Tâm hoan hỷ duyệt ý
 - Tác ý khôn khéo

- Tự lập trường chân chánh
2. Tấn Lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là:
 - Xa lánh người lười biếng
 - Thân cận với người có sự tinh tấn
 - Thường suy xét đến Tứ Chánh Cần
 - Tác ý khôn khéo
 - Tự lập trường chân chánh
 3. Niệm Lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là:
 - Xa lánh người không có sự ghi nhớ hoặc hay quên
 - Thân cận với người có sự ghi nhớ mạnh và đầy đủ
 - Thường suy xét đến Tứ Niệm Xứ
 - Tác ý khôn khéo
 - Tự lập trường chân chánh
 4. Định Lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là:
 - Xa lánh người không có sự định tâm hay lao chao phóng dật
 - Thân cận với người có sự định tâm mạnh và đầy đủ
 - Thường suy xét đến Thiền Định và sự giải thoát
 - Tác ý khôn khéo
 - Tự lập trường chân chánh
 5. Tuệ Lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là:
 - Xa lánh người si mê lầm lạc
 - Thân cận với bậc có trí tuệ mạnh và đầy đủ
 - Thường đọc hay nghiên cứu những Kinh sách cao siêu
 - Tác ý khôn khéo
 - Tự lập trường chân chánh

Hai Pháp Quyền và Lực cũng có ý nghĩa như nhau, tuy nhiên một bên là nền tảng (*Quyền – Indriya*) và một bên là năng lực hoặc nghị lực (*Lực – Bala*) để đưa hành giả đến Níp Bàn. Tại đây, Lực có ý nghĩa là:

- Không rung động, xao xuyến trước các Pháp đối nghịch, như là không có đức tin, v.v.
- Giúp đỡ các Pháp liên kết làm cho được trong sạch các phận sự.
- Làm cho Tâm được vững vàng kiên cố.
- Làm cho Tâm sáng suốt trong các Pháp giác ngộ.
- Làm cho Tâm được liễu tri Chân Lý.
- Làm cho hành giả được an trú trong các Pháp tĩnh lặng là Níp Bàn.

Vấn: Thế nào là Thất Giác Chi (*Bojjhanga*)?

Đáp: Thất Giác Chi hay là bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, gồm có:

1. **Satibojjhangā – Niệm Giác Chi:** Niệm hoặc ghi nhớ, hay trí nhớ là Pháp quan trọng nhất, làm cho sự lợi ích được thành tựu, bởi vì con người khi làm bất luận việc gì do Thân Lười mà được thành tựu mỹ mãn cũng đều do nhờ có sự ghi nhớ. Hơn nữa sự ghi nhớ là Pháp để gìn giữ trông nom các Cửa, nhất là Nhãn Môn (**Cakkhuvāra**) không cho các Pháp Ác xâm chiếm vào trong Thân Tâm, khi có các Trần như Sắc Trần từ bên ngoài đến tiếp xúc với các Cửa thì chế ngự không

cho hai Pháp vui và buồn phát sanh lên được. Ví như người giữ cửa thành trì, xem coi người nào đáng cho vào mới mở cửa cho vào, còn người nào xấu ác không đáng cho vào thì ngăn cản lại và không mở cửa cho vào. Nhưng sự ghi nhớ tại đây là sự ghi nhớ chân chánh, là phải luôn luôn ghi nhớ theo Tứ Niệm Xứ.

2. **Dhammavicaya Sambojjhanga – Trạch Pháp Giác Chi:** Trí Tuệ suy xét các Pháp đúng theo phương cách để diệt trừ Phiền Não rồi thực hành theo Pháp ấy.
3. **Viriya Sambojjhanga – Tinh Tấn Giác Chi:** Tinh Tấn là sự nỗ lực tinh cần theo Tứ Chánh Cần.
4. **Pīti Sambojjhanga – Hỷ Giác Chi:** Tâm hoan hỷ duyệt ý, vừa lòng thích ý, vì lẽ một khi làm việc chi đều do có Tâm hoan hỷ duyệt ý mới mong được thành tựu.
5. **Passaddhi Sambojjhanga – Khinh An Giác Chi:** Tâm được tịnh lặng, thanh tịnh sẽ làm cho các công việc được thành tựu dễ dàng.
6. **Sammādhī Sambojjhanga – Định Giác Chi:** Tâm an trụ trong một Cảnh mới đem lại cho thấy rõ thực tướng Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã của Ngũ Uẩn một cách dễ dàng.
7. **Upekkhā Sambojjhanga – Hành Xả Giác Chi:** Tâm quân bình, thản nhiên, không vui không buồn, an nhiên tự tại, là Pháp cao quý nhất để làm cho được thành tựu trong các điều lợi ích.

Vấn: Thế nào là Bát Chánh Đạo?

Đáp: Bát Chánh Đạo có tám chi, đó là:

1. **Sammāditthi – Chánh Kiến:** sự thấy chân chánh.
2. **Sammāsankappa – Chánh Tư Duy:** sự tư duy, nghĩ suy chân chính.
3. **Sammā vācā – Chánh Ngữ:** lời nói chân chánh.
4. **Sammā kammanta – Chánh Nghiệp:** hành động chân chánh.
5. **Sammā ājīva – Chánh Mạng:** nuôi mạng chân chánh.
6. **Sammāvāyāma – Chánh Tinh Tấn:** nỗ lực tinh cần chân chánh.
7. **Sammā sati – Chánh Niệm:** sự ghi nhớ chân chánh.
8. **Sammāsamādhī – Chánh Định:** tâm an trụ chân chánh.

Vấn: Thế nào là Chánh Kiến?

Đáp: Chánh Kiến là sự thấy trong nội tâm một cách chân chánh. Có bốn:

1. Dukkha Nānam: Tuệ liễu tri về mười hai sự Khổ.
2. Dukkha Samudāya Nānam: Tuệ liễu tri về nguyên nhân phát sanh lên những sự Khổ.
3. Dukkha Nirodha Nānam: Tuệ liễu tri việc diệt tận những sự Khổ.
4. Dukkha Nirodhagāminiyā Nānam: Tuệ liễu tri việc thực hành đưa đến nơi giải thoát khỏi những sự Khổ.

Vấn: Vậy Chánh Kiến có mấy thể loại?

Đáp: Có hai thể loại về Chánh Kiến, đó là:

1. **Lokiya Ditthi – Kiến Hiệp Thế:** là Chánh Kiến của bậc Phàm Nhân, như nhận thấy làm các việc Thiện thì quả an lành, làm các điều xấu ác thì gặt hái những quả khổ đau.
2. **Lokuttara Ditthi – Kiến Siêu Thế:** là Chánh Kiến của bậc Thánh Nhân, như liễu tri tường tận về Lý Tứ Thánh Đế.

Nếu chia theo hạng người thì Chánh Kiến có ba thể loại là:

- Chánh Kiến của bậc Phàm Nhân
- Chánh Kiến của bậc Thánh Hữu Học
- Chánh Kiến của bậc Thánh Vô Học

Vấn: Thế nào là Chánh Ngữ?

Đáp: Chánh Ngữ là lời nói chân chánh. Có bốn chi, đó là:

- Không nói láo (Vọng Ngữ)
- Không nói đâm thọc (LưỠng Thiệt)
- Không nói lời thô ác ngữ
- Không nói lời vô ích

Hoặc nói ra điều chân chánh, nói ra lời dịu ngọt, nói ra lời hữu ích và nói ra với Tâm Từ Ái đến cho người nghe.

Vấn: Thế nào là Chánh Nghiệp?

Đáp: Chánh Nghiệp là việc làm chân chánh, như là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, hoặc làm các việc Thiện như xả thí, trì giới, v.v.

Vấn: Thế nào là Chánh Mạng?

Đáp: Chánh Mạng là việc nuôi mạng chân chánh, như hàng Phật Tử xa lánh năm điều không làm để nuôi mạng:

- Không buôn bán chất say
- Không buôn bán vũ khí
- Không buôn bán thuốc độc
- Không buôn bán nô lệ
- Không buôn bán thú vật

Và hạng xuất gia thì phải xa lánh hai mươi sáu Tà Mạng (không xem bói, không xem địa lý, v.v.)

Vấn: Thế nào là Chánh Tinh Tấn?

Đáp: Chánh Tinh Tấn là sự nỗ lực tinh cần như nỗ lực trong bốn Pháp của Tứ Chánh Cần, nhất là nỗ lực cố gắng ngăn ngừa các Pháp xấu ác chưa phát sanh lên không cho phát sanh lên.

Vấn: Thế nào là Chánh Niệm?

Đáp: Chánh Niệm là sự ghi nhớ chân chánh, như sự ghi nhớ trong Tứ Niệm Xứ, hoặc Niệm theo mười đề mục Tùy Niệm (*Anussati*).

Vấn: Thế nào là Chánh Định?

Đáp: Chánh Định là Tâm an trụ chân chánh trong bốn Tầng Thiền Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Hoặc là hành giả làm cho Tâm thanh tịnh xa lìa Ngũ Trần và các Pháp xấu ác, an trú vào trong tầng Sơ Thiền với Tầm, Tứ, Hy, Lạc và Nhất Thống, v.v.

Vấn: Bát Chánh Đạo nếu chia theo ba thể loại Nghiệp Báo thì Chi Đạo nào đi với loại Nghiệp nào?

Đáp: Nghiệp tạo ra từ ba nơi là Thân, Lời và Ý.

- Chánh Nghiệp thuộc về Thân Nghiệp
- Chánh Ngữ thuộc về Ngữ Nghiệp
- Chánh Mạng thuộc về Thân Nghiệp và Ngữ Nghiệp
- Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định thuộc về Ý Nghiệp

Vấn: Nếu kết hợp Bát Chánh Đạo vào trong Khanda – Chi Phần về Giới – Định và Tuệ, thì Chi Đạo nào thuộc về Chi Phần nào?

Đáp:

- Chánh Kiến và Chánh Tư Duy thuộc về Phần Tuệ
- Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng thuộc về Phần Giới
- Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định thuộc về Phần Định

Vấn: Tại sao trong Bát Thánh Đạo lại kể Phần Tuệ đầu tiên? Còn trong Pháp Học lại kể Phần Giới đầu tiên?

Đáp: Trong Bát Thánh Đạo, lại kể Phần Tuệ đầu tiên là vì Tuệ ở đây còn yếu kém và là nguyên nhân. Vì ở trong Bát Thánh Đạo, lấy Chánh Định làm quan trọng hơn bảy Chi Đạo còn lại là phụ thuộc cho Chánh Định.

Còn trong Tam Học thì Chánh Định là Nhân, Tuệ là Quả. Nhân Quả có thể thay đổi với nhau, khi Tuệ còn yếu kém thì Tuệ là Nhân, Định là Quả. Ví như trong Bát Thánh Đạo thì Chánh Kiến là Chi Đạo dẫn đầu, là vì có Chánh Kiến thấy rõ chân chánh rồi mới thọ trì Giới. Có thọ trì Giới rồi mới có tu Thiền nhập Định được. Khi có được Nhập Định thì mới tiến tu Thiền Minh Sát được. Như vậy, Thiền Minh Sát phát sanh là do Trì Giới. Trì Giới được là do có Tuệ liễu tri chân chánh với Chánh Kiến trong việc thấy chân chánh. Ví như người trồng cây, trước tiên là lấy hạt giống đem gieo trồng. Hạt nảy mầm lên cây, làm cỏ, vun phân tưới nước, cây sẽ mọc lớn lên có hoa và trái. Như vậy, trái quả là nhờ có cây, cây có là nhờ vào hạt giống là từ nơi trái quả. Vì vậy, nên Nhân và Quả mới có thể thay đổi với nhau theo như trên.

Vấn: Từ ngữ Pāli “Magga – Đạo” có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Đạo là con đường dắt dẫn đưa đến Níp Bàn, hoặc là trạng thái diệt trừ lần lượt những Phiền Não. Như có câu Phật Ngôn như sau: **“Kilese marento gacchanti Maggo”** “Pháp nào có trạng thái diệt trừ Phiền Não một cách lần lượt, gọi là Đạo”.

Vấn: Vậ Đạo diệt trừ Phiền Não một cách lần lượt trong quá khứ, trong vị lai hoặc trong hiện tại?

Đáp: Phiền Não trong quá khứ cũng không có diệt trừ, Phiền Não trong hiện tại và vị lai cũng không có diệt trừ.

Vấn: Nếu Phiền Nã trong quá khứ, vị lai hoặc hiện tại đều không được diệt trừ, như vậy sự thực hành cho chứng đắc Đạo Quả thì thành ra là vô ích hay sao?

Đáp: Chẳng phải việc thực hành cho chứng đắc Đạo Quả là vô ích. Là vì Phiền Nã trong quá khứ, hiện tại và vị lai là không phải phận sự của Đạo diệt trừ được. Vì lẽ Đạo diệt trừ, đó là diệt trừ nguyên nhân hay phương tiện để phát sanh ra những Phiền Nã mà thôi.

Ví như cây mới mọc chưa có trái quả. Nếu muốn chặt bỏ đưng cho mọc thêm nữa thì không cần chặt hạt giống trước kia, hoặc trái quả chưa có hoặc cây vừa mới mọc đó, mà người ta chỉ cần đào tận gốc rễ bỏ đi thì cây mới không có thể mọc lên được.

Hành Giả chứng đắc Đạo được ví như người chặt đốn cây, hạt giống để mọc lên cây như Phiền Nã trong vị lai, cây non vừa mới mọc đó ví như Ngũ Uẩn hoặc Phiền Nã hiện tại, gốc rễ của cây ví như nguyên nhân của Phiền Nã, nếu diệt trừ hay đào gốc rễ của nguyên nhân thì tất cả Phiền Nã đều tự nó diệt tận. Cũng ví như cây mà người đào tất cả gốc rễ hết rồi vậy.

Vấn: Đạo có mấy bậc?

Đáp: Đạo có bốn bậc, đó là: Thất Lai Đạo, Nhất Lai Đạo, Bất Lai Đạo và Vô Sinh Đạo.

Vấn: Quả có mấy bậc?

Đáp: Quả cũng có bốn bậc tương tự với Đạo, là Thất Lai Quả, Nhất Lai Quả, Bất Lai Quả và Vô Sinh Quả.

Vấn: Đạo có phận sự để diệt trừ Phiền Nã, vậy còn Quả dùng để diệt trừ các chi?

Đáp: Quả không có phận sự để diệt trừ cái chi cả, chỉ có sự thọ hưởng lấy sự an vui tịch tịnh mà thôi. Ví như bệnh nhân khi đã hết bệnh thì không cần phải dùng đến thuốc chữa trị nữa. Phiền Nã được ví như căn bệnh, Đạo ví như thuốc chữa bệnh và sự lành mạnh hết bệnh được ví như Quả. Như vậy, Quả không cần phải diệt trừ bất luận Phiền Nã nào cả.

Vấn: Thánh Pháp là để thoát khỏi Tam Giới, như vậy tại sao các Bậc đã chứng đắc Thất Lai Quả, Nhất Lai Quả, Bất Lai Quả lại còn phải đi tục sanh trong Tam giới nữa?

Đáp: Quả thật vậy, Thánh Pháp có năng lực dắt dẫn chúng sanh ra khỏi Tam Giới, vì lẽ Đạo đã diệt trừ Phiền Nã thì những Phiền Nã ấy không thể nào phát sanh trở lại để đưa chúng sanh ấy đi tái tục được. Các vị chứng đắc Đạo Quả bậc thấp còn phải tục sanh là do năng lực của Pháp Thế Gian. Các vị chứng đắc Quả vị bậc thấp vẫn chưa diệt trừ hết các Phiền Nã, cho nên những Phiền Nã còn dư sót lại dắt các bậc này phải còn đi tục sanh trong Tam Giới nhiều hay ít, tùy theo Phiền Nã mà Đạo đã diệt trừ vẫn còn dư sót.

Ví như mười hai Tâm Bất Thiện đưa chúng sanh đi thọ sanh trong Tứ Ác Đạo. Tám Tâm Đại Thiện Dục Giới Tịnh Hào đưa chúng sanh đi thọ sanh trong Lục Dục Giới Thiên và Nhân Loại. Năm Tâm Thiện Thiền Sắc Giới đưa chúng sanh đi thọ sanh trong mười sáu Cõi Phạm Thiên Sắc Giới. Bốn Tâm Thiện Thiền Vô Sắc Giới đưa chúng sanh đi thọ sanh trong bốn Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới. Còn tám Thánh Pháp thì không có đưa chúng sanh đi thọ sanh vào trong Cõi Giới nào cả. Bởi vậy cho nên các Bậc này không có đi thọ sanh lại ở bất luận nơi nào, vì lý do những Thánh Pháp ấy, còn tái tục lại trong một vài kiếp nữa, đó là do nơi Pháp Thiện Hiệp Thế dẫn dắt đi.

Vấn: Ý nghĩa về Níp Bàn.

Đáp: Níp Bàn là thoát khỏi Phiền Nã bao vây chúng sanh hoặc là Pháp diệt tắt lửa Phiền Nã, lửa Khổ Đau. Lửa Phiền Nã đó là: lửa Tham, lửa Sân và lửa Si phát sanh lên nơi nội tâm làm cho Tâm bị uế trước, nóng nảy, bức bối. Còn lửa Khổ Đau là lửa Sanh, lửa Già, lửa Bệnh, lửa Chết, lửa buồn rầu, khóc than, thương tiếc, bức tức, v.v.

Chỉ có Níp Bàn mới diệt tắt lửa Phiền Nã và lửa Khổ Đau, vì lẽ nhưng loại lửa ấy không hiện hữu trong Níp Bàn. Hơn nữa, Níp Bàn lại diệt tắt cả các Pháp Hành Vi (***Sankhāra***) tạo tác, luôn cả các Tùy Phiền Nã và Ái Dục. Níp Bàn không phải là đất nước lửa gió, cũng không phải là cảnh giới của Cõi Vô Sắc Giới, cũng không phải ở trong vũ trụ này cũng như vũ trụ sẽ tới, hoặc cũng không phải là mặt trời hay mặt trăng. **Níp Bàn không phải đi từ làng này đến làng kia, xứ này qua xứ khác, bắt sanh bắt diệt, không có một trú xứ hoặc một Cõi Giới nào cả.**

Vấn: Tất cả trạng thái kể trên đều bác bỏ hết tất cả, như vậy Níp Bàn là Pháp rỗng không, không có hay sao?

Đáp: Không phải như vậy, Níp Bàn quả là có thực. Tuy nhiên vì Níp Bàn có trạng thái hết sức vi tế, chỉ có các bậc Thánh Nhân mới có khả năng để liễu tri được Níp Bàn qua Tuệ Nhãn mà thôi.

Vấn: Nếu quả thật là Níp Bàn là có thực, như vậy Níp Bàn ở tại nơi đâu?

Đáp: Níp Bàn là một Danh Pháp vô sắc tướng (***Arūpadhamma***) không có trú xứ như các Sắc Pháp thô thiển. Nói ở gần cũng được, ở xa cũng được. Ở gần là ở kế bên khi diệt hết Tham, Sân và Si. Còn ở xa thì Níp Bàn ở vượt thoát khỏi Tam Giới.

Vấn: Chỗ nói Níp Bàn là Danh Pháp Vô Sắc, vậy thì trú xứ ở đó lấy cái gì nâng đỡ?

Đáp: Có Pháp Xứ (***Dhammāyatana***) nâng đỡ vì Níp Bàn là Danh Pháp mà Pháp Xứ cũng là Danh Pháp, cho nên mới có thể nâng đỡ nhau được. Ví như, mây khói có sắc vi tế, khó mà nắm bắt hoặc níu kéo lại được, như không khí cũng tương tự, cho nên mới nâng đỡ cho mây khói được. Hơn thế nữa, Níp Bàn quả là xác thực, ví như một Quốc Độ là có thật, thì khi muốn đến quốc độ ấy thì xứ ấy chắc hẳn là có các con đường mà cuối con đường thì thế nào cũng đến quốc độ ấy được, như thế nào thì, Níp Bàn cũng có con đường Bát Chánh Đạo dắt dẫn đến cuối con đường thì lúc ấy sẽ đến Níp Bàn quả thật không sai trật.

Vấn: Quả là Níp Bàn có thực thì sao lại không được thấy?

Đáp: Vì Níp Bàn là Pháp “không phải là vật công cộng” (***Asādhāraṇa***) cho nên muốn thấy Níp Bàn phải là bậc Thánh Nhân đã xa lìa Phiền Nã mới thấy được, còn như hạng Phàm Nhân thì còn đầy Phiền Nã và tội lỗi thì làm sao có thể thấy được. Ví như có con ếch mẹ khi thì ở dưới nước với các ếch con (con nòng nọc), khi thì nhảy lên bờ khô đi chỗ này chỗ nọ. Khi trở về lại với nước thì các con ếch con mới hỏi Mẹ đi đâu? Ếch Mẹ nói, Mẹ đi lên trên bờ khô đất liền. Mấy con ếch con nói – Mẹ nói con không tin, vì có đất khô sao các con không thấy, không biết. Ếch Mẹ liền cười và nói – quả là bờ đất liền có thực nhưng các con chưa có thể thấy được là vì các con còn cái đuôi thì làm sao thấy đất liền được. Chờ khi nào các con rụng cái đuôi thành ra con ếch rồi, khi ấy các con sẽ thấy đất liền không sai.

Bài ngụ ngôn này có ý nói con ếch mẹ như bậc đã chứng đắc Đạo Quả. Đất liền như là Níp Bàn. Con nòng nọc như là hạng Phàm Nhân. Cái đuôi ví như Phiền Nã, khi rụng đuôi thì sẽ thấy được đất liền. Như khi

diệt được Phiền Não rồi thì sẽ thấy Níp Bàn vậy. Cho nên nói Níp Bàn là Pháp không phải công cộng cho hạng Phàm Nhân mà là một “Pháp đặc biệt” vậy.

Vấn: Như vậy, Níp Bàn còn dư sót cái gì?

Đáp: Chỉ còn lại Tuệ Quả (Phalanāna) mà thôi.

Vấn: Tuệ Quả ấy có do từ đâu?

Đáp: Tuệ Quả ấy có được do nhờ sự thẩm sát chú niệm các Pháp Hành, nhất là Ngũ Uẩn theo mười Pháp Tuệ Quán. Ví như trái dừa nếu để lâu thì nó sẽ thối hư, còn đem trồng thì nó sẽ mọc ra một cây khác nữa, nếu không muốn cho nó thối hư hoặc mọc ra cây khác nữa thì đem nạo trái dừa ra và thắng lấy dầu dừa, dầu để lâu cũng không thối hư và cũng chẳng còn giống để mọc ra cây khác được nữa. Cũng như Níp Bàn thanh lọc ra từ trong Ngũ Thủ Uẩn do nhờ vào kết quả của Tuệ Quán vậy.

Vấn: Níp Bàn là sự an vui tuyệt đối hay là còn lẫn lộn với sự Khổ Đau?

Đáp: Níp Bàn là sự an vui tuyệt đối, nên được gọi là “Ekantaparama sukha – An Vui Thù Thắng”

Vấn: Nếu Níp Bàn quả có thực và an vui tuyệt đối, như vật có thể ví dụ hình tướng và sự an vui tuyệt đối như thế nào của Níp Bàn hay không?

Đáp: Không thể đem ra ví dụ với việc này việc nọ được, vì Níp Bàn vô cùng vi tế, vượt qua khỏi tất cả các sự vật trong vũ trụ, cũng như biển cả quả thực là hữu hình, tuy nhiên với người chưa từng thấy biển cả lần nào thì làm sao mà đem ra ví dụ so sánh biển bao lớn, nước biển thì số lượng là bao nhiêu, trong biển thì có bao nhiêu cá, v.v.

Vấn: Níp Bàn không có thể đem ra ví dụ được, nhưng Ân Đức của Níp Bàn có thể so sánh với trạng thái nào khác được không?

Đáp: Có thể so sánh một cách tương đối được, chứ quả thật không thể so sánh một cách tuyệt đối được. Ví như giọt nước không thể dính trên lá sen như thế nào, thì Phiền Não không thể hiện hữu ở trong Níp Bàn được dường thế ấy. Hoặc ví như một người khát nước và nhờ uống được nước thì khỏe khoắn như thế nào, thì Níp Bàn cũng làm cho con người được an vui thanh tịnh dường thế ấy, vì lẽ Níp Bàn đã diệt tận Phiền Não đã làm cho nóng nảy, bức tức, khổ sở vậy.

Vấn: Níp Bàn có đặc tính như thế nào?

Đáp: Níp Bàn có đặc tính là diệt tận các Pháp Vô Minh, Ái Dục, Tham, Sân, Si, luôn cả tất cả Pháp làm cho chúng sanh bị uế trược, phải chịu luân hồi mãi trong vòng Sanh Tử.

Vấn: Níp Bàn có phận sự như thế nào?

Đáp: Níp Bàn có phận sự là Bất Tử (Acuti) – không ở dưới mãnh lực của tất cả Pháp Hữu Vi nào, Níp Bàn là bất sanh bất diệt, không rã tan. Hơn nữa, Níp Bàn có phận sự là làm cho Thân Tâm của bậc Thánh Nhân được an vui, thanh tịnh, tịnh lạc, tự tại, thoát khỏi tất cả sự bận rộn, bức tức, nóng nảy của Thân Tâm.

Vấn: Cái chi là Quả của Níp Bàn?

Đáp: Níp Bàn có trạng thái thoát khỏi “Cảnh giới của Pháp Hữu Vi”. Hơn nữa, Níp Bàn là nguyên nhân diệt tất cả các Pháp Nghịch, nhất là Tham Dục (Kāmarāga) là Quả.

Vấn: Níp Bàn có những Ân Đức chi?

Đáp: Níp Bàn có rất nhiều Ân Đức, có thể bao gồm trong ba mươi hai Ân Đức như sau:

1. **Ajāti:** Vô Sanh.
2. **Ajaram:** Bất Lão.
3. **Abyādi:** không còn đau đớn.
4. **Nibbhayam:** không còn điều kinh sợ.
5. **Asankhatam:** không có nguyên nhân tái tạo.
6. **Bhavabhinidam:** bẻ gãy Tam Giới.
7. **Sukham:** an vui.
8. **Khemam:** an tịnh.
9. **Tānam:** là nơi nương nhờ.
10. **Lenam:** là nơi ẩn núp.
11. **Niccām:** không thay đổi.
12. **Acalam:** không rung động.
13. **Dhuvasassatam:** trường tồn.
14. **Avattasāram:** không còn luân hồi.
15. **Sukhamaddanam:** dứt bỏ sự an vui Hiệp Thế của cảnh Người và Thiên Giới.
16. **Khudda maddanam:** chế ngự sự đối.
17. **Pipasanca vinayam:** dứt bỏ sự khát.
18. **Manālayam:** không có sự luyến tiếc.
19. **Sammagghāta vajjam datthesam:** diệt trừ các điều tội lỗi nơi nội tâm.
20. **Visankhānam:** không còn Pháp Hữu Vi của Danh và Sắc.
21. **Vivajjam:** không có điều tội lỗi.
22. **Tanhākhayam:** diệt trừ Ái Dục.
23. **Vibhavam:** xa lìa Tam Giới.
24. **Virāgam:** không có Tham Dục.
25. **Vitamoham:** không còn si mê.
26. **Nirodham:** diệt sự Khổ.
27. **Animittam:** không còn hiện tượng.
28. **Santabhāvam:** Phiền Não được chìm lắng.
29. **Arāsākaram:** Níp Bàn không có hương vị của Ái Dục.
30. **Appasāsanca:** dứt bỏ sự vui thích trong Tâm.
31. **Sitam:** mát mẻ.
32. **Amatam:** bất tử.

Trên đây là những Thánh Pháp mà Đức Phật đã khéo giảng giải một cách thiện hảo vậy.

Vấn: Ý nghĩa của từ ngữ “Sanditthiko”.

Đáp: Là Pháp mà chính tự Chư Thánh Nhân thấy rõ nhờ kiến tánh. Có nghĩa là khi Chư Thánh Nhân đã diệt trừ Phiền Não rồi thì tự mình liễu tri Thánh Đạo (**Ariyamagga**). Với hạng Phàm Phu, khi chưa diệt trừ được Phiền Não, nhất là Tham Dục thì có lúc suy nghĩ mưu mô để hãm hại người khác, hoặc có khi cũng hại mình. Phải chịu lãnh khổ đau. Còn như các bậc Thánh Nhân liễu tri Chân Lý, là chứng đắc Đạo Quả rồi thì không còn có Tâm toan tính hãm hại ai cả, nên hằng được sự an vui, bởi do nhờ kiến tánh. Hơn nữa, bốn Đạo bốn Quả và một Níp Bàn là chín Pháp Thánh mà bậc đã giác ngộ rồi thì không còn nghe và tín theo người khác nữa, bởi tự mình kiến tánh thấy chắc, biết chắc do nhờ vào Tuệ Minh Sát. Lại nữa, các bậc Thánh Nhân đã chiến thắng được Phiền Não do nhờ kết hợp với Thánh Quả và Níp Bàn.

Vấn: Ý nghĩa của từ ngữ “Akāliko”.

Đáp: Là Pháp chứng đắc Đạo Quả không chờ ngày giờ. Có nghĩa là khi Thánh Đạo đã phát sanh lên cho người nào rồi thì Thánh Quả liền phát sanh ngay kế đó, không chậm trễ, không có thời gian để chờ đợi như năm, bảy ngày hay là một ngày hoặc nửa ngày rồi mới trở sanh Thánh Quả. Có nghĩa là Tâm Đồng Lực Đạo khởi sanh lên rồi diệt mất thì Tâm Đồng Lực Quả phát sanh lên kế liền sát na, không cho một Tâm Đồng Lực nào khác xen vào được. Do vậy, mới được gọi là “*Pháp không chờ thời gian*”.

Vấn: Ý nghĩa của từ ngữ “Ehipassiko”.

Đáp: Là Pháp khi đã chứng đắc Đạo Quả rồi thì có thể chỉ dạy cho người khác được biết, được thấy về Thánh Pháp. Vì lẽ Thánh Pháp có trạng thái xác thực, thanh tịnh. Ví như ở trong tay của người không có vàng thì không thể nào kêu một ai đến thấy được. Thánh Pháp là Chánh Pháp, là chân lý, là thanh tịnh trong suốt như vàng trắng rằm, hoặc chiếu sáng như ngọc Mani, do vậy mới xứng đáng để cho người khác được đến nhìn xem.

Vấn: Ý nghĩa của từ ngữ “Opanayiko”.

Đáp: Là Pháp của các bậc Thánh Nhân nên để trong nội tâm là thẩm sát chú niệm. Có nghĩa là Thánh Pháp mà các bậc Thánh Nhân đã để trong nội tâm rồi thì cho dù bị lửa cháy đốt xác thân cũng không nao núng. Hơn nữa, Thánh Đạo đang chú mục vào Thánh Quả và Níp Bàn cũng gọi là “*thẩm sát chú niệm ở nội tâm*”.

Vấn: Trong câu Phật Ngôn “Paccattam veditabbo vinnūhi” ti” là có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Là Pháp mà các bậc Thượng Trí tự chứng tri nơi nội tâm. Có nghĩa là có ba bậc Thánh Nhân, là hạng Thượng Trí, Trung Trí và Hạ Trí, tự liễu tri ở nội tâm rằng: Đạo Quả mà Ta đã thực hành xong rồi, Níp Bàn là nơi diệt Khổ mà Ta đã làm cho thấu đáo rồi.” Vì lẽ Thánh Pháp chỉ có các hạng Thánh Nhân được liễu tri ở nội tâm mà thôi.

Hơn nữa, một thuở nọ, Đại Trưởng Lão **Upavana** đi đến đánh lễ Đức Phật và tác bạch rằng “Kính bạch Đức Thế Tôn, Pháp thường được đọc tụng với câu kệ như sau “**Sanditthiko cho đến Paccattam veditabbo vinnūhi’ ti**” có nghĩa là tự mình liễu tri Chân Lý, v.v. do bởi nguyên nhân nào?”.

Đức Phật trả lời rằng: Nay **Upavana**, vị Tỳ Khưu trong Giáo Pháp này, khi Nhãn Căn thấy Sắc Trần thì cảm giác biết rõ Ta vui hay buồn, biết rõ sự ưa thích trong Sắc Trần ấy, biết rõ Ta có sự ưa thích trong Sắc Trần ấy. Khi Nhĩ Căn tiếp xúc với Thính Trần, Tỷ Căn tiếp xúc với Khí Trần, Thiệt Căn tiếp xúc với Vị Trần, Thân Căn tiếp xúc với Xúc Trần, Ý Căn tiếp xúc với Pháp Trần, rồi khởi sanh cảm thọ liễu tri Ta có vui hay

buồn đối với những Pháp Trần ấy, biết rõ sự ưa thích trong những Pháp Trần ấy, biết rõ Ta có sự ưa thích trong những Pháp Trần ấy. Nay **Upavana**, vị Tỳ Khưu liễu tri Ta vui hay buồn đối với Pháp Trần ấy, biết rõ sự ưa thích trong Pháp Trần ấy, biết rõ Ta có sự ưa thích trong Pháp Trần ấy, do bởi nguyên nhân nào. Nay Upavana, Pháp mà người được chứng tri về Chân Lý rõ như thế vậy.”

Hoặc khi tiếp xúc giữa Lục Căn và Lục Trần, liền biết rõ Lục Trần ấy làm cho Tâm khởi lên sự ưa thích và không ưa thích theo Lục Trần ấy, rằng Ta không có Tâm ưa thích theo Lục Trần ấy, như vậy gọi là Pháp mà bậc Thượng Trí tự thấy, tự biết ở nơi Tâm. Do vậy được gọi là **Opanayiko**.

Về Ân Đức Pháp Bảo như đã được giảng giải ở trên đây, đều là những Ân Đức cao thượng thù thắng của bậc Thánh Nhân mà hạng Phàm Nhân không thể có được.

DỨT PHẦN ÂN ĐỨC PHÁP BẢO.

B. SANGHA GUNA – ÂN ĐỨC TĂNG BẢO

Vấn: Từ ngữ “*Sangha – Tăng Đoàn*” có ý nghĩa như thế nào? Có mấy hạng? Có bao nhiêu Ân Đức?

Đáp: Từ ngữ “*Sangha – Tăng Đoàn*” có nghĩa là “Nhóm” hoặc “Hội chúng”. Có hai hạng là “*Sammati Sangha – Phàm Tăng*” là một nhóm Tỳ Khưu Tăng từ bốn vị tu sĩ xuất gia trở lên để hành Tăng Sự, và chưa chứng đắc Thánh Đạo Thánh Quả. Và “*Ariya Sangha – Thánh Tăng*” là một nhóm vị Tỳ Khưu Tăng đã chứng đắc Thánh Đạo Thánh Quả.

Tăng Đoàn có nghĩa là “*gần nhau*” là vì các bậc Thánh Nhân cho dù ở xa cách nhau, ở xứ này hay xứ nọ, khác biệt nhau về dòng giống, nhưng cũng gọi là gần nhau, vì chỉ có một khuôn khổ là Giới Đức và Kiến Thức tương tự như nhau. Hơn nữa, Tăng Đoàn có nghĩa là “*người đào tận Phiền Não*” bởi vì các vị ấy cố gắng đào bới các gốc rễ của Phiền Não, nhất là Tham Dục cho thoát khỏi ở nơi Thân Tâm.

Tăng Đoàn, nếu chia theo hạng Thánh Văn thì có hai thể loại: *Phàm Thánh Văn (Puthujjana Sāvaka)* và *Thánh Thánh Văn (Ariya Sāvaka)*. Nhóm người chỉ nghe những huấn từ của Đức Phật hay là của các hàng Thánh Văn đệ tử Phật, nhưng vẫn chưa chứng đắc Đạo Quả, chỉ có đức tin thuần túy và đã quy y Tam Bảo, gọi là Phàm Thánh Văn. Còn nhóm người khi được Giáo Pháp của Đức Phật hoặc được nghe từ bậc Thánh Văn đệ tử Phật, rồi được chứng đắc Đạo Quả ngay trong lúc đang Thánh Pháp hoặc được Thánh Pháp xong, đem ra thực hành trong một thời gian sau đó, rồi chứng đắc Đạo Quả, gọi là Thánh Thánh Văn. Hàng Chư Tăng ấy có rất nhiều Ân Đức, nhất là “*Supatipanno*” các Ngài đã thực hành rất tốt đẹp.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành rất tốt đẹp?

Đáp: Các Ngài đã thực hành đúng theo Chánh Pháp, thực hành không trở lui lại, thực hành cho đến Níp Bàn, thực hành không trái nghịch và thực hành theo Giáo Pháp.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành đúng theo Chánh Pháp?

Đáp: Là thực hành đúng theo con đường Thánh Đạo Thánh Quả, là thực hành theo Giới – Định và Tuệ.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành không có trở lui lại?

Đáp: Là khi đã thực hành cho đến thành bậc Thánh Nhân thì không khi nào lùi trở lại làm bậc Phàm Nhân được.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành cho đến Níp Bàn?

Đáp: Là thực hành theo Thiền Minh Sát cho đến Tuệ Thuận Tòng xuôi chiều theo Níp Bàn.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành không trái nghịch?

Đáp: Là thực hành không trái nghịch lại với Níp Bàn.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành theo Giáo Pháp?

Đáp: Là thực hành đúng theo Giáo Pháp “*Dhammānudhammapatipadā*” Pháp Tùy Thuận Giáo Pháp, là con đường đi Níp Bàn. Vì lẽ các Ngài thực hành cho đến Đạo Quả, nên gọi là thực hành theo Giáo Pháp. Hơn nữa, Chư Tăng thực hành theo huấn từ của Đức Phật đã giảng dạy, không sai trật chút nào, gọi là thực hành tốt đẹp. Lại nữa, các Ngài lấy Giới Luật làm hàng rào để ngăn ngừa, kẻ nghịch là điều tội lỗi và Phiền Não. Lấy Định làm nền tảng để chế ngự các Pháp Ác xâm nhập vào các Tâm Thiện. Lấy Trí Tuệ làm

ngọn đèn soi sáng bên trong các Pháp Hữu Vi, nhất là Ngũ Uẩn cho thấy rõ là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã, và làm cho Trí Tuệ sắc bén để diệt tận các Pháp ngũ ngầm trong Tâm rất là vi tế. Với bậc tu tập hạng Thấp thì các Ngài cũng chứng đắc Thất Lai Quả và diệt được ba Hạ Phần Kiết Sử (*Samyojana*) là Thân Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ. Do tự mình thấy rõ sự thanh tịnh duyên bởi Tam Vô Lậu Học là Giới, Định và Tuệ nên được gọi là thực hành tốt đẹp.

Vấn: Từ ngữ “Ujupatipanno” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Là các Ngài thực hành chân chánh và trung thực.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành chân chánh?

Đáp: Là thực hành không nghiêng ngã, nương theo con đường Trung Đạo, trực chỉ thẳng đến Níp Bàn, không ngã nghiêng theo Pháp Lợi Dưỡng (*Kāmasukhallikānuyoga*), không ngã nghiêng theo Pháp Khổ Hạnh (*Attakilamathānuyoga*), tất cả đều là con đường sai trật và không thể đến Níp Bàn. Hơn nữa, các Ngài thực hành chân chánh để dứt bỏ sự cứng rắn, sự nghịch ngợm, quang co và gian xảo của Thân Lờ và Ý, nên được gọi là thực hành chân chánh.

Vấn: Từ ngữ “Nāyapatipanno” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Là các Ngài thực hành cho được giác ngộ Níp Bàn.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành cho được giác ngộ Níp Bàn?

Đáp: Là thực hành đúng theo Chánh Pháp cho thấy rõ Níp Bàn. Hơn nữa, các Ngài thực hành cho thoát khỏi vòng luân hồi, không vì danh hoặc vì lợi để về các Cõi Thiên Giới, hoặc muốn cho mọi người khen ngợi trong hiện tại, cho nên mới gọi là “Nāyapatipanno”.

Vấn: Từ ngữ “Sāmicipatipanno” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Là các Ngài thực hành xứng đáng cho người lễ bái.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành xứng đáng cho người lễ bái?

Đáp: Các Ngài thực hành theo con đường chân chánh, là Giới – Định và Tuệ, trau dồi Thân Lờ và Ý trực thẳng đến Níp Bàn xứng đáng cho người chấp tay vái chào, lễ bái.

Vấn: Câu kệ là “Yadidam cattāri purisayugāni attha prurisapuggalā” có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Là Chư Tăng, nếu đếm đôi thì có bốn bậc, còn nếu đếm chiếc thì có tám bậc.

Vấn: Nếu đếm đôi thì có bốn bậc, còn nếu đếm chiếc thì có tám bậc có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Đó là:

- Bậc đã chứng đắc Đạo và Quả Thất Lai là một đôi.
- Bậc đã chứng đắc Đạo và Quả Nhất Lai là một đôi.
- Bậc đã chứng đắc Đạo và Quả Bất Lai là một đôi.
- Bậc đã chứng đắc Đạo và Quả Vô Sinh là một đôi.

Còn nếu tính theo chiếc, riêng lẻ thì có bốn bậc chứng đắc Đạo và bốn bậc chứng đắc Quả, thành ra là có tám bậc.

Vấn: Với bậc đã chứng đắc Quả Thất Lai thì dứt bỏ được những Tâm Bất Thiện nào?

Đáp:

- Dứt bỏ được bốn Tâm Tham Tương Ưng Kiến và một Tâm Si Hoài Nghi, kết hợp lại thành năm Tâm Bất Thiện.
- Dứt bỏ được ba Hạ Phần Kiến Sử là Thân Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ.
- Dứt bỏ được hai Pháp ngủ ngầm là Tà Kiến ngủ ngầm và Hoài Nghi ngủ ngầm.

Vấn: Sự thẩm sát của bậc Thất Lai như thế nào?

Đáp: Sự thẩm sát của bậc Thất Lai có năm điều là:

1. Thẩm sát về Đạo
2. Thẩm sát về Quả
3. Thẩm sát về Phiền Não đã dứt bỏ
4. Thẩm sát về Phiền Não còn dư sót
5. Thẩm sát về Níp Bàn

Vấn: Có mấy hạng bậc Thất Lai?

Đáp: Có ba hạng của bậc Thất Lai, đó là:

1. **Ekabijī:** là bậc còn phải tái tục lại làm người một lần nữa rồi mới chứng đắc Quả Vô Sinh và không còn tái sanh nơi nào nữa cả.
2. **Kolamkola:** là bậc phải tái sanh vào gia tộc này hoặc gia tộc khác trong hai hoặc ba kiếp rồi mới chứng đắc Quả Vô Sinh.
3. **Sattakkhattum parama:** là bậc phải tái tục vào Cõi Thiên Giới và Nhân Loại trong bảy kiếp rồi mới chứng đắc Quả Vô Sinh và viên tịch Níp Bàn trong kiếp cuối cùng ấy.

Vấn: Tại sao lại phải chia bậc Thất Lai ra làm nhiều hạng như vậy?

Đáp: Các bậc ấy sai biệt với nhau là vì do nơi Tuệ Minh Sát, như bậc chỉ còn một kiếp nữa là nhờ vào Tuệ Minh Sát mạnh mẽ, sáng suốt mãnh liệt. Với bậc còn hai hoặc ba kiếp nữa là do việc tu tập Tuệ Minh Sát chỉ là trung bình, không mạnh liệt lắm. Với bậc còn bảy kiếp là Tuệ Minh Sát hơi yếu kém.

Vấn: Bậc Thất Lai có đầy đủ Pháp nào?

Đáp: Bậc Thất Lai có đầy đủ Giới Hạnh.

Vấn: Ngoài ra, bậc Thất Lai còn chia thêm hạng nào nữa không?

Đáp: Ngoài ba hạng vừa kể trên, còn chia theo Sát Na (**khana**) Tâm dứt bỏ Phiền Não có hai mươi bốn bậc là: lấy bốn Pháp Hành (**patipadā**) nhân cho hai Phận Sự (**dhura**), như là:

- Bậc còn một kiếp đều có bốn Pháp Hành.
- Bậc còn hai hoặc ba kiếp cũng có bốn Pháp Hành.
- Bậc còn bảy kiếp cũng có bốn Pháp Hành.

Tất cả có mười hai Pháp Hành và đem nhân cho hai Phận Sự nữa, thì thành ra có hai mươi bốn hạng cả thảy.

Vấn: Với bậc đã chứng đắc Quả Nhất Lai thì dứt bỏ được những Tâm Bất Thiện nào?

Đáp:

- Dứt bỏ được bốn Tâm Tham Tương Ứng Kiến, hai Tâm Sân Tương Ứng Khuể Phẩn.
- Dứt bỏ được ba Hạ Phần Kiết Sử là Thân Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ.
- Dứt bỏ được hai Pháp ngủ ngầm là Tà Kiến ngủ ngầm và Hoài Nghi ngủ ngầm.
- Làm giảm bớt hai Hạ Phần Kiết Sử còn lại là Tham Dục thô thiển và Sân Hận thô thiển.

Còn phải tục sanh trong Cõi Dục Giới một lần nữa rồi mới chứng đắc Quả Vô Sinh và viên tịch Níp Bàn.

Các Ngài cũng thẩm sát năm Pháp như bậc Thất Lai vậy.

Vấn: Bậc Nhất Lai nếu chia theo Sát Na Tâm dứt bỏ Phiền Nã thì có được mấy hạng?

Đáp: Có tất cả là mười hai hạng, là chia theo ba Pháp Giải Thoát (**Vimokkha**), mỗi Pháp Giải Thoát có bốn Pháp Hành, do vậy có được mười hai hạng.

Vấn: Có bậc đã chứng đắc Quả Bất Lai thì dứt bỏ được những Tâm Bất Thiện nào?

Đáp:

- Dứt bỏ được tám Tâm Tham, hai Tâm Sân Tương Ứng Khuể Phẩn.
- Dứt bỏ được ba Hạ Phần Kiết Sử là Thân Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ.
- Dứt bỏ được hai Hạ Phần Kiết Sử còn lại là Tham Dục và Sân Hận.

Các Ngài cũng thẩm sát năm Pháp như bậc Thất Lai vậy.

Vấn: Bậc Bất Lai chia ra làm mấy hạng?

Đáp: Chia ra làm năm hạng, đó là:

1. **Antaraparinibbāyi**: là khi tục sanh về Cõi Phạm Thiên Sắc Giới chưa đến phân nửa tuổi thọ ở Cõi Phạm Thiên ấy thì được chứng đắc Quả Vô Sinh và Níp Bàn luôn lúc ấy.
2. **Upahacca parinibbāyi**: là khi tục sanh về Cõi Phạm Thiên Sắc Giới được hơn phân nửa và gần hết tuổi thọ ở Cõi Phạm Thiên ấy thì được chứng đắc Quả Vô Sinh và Níp Bàn luôn lúc ấy.
3. **Asankhāra parinibbāyi**: là bậc chứng đắc Quả Vô Sinh và dứt bỏ năm Thượng Phần Kiết Sử một cách dễ dàng, không khó khăn chi cả.
4. **Sasankhāra parinibbāyi**: là bậc tu tập để dứt bỏ năm Thượng Phần Kiết Sử và chứng đắc Quả Vô Sinh một cách vô cùng khó khăn, phải cố gắng hết sức mới thành đạt được.
5. **Uddhamsoto akanitthagāmi**: là bậc tục sanh về Ngũ Tịnh Cư Sắc Giới Thiên (**Suddhāvāsa**) và tiến tu tuần tự theo hết năm Cõi Sắc Giới Thiên rồi mới chứng đắc Quả Vô Sinh và Níp Bàn luôn lúc ấy. Việc tiến tu tuần tự theo từng Cõi Phạm Thiên Sắc Giới như sau:
 - a. Do Tín mạnh, bậc Bất Lai tục sanh về Cõi Vô Phiền Sắc Giới Thiên (**Avihā**) cho hết tuổi thọ tại đây và tục sanh về Cõi Vô Nhiệt Sắc Giới Thiên.
 - b. Do Tấn mạnh, bậc Bất Lai tục sanh về Cõi Vô Nhiệt Sắc Giới Thiên (**Atappā**) cho hết tuổi thọ tại đây và tục sanh về Cõi Thiện Hiện Sắc Giới Thiên.
 - c. Do Niệm mạnh, bậc Bất Lai tục sanh về Cõi Thiện Hiện Sắc Giới Thiên (**Sudassā**) cho hết tuổi thọ tại đây và tục sanh về Cõi Thiện Kiến Sắc Giới Thiên.

- d. Do Định mạnh, bậc Bất Lai tục sanh về Cõi Thiện Kiến Sắc Giới Thiên (*Sudassī*) cho hết tuổi thọ tại đây và tục sanh về Cõi Sắc Cứu Cánh Sắc Giới Thiên.
- e. Do Tuệ mạnh, bậc Bất Lai tục sanh về Cõi Sắc Cứu Cánh Sắc Giới Thiên (*Akanittha*) thì chứng đắc Quả Vô Sinh và dứt bỏ năm Thượng Phần Kiết Sử, viên tịch Níp Bàn luôn lúc ấy.

Trong bốn Cõi đầu tiên là từ Cõi Vô Phiền Sắc Giới Thiên cho đến Cõi Thiện Kiến Sắc Giới Thiên có đủ cả năm hạng, do đó kết hợp lại thì có được hai mươi hạng. Riêng về Cõi Sắc Cứu Cánh Sắc Giới Thiên thì trừ ra hạng thứ năm, là *Uddhamsoto akanitthagāmi*, do đó, bậc Bất Lai có được hai mươi bốn hạng và nhân cho hai Phận Sự (*dhūra*) là Tín Phận Sự (*Saddhādhūra*) và Tuệ Phận Sự (*Pannādhūra*), như thế có được bốn mươi tám hạng.

Vấn: Bậc Bất Lai có đầy đủ những Pháp chi?

Đáp: Các Ngài có đủ Pháp Thiền Định.

Vấn: Còn bậc Vô Sinh dứt bỏ được bao nhiêu Pháp Bất Thiện?

Đáp:

- Các Ngài dứt bỏ tất cả những mười hai Tâm Bất Thiện.
- Dứt bỏ được năm Pháp Thượng Phần Kiết Sử là Ái Sắc, Ái Vô Sắc, Ngã Mạn, Phóng Dật và Vô Minh.
- Dứt bỏ được ba Pháp ngũ ngầm là Ngã Mạn, Ái Dục và Vô Minh.

Vấn: Bậc Vô Sinh thẩm sát với những Pháp chi?

Đáp: Các Ngài thẩm sát chỉ có bốn Pháp như ở bậc Thất Lai. Không còn việc thẩm sát ở phần những Phiền Não còn dư sót, vì lẽ các Ngài đã diệt trừ tuyệt hết Phiền Não.

Vấn: Bậc Vô Sinh được chia ra làm mấy bậc?

Đáp: Bậc Vô Sinh được chia ra làm bốn bậc, đó là:

- **Sukhavipassako – Lạc Quán (Thiền Khô):** là các bậc do nhờ tu tập Tuệ Quán làm cho Phiền Não khô cạn hết và chứng đắc Quả Vô Sinh, và không có chứng đắc các Pháp Thắng Trí.
- **Chalabhinno – Lạc Thắng Trí:** là các bậc chứng đắc Quả Vô Sinh luôn cả chứng đắc Lục Thắng Trí.
- **Patisambhido – Vô Ngại Giải:** là các bậc chứng đắc Quả Vô Sinh cùng với Tứ Vô Ngại Giải.
- **Te Vijjo – Tam Minh:** là các bậc chứng đắc Quả Vô Sinh cùng với Tam Minh.

Cả bốn bậc Vô Sinh này chia ra làm hai nhóm là *Sukkha vipassako* và *Samatha yānaka*. Nếu chia theo ba Pháp *Vimokkha* thì trong mỗi *Vimokkha* (Giải Thoát) có bốn Pháp, thành ra có được mười hai bậc cho cả hai nhóm *Sukha vipassako* được mười hai bậc, và *Samatha yānaka* được mười hai bậc. Kết hợp lại cả hai nhóm này lại thì có được hai mươi bốn hạng.

Vấn: Các bậc Vô Sinh có đầy đủ những Pháp chi?

Đáp: Các bậc Vô Sinh có đầy đủ Trí Tuệ.

Kết hợp lại, tất cả các bậc Thánh Nhân có đến một trăm lẻ tám, là:

1. Hai mươi bốn hạng thuộc về bậc Thất Lai.
2. Mười hai hạng thuộc về bậc Nhất Lai.
3. Bốn mươi tám hạng thuộc về bậc Bất Lai.
4. Hai mươi bốn hạng thuộc về bậc Vô Sinh.

Vấn: Thế nào gọi là Pháp Hành (Patipāda)?

Đáp: Có bốn loại Pháp Hành, đó là:

1. **Dukkhapatipadābhinnā**: khi thực hành một cách khổ sở và khi chứng đắc Đạo Quả cũng rất khó khăn.
2. **Sukhāpatipadā dandābhinnā**: khi thực hành rất dễ dàng nhưng khi chứng đắc Đạo Quả lại khó khăn.
3. **Dukkhapatipadā khippābhinnā**: khi thực hành rất khó khăn nhưng khi chứng đắc Đạo Quả một cách dễ dàng.
4. **Sukhāpatipadā khippābhinnā**: khi thực hành rất dễ dàng và khi chứng đắc Đạo Quả cũng rất dễ dàng.

Vấn: Do bởi những nguyên nhân nào có sự thực hành khó khăn và dễ dàng?

Đáp: Do hành giả có sự sai biệt về nền tảng (**Indriya – Quyền**) và Phiền Não (**Kilesa**) mạnh yếu khác nhau, như sau:

1. Hành giả thực hành khó khăn và chậm trễ là do bởi Phiền Não quá mạnh và khi chứng đắc Đạo Quả chậm trễ là do bởi nền tảng của Quyền yếu kém. Ví như người bị bệnh nặng đi bộ đến nhà bác sĩ, khi đi đến cũng lâu và khó khăn. Khi đến được rồi và bác sĩ chữa trị, thì lại đi kiểm thuốc, thuốc lại rất khan hiếm, do vậy phải rất lâu và rất nhiều khó khăn mới được lành bệnh.
2. Hành giả thực hành dễ dàng mau chóng và khi chứng đắc Đạo Quả lại chậm trễ khó khăn là do bởi Phiền Não ít, nhưng nền tảng của Quyền lại rất yếu kém. Ví như người bị bệnh nhẹ, khi đi đến nhà bác sĩ thì rất mau nhưng lúc đi kiểm thuốc thì thuốc lại rất khan hiếm, do đó cũng rất lâu lành bệnh.
3. Hành giả thực hành rất lâu và khó khăn, khi chứng đắc Đạo Quả thì lại rất dễ dàng và mau lẹ. Ví như người bị bệnh nặng, đi bộ đến nhà bác sĩ thì rất lâu và khó khăn, nhưng khi chữa bệnh thì lại rất dễ dàng và mau lành bệnh vì có thuốc đầy đủ dồi dào.
4. Hành giả thực hành mau lẹ và dễ dàng, khi chứng đắc Đạo Quả cũng mau chóng. Ví như người bị bệnh nhẹ, khi đi đến nhà bác sĩ cũng mau lẹ và khi chữa bệnh cũng mau lẹ và dễ dàng, là do nhờ có thuốc dồi dào và đầy đủ.

Phiền Não ví như căn bệnh. Ngũ Quyền ví như thuốc chữa bệnh. Hơn nữa, ví như người đi tìm kiếm bò.

1. Với người thứ nhất, khi đi kiếm bò phải đi vào rừng sâu và khi gặp bò cũng ở trong rừng già. Đường thể ấy, hành giả khi thực hành cũng khó khăn và khi chứng đắc Đạo Quả cũng chậm trễ.
2. Với người thứ hai, khi đi kiếm bò thì đi theo con đường làng dễ dàng nhưng khi gặp bò thì lại gặp ở trong rừng già. Đường thể ấy, hành giả khi thực hành rất dễ dàng nhưng khi chứng đắc Đạo Quả lại chậm trễ khó khăn.
3. Với người thứ ba, khi đi kiếm bò thì đi vào trong rừng già nhưng khi gặp bò lại ở nơi đồng cỏ. Đường thể ấy, hành giả khi thực hành rất khó khăn nhưng khi chứng đắc Đạo Quả thì lại dễ dàng mau lẹ.

4. Với người thứ tư, khi đi kiếm bò thì đi theo con đường làng và khi gặp bò cũng ở nơi đồng cỏ. Đường thể ấy, hành giả khi thực hành cũng mau lẹ dễ dàng và khi chứng đắc thì cũng dễ dàng mau chóng.

Ngụ ngôn về người đi kiếm bò là hành giả, bò là Thánh Đạo, rừng già là Phiền Nảo nhiều, đường làng là Phiền Nảo ít. Hành giả thực hành và chứng đắc Đạo Quả sai biệt với nhau, như đã được giải thích ở phần trên.

Vấn: Từ ngữ “*Esa bhagavato sāvakaṅgaṃ*” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Tất cả Chư Tăng như vừa giải thích ở trên, đều là Thánh Văn đệ tử của Đức Phật.

Vấn: Từ ngữ “*Āhuneyya*” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Là các Ngài xứng đáng thọ lãnh Tứ Vật Dụng của những thí chủ đem đến cúng dường.

Giải thích rằng: Tứ Vật Dụng, nhất là y Casa mà Tín Thí từ gần hoặc xa đem đến để dâng cúng cho người có Giới Hạnh. Tất cả Tứ Vật Dụng ấy, Chư Tăng là bậc Thánh Văn đệ tử của Đức Phật xứng đáng để thọ lãnh, bởi vì các Ngài có thể làm cho Tứ Vật Dụng ấy có được nhiều Phước Báo, do bởi Thiện công đức của các Ngài. Cho nên mới gọi là người xứng đáng thọ lãnh Tứ Vật Dụng của Tín Thí.

Vấn: Từ ngữ “*Pāhuneyya*” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Là các Ngài xứng đáng thọ lãnh Tứ Vật Dụng mà người sắm sửa dùng để đãi khách.

Giải thích rằng: những vật dụng mà người sắm sửa để tiếp rước thân bằng quyến thuộc quý mến từ phương xa đến, nhưng lại đem đến dâng cúng cho Chư Tăng. Vì những người khách đến ấy, không có đủ đức hạnh bằng của Chư Tăng. Hơn nữa, các Ngài có oai nghi xứng đáng cho người phát tâm trong sạch, quý mến, nhất là Giới Đức. Bởi vậy, Tứ Vật Dụng dùng để tiếp đãi khách từ phương xa, lại mang ra đem dâng cúng đến cho các Ngài.

Vấn: Từ ngữ “*Dakkhineyya*” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Là các Ngài xứng đáng thọ lãnh các vật dụng của Dakkhinādāna.

Giải thích rằng: người có đức tin về Lý Nhân Quả, đem vật dụng ra để xả thí, gọi là Dakkhinādāna. Chư Tăng là bậc Thánh Văn có thể làm cho Phước Thí của thí chủ được nhiều quả Phước Báo, nên xứng đáng thọ lãnh của Phước Thí ấy vậy.

Vấn: Từ ngữ “*Anjālikāraniyo*” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Là các Ngài xứng đáng cho chúng sanh lễ bái.

Giải thích rằng: Chư Tăng là Thánh Văn đệ tử của Đức Phật, các Ngài xứng đáng cho chúng sanh lễ bái, là vì các Ngài có nhiều đức lành. Với chúng sanh hội túc duyên khi được trông thấy các Ngài với cặp mắt Từ Ái, hoặc với cặp mắt cảm mến, hoặc từ nơi sự cung kính lễ bái thì quả Phước Báo trở sanh cho những kiếp sau được sanh trong dòng giống cao quý và có nhiều quyền tước cao trọng.

Vấn: Câu kệ là “*Anuttaram punnakkhettaṃ lokassa’ ti*” có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Các Ngài là Phước Điền của chúng sanh không đâu sánh bằng.

Giải thích rằng: Chư Tăng là Thịnh Văn đệ tử của Đức Phật là thửa ruộng quý báu nhất của chúng sanh không đâu sánh bằng. Khi con người muốn gieo hạt giống chi, như là lúa nếp, đậu mè, bắp khoai chi chi, cũng đều đi tìm kiếm thửa ruộng có nhiều phẩm chất phì nhiêu để gieo trồng hạt giống của mình lên thửa ruộng ấy với sự ước mong cho mùa màng cây trái hoa quả tốt đẹp, như thế nào thì chúng sanh cũng dường thế ấy, khi muốn gieo trồng hạt giống lành là Phước Báo của mình thì cũng mong cầu cho được nhiều Phước Báo, nên phải chọn lựa mảnh Phước Điền, là người thọ lãnh Phước Thí của mình có được nhiều đức lành trong sạch, nhất là đã xa lìa các Phiền Não thô thiển hay vi tế, mới có thể làm cho Phước Thí được kết quả dồi dào không sai, cũng như gieo hạt giống trên miếng ruộng tốt, ít cỏ dại, không có lẫn lộn cát đất sạn, v.v. thì cây trái mùa màng mới được trở đầy những hoa quả vậy.

Hơn nữa, hạt giống mà gieo lên thửa ruộng có đầy đủ tám chi mới có nhiều hoa quả, tám chi ấy là:

1. Ruộng không cao lắm, không thấp lắm.
2. Ruộng không có đá sạn.
3. Đất không mặn lắm.
4. Ruộng sâu và mát mẻ.
5. Có nhiều phẩm chất phì nhiêu.
6. Không có sự tai hại, như sâu bọ.
7. Có đường nước dẫn vào ruộng (thủy điền).
8. Có bờ đê đắp quanh ruộng.

Hạt giống mà người gieo lên thửa ruộng có tám chi sẽ được nhiều hoa quả sung túc như thế nào, thì Phước Thí mà con người đã dâng cúng đến Chư Tăng là ruộng Phước Báo có tám chi cũng sẽ được nhiều Phước Báo vô lượng vậy. Tám chi ấy là:

1. Chư Tăng là hàng Thịnh Văn đệ tử của Phật có Chánh Kiến.
2. Có Chánh Tư Duy.
3. Có Chánh Ngữ.
4. Có Chánh Nghiệp.
5. Có Chánh Mạng.
6. Có Chánh Tinh Tấn.
7. Có Chánh Niệm.
8. Có Chánh Định.

Như bài kệ của Đức Phật có nói:

- ***“Tinadosāni khettāni rāgadosā ayam pajā tasmāhi vitarāgesu dinnam hoti mahapphalam. Tinadosāni khettāni dosadosā ayam pajā tasmāhi vitadosesu dinnam hoti mahapphalam. Tinadosāni khettāni icchādosā ayam pajā tasmāhi vitatichesu dinnam hoti mahapphalam”.***
- ***“Chúng sanh bị Tham Dục là tội lỗi, bởi vậy cho nên Phước Thí mà người đã cúng dường đến bậc không có Tham Dục sẽ được nhiều Phước Báo. Tất cả thửa ruộng, bị cỏ là vật tội lỗi. Chúng sanh bị sự Sân Hận là tội lỗi, bởi vậy cho nên Phước Thí mà người cúng dường đến bậc đã xa lìa Sân Hận sẽ được nhiều Phước Báo. Tất cả thửa ruộng, bị cỏ là vật tội lỗi. Chúng sanh bị sự Si Mê là tội lỗi, bởi vậy cho nên Phước Thí mà người cúng dường đến bậc đã xa lìa Si Mê sẽ được nhiều Phước Báo. Tất cả thửa ruộng, bị cỏ là vật tội lỗi”.***

Chư Tăng có danh hiệu từ Ahuneyyo đến Punakkhetam lokassa đều có năm Chi khác nữa ví như voi của Đức Vua, đó là:

1. **Sota**: là biết nghe lời dạy của nài voi.
2. **Hantā**: khi vào chiến đấu thì cố gắng giết cho được kẻ địch.
3. **Rakkhitā**: biết gìn giữ các bộ phận khi chiến đấu.
4. **Khantā**: nhẫn nại lằn gươm mũi đạn khi chiến đấu.
5. **Gantā**: luôn luôn tuân theo ý muốn của nài voi.

Con voi nào có năm chi như vậy thì mới xứng đáng cho Đức Vua tín dụng dùng xài trong khi chiến đấu như thế nào, thì Chư Tăng là bậc Thánh Văn đệ tử của Đức Phật có danh hiệu nhất là Ahuneyyo cũng có năm chi, đó là:

1. **Sota**: thích nghe Pháp của Đức Phật đã giảng giải.
2. **Hantā**: biết tận diệt ba Tà Tư Duy.
3. **Rakkhitā**: biết thu thúc Lục Căn.
4. **Khantā**: biết nhẫn nại trong mọi việc nhất là sự lạnh, sự nóng, v.v.
5. **Gantā**: là người trực chỉ thẳng đến Níp Bàn là nơi mà con người thường ít đi đến.

Hơn nữa, tất cả Ân Đức Tăng đã kể trên nếu kết hợp chỉ có hai đức lành là:

1. **Attahetu guna** – Ân Đức Tự Ngã
2. **Parahetu guna** – Ân Đức Tha Nhân

Chỗ câu nói từ Supatipanno ... đến Sāmicipatipanno gọi là (Attahetu guna – Ân Đức Tự Ngã – ân đức có lợi ích cho cá nhân mình).

Chỗ câu nói từ Ahuneyyo ... đến Anuttaram punnakkhetam gọi là Parahetu guna – Ân Đức Tha Nhân – ân đức có lợi ích cho người khác.

Đến đây là tóm lược tất cả Ân Đức của chư Tăng.

DỨT PHẦN ÂN ĐỨC TĂNG BẢO.

KẾT THÚC ÂN ĐỨC TAM BẢO.

Soạn xong tại Phổ Minh Tự

Tháng Giêng, Năm Giáp Dần

Đại Trưởng Lão Bửu Chơn

Tháng 02/1974 – 2517

(Hiệu Đính 2013 – 2556 – Bhikkhu Pasādo (Sư Sán Nhiên)).

Ngưỡng mong Ân Đức đặc thù của Tam Bảo, xin được thâm nhập và khai trí vào sở học sở cầu của Kỳ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức biên soạn và hiệu đính bộ Kinh ÂN ĐỨC TAM BẢO, hội túc duyên Phước Báo to lớn, xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báo thanh cao này hướng đến hai bậc Ân Sư, Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự (**SANTAKICCO MAHĀ THERA**), và Ngài Đại Trưởng Lão Siêu Việt (**ULĀRO MAHĀ THERA**) với tất cả lòng thành kính của con.

Ngưỡng mong công đức biên soạn và hiệu đính bộ Kinh ÂN ĐỨC TAM BẢO, hội đủ túc duyên Phước Báo to lớn, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con, Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương, đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thù từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành bộ Kinh ÂN ĐỨC TAM BẢO và chí đến toàn thể quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thủy.

Ngưỡng mong ÂN ĐỨC TAM BẢO luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sanh.

(Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā)

Với tấm lòng Từ Ái

Mettāparamatthapāramī

Hết Lòng Cẩn Kính

Bhikkhu Pasādo

Sādhū! Sādhū! Sādhū!

-----00000-----

Bố Thí, Pháp Thí vô song

Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.

Bậc Trí biết cách cúng dường.

Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.

Gió Từ quét sạch rừng phiền não.

Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.

Kinh sách đã được in ấn và phát hành:

- Giáo án Trường Bộ Kinh (1000 quyển)
- Giáo án Kinh Pháp Cú – Tập 1 (tái bản lần thứ II) (500 quyển)
- Ân Đức Tam Bảo (500 quyển)
- Chú Giải Bộ Pháp Tụ - Phân Tích (1000 quyển)
- Kinh Kiết Tường (500 quyển)
- Tổng hợp nội dung Vô Tỷ Pháp – Tập 1 (1000 quyển)
- Kinh Đại Phát Thù – Tập 1 (500 quyển)
- Những pháp thoại của Đại Trưởng Lão Jatila (1000 quyển)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- Giáo án Kinh Pháp Cú – Tập 2 (tái bản lần thứ II) (500 quyển)
- Giáo án Trung Bộ Kinh (500 quyển)
- Biên Niên Sử của Chư Phật (500 quyển)
- Kinh Đại Phát Thù – Tập 2 (500 quyển)
- Tổng hợp nội dung Vô Tỷ Pháp – Tập 2 (500 quyển)

VIETNAMESE AMERICAN MAHASI MEDITATION CENTER

12734 Marsh Road, Bealeton, VA 22712

Phương Danh Thí Chủ Cúng Đường - Ấn Tống Kinh Sách

Bùi Anh Thư	100
Bùi Minh	100
Nguyễn Hoài Việt	100
Lương Kỳ Phương Thủy	100
Gia Đình cô Tâm	50
Châu Thị Bé	30
Huỳnh Kim Chi	30
Lê Mỹ & Gia Đình	40
Mindy Nguyễn	50
Phạm Hữu Anh	15
Ông Phạm Ngọc Thành	100
Bà Phạm Ngọc Quế	100
Cô Huỳnh Thị Bằng	100
Đoàn Nghi & Thiên Hương	100
Phạm Duy Lý	1,000
Nhung Huỳnh	50
Thủy Trần	50
Lợi Trần	20
Đào Sĩ Trần	20
Châu Long	50
Hiệu Hoa	50
Chơn Phúc Hậu	20
Thần Mai	40
Phong Bùi	50
Thủy Bùi	50

Xuân Nguyễn	10
Hồng Thị Nguyễn	10
Hoàng Thanh Nguyễn	20
Lan Bích Thị Tô	20
An Văn Tô	20
Huệ Trần	40
Chi Lê	10
Phương Lê	10
Quang Tiền Nguyễn	50
Hà Cẩm Nguyễn	100
Đạo & Tấn	50
Phạm Bình Giảng	200
Chị Metta & Gia Đình	100
Cô Tịnh An & Gia Đình	100
Tâm Lạc & Tâm Hỷ	50
Tâm Hạnh Thuần	50
Chị Tâm Phước & Nguyên Thiện	100
Nguyễn Phương Khanh	20
Bác Diệu Pháp & Bác Thanh Lương	200
Ô/B Hồ Văn Khánh & Nguyễn Thị Huệ	40
Tuyết Hoàng	20
Nguyễn T. Kim Hương	25
Nguyễn T. Thảo	200
Ngọc Mai & Huỳnh Hải	20
Gia Đình Yến Nguyễn	100

Kính dâng phước báu đến Bhikkhu Pasādo

Sādhū! Sādhū! Sādhū!

Lành thay! Lành thay! Lành thay!